

VĂN NGHỆ

TẠP CHÍ TRANH ĐẤU VĂN HỌC

NGHỆ THUẬT MỚI

6

DƯƠNGNGHIỄMMẬU , DOÃNQUỐC SỸ , ĐẶNGNHƯỢC
PHƯỜNG , ĐỖQUỲTOÀN , HẠQUYÊN , KIỀMMINH , LÊHUY
OANH , LÝHOÀNGPHONG , NGUYỄNHỮUBÔNG , NGỌC
DŨNG , TRẦNDẠTỪ , TRẦNĐỨC CUYỀN , VIÊN LINH , VƯƠNG TÂN

tháng 7 - 1961

<i>dương nghiêm mậu</i>	1	người ngồi đợi mẹ
<i>ngọc đông</i>	11	tiếng hát của mặt trời
<i>vương tân</i>	12	1954 — 1961
<i>nguyễn hữu đồng</i>	15	trường hợp á châu
<i>trần đức uyên</i>	26	dịch thơ edgar lee masters
<i>đỗ quý toàn</i>	28	mưa lạnh
<i>lê huy oanh</i>	36	lược khảo phong trào thi ca siêu thực pháp
<i>henry miller</i>	52	katsimbali
<i>doãn quốc sỹ</i>	57	vài ý nghĩa về việc mở rộng nền giáo dục V.N.
<i>kiêm minh</i>	62	sau lưng thành phố
<i>đặng nhược phượng</i>	71	sỏi đá
<i>trần dạ từ</i>	79	chị em, cha con và trẻ thơ
<i>viên linh</i>	91	trong đường hầm

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học
nghệ thuật mới

chủ nhiệm :
lý hoàng phong
thư ký tòa soạn :
ngọc đông
trị sự
phí ích nghiêm

tòa soạn và trị sự
554, trương minh
giảng, saigon
điện thoại : sg. 060

số 6

người ngồi đợi mũ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Bây giờ mày nghĩ gì?

- Tao muốn cầm lấy con dao trước mặt mày.
- Một thứ dao ăn, một thứ vứt đi...
- Gì cũng được, nhưng tao phải cầm lấy một thứ trong tay, hoặc giết kẻ khác, hoặc chính tao.

— Nhưng riêng tao...

— Thôi cầm miệng lại, tao không thể...

Người thứ nhất cúi mặt nhìn xuống bàn lộng thính, người thứ hai xách va ly trên tay rời khỏi, đó là một thanh niên — một chàng.

Ở đầu ngõ hẻm 21, lão Giảng vừa từ trong xóm ra tới nơi, lão cầm chiếc can để lên bàn tròn, co chiếc ghế ngồi xuống và kéo một chiếc thứ hai gác chân lên trên rồi dựa lưng vào tường. Đây là quán cà phê của chú Sầm, quán nằm ngay ở đầu hẻm 21 mở ra con lộ lớn. Chỗ ngồi của lão Giảng ở ngay góc hiên bên cạnh xe hủ tiếu, phía trong là quầy hàng. Á Sầm, vợ chú ta thấy lão gỡ chiếc tẩu xuống mặt bàn, liếc gỡ nghe quen và thân, á nhìn ra mỉm cười, lão Giảng gật gật chiếc đầu, chiếc mũ chùm hụp trên đầu lay động, á Sầm chưa trông thấy mặt lão nên làm thính, á chờ chờ lão Giảng ngẩng mặt lên: chiếc mặt nhỏ thó nằm dưới mũ trắng, lão nhếch miệng, cái miệng móm mém vì không còn răng, đôi mắt xanh đục lơ chớp chớp dưới hàng lông mày bạc.

— Cụ Giảng, thế nào cụ, liệu trời này có mưa không?

— Ở không đâu, tôi vừa nghe tin bão ở xa lắm, còn nắng nữa chứ...

Thằng nhỏ mang ly cà phê ra để xuống mặt bàn.

— Này cụ Giảng, tình hình ở Léo ra sao, « cái của ấy » chắc không thể về được...

Lão Giảng mãi nhìn á Sầm, con nhỏ xinh, đôi má cứ phính phính ra thế kia, đôi mắt cười cứ tít lại, cái cổ trắng ngần, mái tóc cắt ngắn và

NGƯỜI NGỒI DỘI MŨ

một cái răng khềnh, lão lăm bằm : « Bây giờ thì mình già rồi... »

— Sao cụ Giăng, họ sắp lên mặt trời, mặt trăng rồi...

Thằng nhỏ vịn tay lên vai, lão Giăng giật mình quay lại, lão nhìn ngay phải bụng thằng nhỏ, nó cởi trần tròng trọc, mặc mỗi một chiếc quần chật sít làm hở cả rốn, hân lên và khỏe.

— Chú em ơi ! bụng cà phê đồ hết ra đĩa đây này, kệ tội chúng nó chớ, can gì đến mình... cho chút đường đã đây.

Một gã xích lô vừa bỏ nón xuống vừa cất liếng :

— Sao cụ, cái hồi « tam cổ thảo lư » đó — rồi sau khi Lưu Bị mời mọc, Khổng Minh phải hạ sơn phải không ?

— Người ta « tri thiên mệnh » mà lại, thời đẹp chuyện đó đi anh, còn thua tôi hai ván cờ tướng đây...

Bên này góc bàn, một chàng vẫn quen ngồi đó nhìn ra và nghe chuyện. Từ hôm chàng đến đây, cứ giờ này, buổi trưa khi chàng ra uống cà phê là lại gặp cảnh đó — gần như thường xuyên. Cứ vào quăng đó lão Giăng cầm chiếc can, miệng ngậm tầu, đầu đội chiếc mũ rộng, thứ mũ của những ông tây thực dân hồi xưa, thứ mũ lớn có vành rộng ấy đáng ra được đánh phấn, nhưng bây giờ lão Giăng đã đem sơn để giữ cho bền, vì có lẽ bây giờ không còn bao nhiêu loại mũ ấy nữa, nó đã hết thời rồi. Có một điều lạ là chưa bao giờ chàng thấy lão Giăng bỏ chiếc mũ ra khỏi đầu, khi ra đầu chào ai lão chỉ đề tay lên vành mũ cho có cữ chỉ mà thôi. Đang mãi ngẫm, lão Giăng bỗng quay mặt về phía chàng, nhìn thấy vẻ chăm chú của đôi mắt người trẻ, lão mỉm cười tỏ thiện chí, gật gật chiếc đầu, tay cầm chiếc tầu thuốc đề lên miệng hút một hơi dài thở khói ra hai lỗ mũi như ống khói tàu thủy.

— Họ kỳ quá phải không cậu, anh ta còn thua tôi hai ván đó. Tôi chơi quân tử lắm, có thêm chiếu bí ai bao giờ đâu, nhưng vẫn thắng. Tôi nhất định không thua bao giờ, nếu không làm sao tôi sống được đến hôm nay... À tôi trông cậu có vẻ quen lắm, cậu ở gần?

— Trong hẻm này...

— Ồ, hóa bà con lối xóm mà tôi không rõ, trách nào, cậu biết nhà tôi chớ ?

— Dạ cụ ở trong hẻm...

— Đúng nhà tôi đó... Trời nắng, nhà tòn, la đồ, trẻ con, thật tôi không thể chịu được, ồn quá không sao ngủ trưa được lấy một phút, nhất con nhỏ ở bên... đêm ba đứa nó la, cười, nói, la đồ... mình thì già rồi... Họ thì trẻ... cả cậu nữa.

— Vâng tôi trẻ mà, thì thế cả.

— Hồi xưa chừ, tôi cũng vậy, từ hồi tôi xuống tàu ở Mác-Xây đến giờ... bây giờ đã 72 tuổi đầu, mà cũng lạ, nếu như đồn đồn Ba-Lăng ở Xuân Lộc của tôi mà không bị con vợ nó bán mất, thì bây giờ tôi đâu có thế này, cậu thấy đó. Tôi lấy làm lạ sao tôi can đảm vậy, cái năm tại Nhật nó sang thế mà tôi không phải đi kéo xe là may... Sớm ban cậu phải biết, tôi tám cũng không hết chừ đượ nói chuyện uống. Rượu ngon, gái đẹp, tôi tớ... biết bao nhiêu. Vận mệnh hàng ngàn công nhân dưới

tay sinh sát... cái mũ này... cậu phải hiểu...

— Đây cụ Giảng, cụ có được tin gì của người em ở An-giê-ri không, chắc họ sắp về nước cả nhỉ?

Chủ Sầm ở trong quán cất tiếng hỏi. Lão Giảng im lặng nhìn: tại các chú thế mà nó đều, nó chơi mình đó, thì ra mình thất thế thật rồi. Nếu xưa mà buột miệng nói câu đó thì chết ít ra cũng mấy mạng, tuyệt tự là khác, mình thất thế thật rồi, hết thời thật rồi. Mình yếu quá, ít quá. Hồng rồi... trong óc lão Giảng lại bắt đầu khơi dậy những chuyện cũ rứt xa và tự nhủ thầm an ủi. Lão lấy chiếc tẩu đờn thuốc rồi đề lên miệng. Chủ Sầm ngó sang chàng thanh niên:

— An-giê-ri ở đâu cụ Giảng nhỉ... cụ đã sang đó chỉ chưa?

— Sao lại không, tôi đã ghé tàu tại đó rồi... ở đó thì... (óc mình ngu dòn mất rồi, ở đó chắc đẹp, chắc hay lắm, người Pháp mình đã khai sáng ra mà, chẳng hạn như... không phải ở đây, vì bây giờ mình phải ăn cơm cá kho, giá sống, phải uống cà phê của chủ Sầm...)

Có khách, chủ Sầm đi vào, lão Giảng thôi nói, chàng thanh niên để hai bàn tay vào nhau, rồi nói:

— Buồn quá phải không cụ..

— Ồ nhất định rồi, tôi đây nữa chứ, nhưng phải buồn cả cái buồn nữa. Phải coi cái sống như cái chết, coi vui như buồn... phải ăn như không ăn... sống như không sống...

— Làm sao được.

— Mà cứ phải được. Cậu còn trẻ chưa thể hiểu được điều ấy. Trông các cậu tôi buồn..

— Sao lại các cậu, tôi chứ, rồi lại buồn nữa?

— Chẳng ra làm sao, mất cả gốc rễ, mất cả năng lực, ăn chơi.... tôi có đứa con gái khá lắm, nó nuôi tôi đấy chứ.

Chàng thanh niên đứng lên. Lão Giảng ngẩng nhìn.

— Trời nắng quá độ.

— Nắng còn lâu cậu ơi, thế mà các cậu thì cứ đầu trần thế kia, nhức đầu, sưng màng óc cũng có. Phải đội mũ vào chứ.. này cậu, tôi cho cậu mượn này, mũ tôi tốt lắm, hàng trăm năm rồi cũng có... này cậu ơi...

Chàng thanh niên đi vào ngõ như không thấy tiếng gọi. Lão Giảng ngồi xuống: Khỉ quá, tại trẻ nó không rời, trời nắng thế kia cho đội mũ không đội, hồng hết, đến như mình đây, ngần này tuổi còn phải giữ thân cho yên. Khinh thường vậy là hồng. Phải biết cái kinh nghiệm này chứ. Lão thần người như đang nhớ lại bao nhiêu là chuyện không thể nhớ, bao nhiêu năm của tuổi trẻ, khi hống hách ở cái đồn điền Ba-lăng và cô vợ trẻ đẹp của lão. Bây giờ lão chỉ một thân này với đứa con gái: chắc không phải là máu của mình nữa...

— Cờ đây cụ Giảng. Tôi phải gỡ hai bàn thua mới được chớ, thật không ngờ tôi lại thua cụ

— Thôi đi, chúng nó đang đánh nhau âm trời đó, rồi bom nguyên tử sẽ nổ, đừng hy vọng cờ với quạt. Đã đủ 25 đồng trả tiền thuê xe chưa? mợc...mợc... anh phải hiểu tôi có thể đi bằng hai bàn tay và ăn cơm bằng

NGƯỜI NGỒI ĐỘI MŨ

lỗ rốn, hát bằng lỗ tai... hãy bằng tôi đã rồi mới đánh cờ phục hận được...

Cả tiệm cất tiếng cười ồ, ả Sầm léo nhéo nói:

— Cụ Giăng hay quá...

— Tôi thua cụ rồi, cụ ơi, hãy bỏ mũ ra đi, như vậy chắc tôi thắng.

Lão Giăng sửa tay:

— Ô không được, phải đội mũ chứ, chủ phải có nón nếu không óc nó vừa ra nước đó... tôi chỉ còn có nó thôi, tôi mất sạch rồi, tôi thua hẳn rồi mà.

Tiếng cười ồn ào chung quanh, trẻ con kéo đến vây quanh, lão Giăng đứng dậy cầm chiếc can quay tròn, khom lưng cúi đầu làm cử chỉ chào:

— Xin kính chào liệt quý vị thân mến...

— Em ở đây một mình à?

— Không một mình mà toa vào được đây à, moa ở với một lão nữa

— Một lão?

— Lão bố hờ mà...

— Nghĩa là cũng hai mình.

Chàng thanh niên bước vào trong buồng và ngồi xuống giường, đưa con gái bật đèn sáng, cởi áo ngoài ngồi xuống bên. Nó ôm lấy chàng và cười cung cúc:

— Toa mới đến đây.

— Mới.

— Thế sao biết mò vào nhà này, kẻ cũng liều.

— Người ta bảo: mấy đứa trẻ nó cười, đùa, la đồ... như vậy thì chỉ có thể là thế. Tội già ở chung quanh chắc khó chịu lắm..

— Thường thôi, ăn thua gì...

Hai đứa nằm xuống giường. Một lúc sau chàng mới nhìn rõ con nhỏ: tóc hung, mắt xanh và da trắng mịn, vôi chiếc sống mũi hơi cao, trông có máu lại nhiều:

— Còn lão bố hờ, sao lại hờ...

— Lão ghê lắm. Hồi xưa ác lắm. Bây giờ còn ai sống sót ở đồn điền Ba-lăng thì biết. Hút máu người không tanh. Lão có thể giết bất cứ ai, muốn ngủ với vợ ai ở đồn điền cũng được. Moa có máu Tây mà. Khiêu đùa mê moa..

— Thôi im đi.

Chàng thanh niên đứng dậy đóng khuy áo rồi bước tới cửa buồng. Chàng đứng lại, đưa con gái ra hiệu.

— Lão về đó, đừng im chút đừng ra gặp lão, lão có thể đánh chết và âm ỷ vô ích.

— Sao vậy?

— Vì lão cho là lão trong sạch, làm vậy trước mặt lão như vậy không được. Lão bảo: phải kín đáo như lão không biết bất cứ chuyện gì vì lão già rồi, còn một chút tư cách đó thôi. Lũ lão biết thừa mọi chuyện.

DƯƠNG NGHIỆM MẬU

Lão mảnh lới chưa. Cú già mà.

— Quan viên nghiệm thi vẫn thế, vớ thời.

— Nền ra cửa sau, hôm nào đến nữa ?

— Đến chứ, em đẹp lắm .. có thể yêu được. Nhưng...

— Sao ?

— Ồ, có thể cưới làm vợ được.

— Thời nội ơi, đừng lằng mằng cái miệng, có liền thì hãy đến...

Chàng đứng dựa lưng ở cửa sau : anh cũng như những kẻ khác, anh là một thằng đàn ông, có thể cũng là một thằng đĩ được còn em là một con đĩ cái. Làm sao để anh thoát ra khỏi căn nhà này, không phải công sau mà cũng không phải công trước, làm sao để anh thoát được cái lẽ thói luân lý giả tạo, những che đậy nhất thời, những sự thực bần thiêu vây quanh đây, anh sẽ phá tường mở một công khác ư ? anh sẽ chọc thủng mái nhà ư ? hay là anh phải đốt cháy căn nhà này cho em, cho anh, cho cái quá khứ nô lệ, cái thực tại giả dối này bốc cháy ? Anh sẽ kêu ư ? Hàng xóm láng giềng đều thấy đó — không được, bây giờ anh chỉ có ở trong lòng anh cái ý muốn thay đổi để anh không phải là anh lúc này, là em bây giờ...

Phải thay đổi... Anh đã chót rồi, anh phải ra công sau, anh mong đây là lần chót... Anh phải làm khác — Chàng thanh niên cúi mặt xuống ngực mình, mớ tóc soã bất động trông như một xác chết khô ở nơi thành quách cô nào đó bỏ quên hàng thế kỷ. Cái xác chết đó như chờ đợi một phút rung động, đề, hoặc tan ra bụi, hoặc nhụp hồn làm một kiếp sống mới như loài quỷ dữ phá phách phung phí cái sức mạnh tiềm ẩn vẫn lưu giữ trong tim.

Đưa con gái ngó vào xó tối. Tiếng lão già phía ngoài.

— Hê-len, tao đã bảo mày mà, làm sao thì làm nếu không kiếm được « thứ đó » thì chết với ông... ông mang tai tiếng đã nhiều rồi, cũng chỉ vì mày thôi... cái thuở xưa...

— Cái thuở con chó, mẹc ! mẹc !...

— Ê anh, anh...

Chàng thanh niên hét lớn rồi bỏ chạy. Lão già đứng im nghe ngóng... Con nhỏ túm được chàng trẻ ở cửa ngõ : « Điện hả ? Điện hả ? » — « Mày hay tao ? » — « Lão ấy để cho moa yên à ? » — « Thì lão ấy để cho tao yên à ? » chàng bỏ chạy, đưa con gái trở vào. Lão Giăng đứng ở cửa ngoài :

— Đưa nào vậy ?

— Không.

— Sao tao nghe tiếng hét và tiếng cửa đóng ?

— Đâu ở hàng xóm người ta làm gì đó.

— Còn mày ?

— Dạ, con ra ngoài mua thuốc đánh răng.

— Liệu hồn, mày có liền đừng giấu tao nghe chưa, mày muốn tao đốt căn nhà này không. Lúc ông Lưu Bị bỏ thành của Lưu Biểu, bị Tào Tháo đuổi, dân chúng theo ông ấy như kiến, đi chậm mà cứ phải đi.

NGƯỜI NGỒI DỘI MŨ

Đừng hòng, tở tiên tao là thâm thù với tụi Đức, tao có gốc hân hoi. Còn mày là gì mày biết không? mày là nàng Ngọc Nữ... ha ha... Lão Giăng trở vào lẩn mình lên giường nằm xấp xuống, lão cười, rồi khóc... một lúc lão trở dậy đội mũ lên đầu; ngậm tẩu, cầm can, lão đi từng bước ngẩn một cách vững vàng oai vệ, lão đi quanh quần trong nhà chốc chốc dừng lại để tay lên hán... lão muốn nhớ lại cái hồi ở đồn điền Ba-Lãng, cái thuở oanh liệt của đời lão; Tại sao hồi đó mình hiếp đã nhiều mà lại không để lại lấy một số di sản quý báu nào như thằng Rô Be. Thật quá uổng công. Trong đầu óc lão hình ảnh khu đồn điền cũ lại diễn ra trước mắt một cách rõ ràng: ngôi nhà hai tầng lợp ngói đỏ nằm bên một khoảng sân rộng, chung quanh rừng cao su xanh ngút ngàn, phía trong là khu dân thợ, những ngày huy hoàng đó lão chẳng hy vọng có nữa. Lão nhớ một lần trở lại, về sau này, ngôi nhà ngôi xưa đã đổ nát, ngay sân, người chủ mới đã cho giồng thêm cao su. Những dân thợ ở đó chẳng còn ai biết đến lão, ngoài một tiếng nói lúc ở bến xe lão nghe thấy của một ông già nơi quán nước: Lão Giăng ở đồn điền Ba-Lãng đó — bây giờ như một con chó già ghẻ lở. Đùng rồi—lão nghĩ—mình là một chó già mà. Tổ quốc mình ngu thật, phải cai trị cái xứ mọi rợ này chứ? chủ gì mình cũng là kẻ khai sáng cho chúng nó, thế mà nó bảo mình là chó ghẻ. Rồi lại thua ở An-giê-ri nữa à... không có ân nghĩa, luân lý gì cả.. Hôm nào mình chết rồi họ chôn mình vào một bãi rác nào đây. Phụ bạc, phụ bạc... Chúng nó quên công ơn quá khứ của mình rồi. Lão ngồi thờ người ở ghế đầu như một pho tượng đá.

Đưa con gái ra gái then cửa sau, nhưng mắc kẹt mãi không sao đóng được, có lẽ vì cái đập cửa quá mạnh của chàng thanh niên — « Thế này là hết kén đáo, cửa sau như cửa trước. Có cũng như không », nó cố nhớ khuôn mặt của chàng, chưa bao giờ nó gặp một người khủng như thế — hay chính chàng không khủng mà những đứa kia mới khủng? nó bỗng cầm lấy chiếc khăn tay ở giường — chiếc khăn của chàng bỏ lại — nó đưa lên miệng và ngửi thấy một mùi tanh lờm lợm. Nó nằm im mơ tưởng, tại sao nó lại không có tấm chõng đang hoàng để có thể khâu vá. Nó muốn cho lão già chết đi. Chỉ có lão chết đi may ra nó mới có thể làm khác được, dù thế nào đời nó cũng khác, dù sao nó cũng không phải che đậy gì. Tại sao lại không bỏ lão lại một mình rồi nói với chàng mang đi...

Chàng thanh niên chạy một mạch về đến nhà, chàng định thần đứng lại dưới ngọn đèn trước cửa, bóng chàng khô khảnh dưới chân, chàng nhìn xuống: Ta là ta ư? Có chắc không? nhà đây ư? chắc không? Tiếng nói nào đang cất lên từ trong óc mày? nó bắt đầu chảy ra nước rồi sao? Một cái mũ đội lên? cha mẹ ơi!..

Lão Giăng nhìn thấy chàng thanh niên đi từ ngõ ra, lão mỉm cười chờ

DƯƠNG NGHIÊM MẠU

đội chàng tới gần. Thắng nhờ này có thể làm rõ mình lắm, chẳng hiểu hẳn có chịu không? chắc là chịu nếu hẳn trông thấy con nhỏ. Đứa nào mà chẳng ham chút nhan sắc, nhất nữa nó có chút máu lai, của lạ mà. Chàng tiến đến gần, lão Giăng gật đầu, chàng kia đứng lại, lão Giăng cất tiếng:

— Cà phê cậu, trưa nắng quá.

— Vâng nắng quá, như lò lửa.

Chàng vừa nói vừa ngồi xuống chiếc ghế cùng bàn với lão Giăng. Lão ta vẫn ngồi như mọi ngày, chỗ đó, dáng đó, và chiếc mũ tròn đầu. Không hiểu ở trong mũ đó có gì bí mật cần dấu điểm không, tóc tơ của lão thế nào? hay là một cái đầu trọc nhẵn trơn như chiếc sọ dừa, nhưng có điều, với cái mũ trên đầu trông lão có vẻ bề thế và hách dịch hơn. Trong dáng điệu đó còn mang một chút kiêu hãnh với quá khứ của lão, dù quá khứ đó làm sao đi nữa đối với lão cũng là một thời đại.

Chàng thanh niên gọi một ly cà phê đá. Lão Giăng lớn giọng với chú Sầm:

— Này chú, đây là người bạn mới của tôi, cho cái cà phê mới cất chỉ ấy nghe — Lão quay sang chàng — thứ mới ngon hơn, còn thứ cũ nó chua lắm, cũng là đồng tiền.

— Vâng có thể.

— Cậu một mình thôi à? cậu ở miền ngoài mới vô?

— Tôi ở đây lâu rồi, tôi dân cũ mà, nhưng chỉ có một mình.

— Ông bà cụ thì sao?

— Thấy tôi người ta cho vào bao bố đánh chết trôi sông, mẹ tôi lấy chồng khác, tôi lang bạt vô gia cư vô định sở.

— Tội nghiệp, thật tội nghiệp. Con nhỏ tôi nó sương nhiều, mẹ nó chết còn có tôi nuôi nấng đi học hành khá như bây giờ. Tôi thương nó cùng độ, mồ côi mẹ là khổ rồi, dù thế nào tôi cũng là đàn ông làm sao có thể chu đáo được. Giờ tôi nhờ nó, mai sau nó có gia đình, trông vào đó rồi chết cũng được.

— Vâng, phải lắm.

— Lúc nào cậu ghé nhà tôi chơi.

— Dạ vâng.

— Cậu phải có lấy chiếc mũ mà đội cho đỡ nắng chứ.

Chàng hợp ngum cả phê đầu tiên, một cảm giác lạnh buốt chạy xuống cổ. Lão Giăng mời lửa vào lều thuốc kéo một hơi dài. Á Sầm đi từ trong ra ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh lão Giăng, á mở tờ báo đưa ra trước mặt:

— Này cụ coi khiếp chưa, họ mổ bụng người như thế này có kính không chứ, ruột gan một đồng như lòng heo.

— Ồ có gì đâu, thường cả, còn khối chuyện động trời, ăn thua gì tới mình. Chàng thanh niên cầm tờ báo coi một chút rồi trao trả.

— Không thể được, sao lại không ăn thua gì tới mình? Rồi nó thật chính mình chứ.

— Công việc ấy không phải của chúng tôi, chúng tôi già rồi, gần kề miệng lỗ. Của các cậu chứ.

NGƯỜI NGỒI ĐỘI MŨ

- Thi nhất định rồi, của tôi chứ...
- Tôi thì tôi nghĩ khác, mình như là cô yếu, giờ chiều nào, lượt chiều ấy, ăn thua gì. Cái hồi xưa của tôi đó. Cậu biết, các cậu phải nghe chúng tôi chứ, ngàn này tuổi đầu. Chúng tôi đại nhưng đại khôn, còn các cậu khôn nhưng khôn đại. Cậu nên biết.

Người trẻ lặng thinh. Lão Giảng kêu lớn:

- Cho «nhâm xà» đây.

Chủ Sầm đi ra kêu:

- Có gì lạ không cụ Giảng?

- Ồi trời! chả có gì đâu, xưa như nay, nay như mai, đừng nghĩ gì cả. Có số cả mà.

Lão Giảng bỗng đập tay vào vai chàng thanh niên :

- Kìa là con gái tôi..

Lão vừa nói vừa chỉ vào trong ngõ, chàng nhìn ra con nhỏ.

- Trông quen như tôi đã gặp.

Lão Giảng giữ chặt lấy vai chàng, mắt mở lớn :

- Cậu gặp bao giờ?

Chàng muốn nói : tôi đã ngủ với nó rồi, nhưng chàng vội lảng :

- Đi ra đi vào ở ngõ này mà.

- Ừ thế chứ lý, nó có giao du thân mật với ai đâu. Nó ngoan lắm cậu.

Chàng thanh niên ngả người vào tường, chàng chăm một điều thuốc cho đỡ trống: một cái gì mình phải nắm lấy ở trong tay và bám cho lão một nhát. Không thể như thế được, không thể xuồn động như thế được. Phải tin là mình làm được, làm được theo ý nghĩ của mình. Chính mày, có phải cái thân thể mệt mỏi của mày, cái khối óc đang lay động của mày đang muốn cử động. Sao chần chừ? Đó là một thái độ chần chừ, một suy nghĩ đúng mức, hay chỉ là biểu tỏ sự bất lực, mày đã vào lấy một cái cớ, như kẻ chết đuối nắm lấy bọt để tin mình không bị dòng nước cuốn theo — nhưng sự cuốn theo vẫn đến. Có phải chính mày đang cố gượng gạo cái ý thức nhỏ nhoi trên một đồng thịt thối, trong một khối óc tan rã để che đậy, để lừa mình lừa người không?

Với lão Giảng này, tấn kịch từ hàng năm mươi năm nay còn giấu một sự thực của quá khứ, của tinh thần nó lệ hèn mọn, cầu an, của sự che đậy một hậu trường đang xinh thối. Tại sao không lăn vào đồng xinh thối đó rồi chết đi? Không thể, không thể, phải làm khác. Cứ mặc cho người ta quay cuồng mùa rồi, buồn bán và nhận đó là một sự thực. Nhưng làm sao?

- À cụ Giảng, tôi thua cụ hai ván cờ hử, phải để cho tôi phục hận và tôi thắng chớ. Tôi phải kiếm một cái nón như nón của cụ mới được.

- Chủ em ơi, cả đời tôi còn có thể. Chủ đã giết được ai chưa mà lòng phục hận với tôi. Ừ ra cũng phải đã giết người một lần.

Anh phu xe đập tay xuống bàn, trợn mắt quát lớn :

- Cụ già mà dám ăn nói thế à? cụ muốn tôi giết người hử?
- Chủ lại say rồi...

DƯƠNG NGHIÊM MÀU

— Tôi mà say, cụ say, chính cụ mới say.
— Tôi có uống chút rượu nào bao giờ.
— Nhưng cụ say, cụ có nhận không, cụ say cụ mới bảo người ta giết người chớ.

— Thôi mà la lối chỉ dờ vậy.

— Cụ la lối hàng bao nhiêu năm nay ở cái góc nhà này rồi cụ mới nói vậy. Nếu cụ nghĩ tôi không phục hận được thì cụ cởi quần áo ra chơi với tôi một keo.

— Thôi mà. Để lúc khác. Chú yên cho tôi nói chuyện nghĩa lý với cụ đây một chút.

— Không được, tôi muốn đánh nhau với cụ một lần.

Vừa nói hắn vừa vọt bỏ dép, bỏ mũ và xắn tay áo; hắn tiến lên, lão Giăng sỏ chạy, hắn đuổi theo vớ được chiếc can, và đánh theo, chàng thanh niên ngồi yên nhận được chiếc can đập vào đầu ngã xuống, trong quán tán loạn, lão Giăng khôn ngoan chạy vòng vào những bàn ghế. Anh xe cẩy sức sỏ bàn ghế lăn chiêng, lão Giăng kêu làng nước vang động. Sau một hồi huyền não, có một anh xe khác ôm chặt được người say và mang hắn đi khỏi. Lão Giăng vả cả mồ hôi trở lại chỗ ngồi. Chàng thanh niên từ dưới đất bò dậy sờ tay lên đầu thấy ướt liền đi xuống trước mặt: máu đỏ chét cả bàn tay, lão Giăng ngạc nhiên:

— Sao cậu lại có máu, ngã à?

— Hắn đánh lên đầu tôi, chính chiếc can của cụ.

— Thật khờ quá, sao cậu không chạy ngay, như tôi mà nó còn không đánh được nữa là cậu còn trẻ, mạnh sức có thể chạy nhanh được. Sao cậu lại lý ra đó.

— Cụ mà bảo tôi chạy à, đáng ra tôi phải kháng cự chứ.

— Sao cậu không đội mũ, nếu có mũ như của tôi thì nếu có bị chiếc can đó cũng không hề gì.

Chàng thanh niên đứng dậy rời khỏi quán đi vào ngõ, chung quanh chàng những trẻ con đang nô đùa vui vẻ, hai bên dãy nhà thấy những khuôn mặt gầy còm ngó ra, chàng thấy ngõ sâu hút, và những mái nhà chen nhau nhiều vô kể, sức nóng làm chàng hoa mắt và đầu óc như bốc lửa, chàng bước vào căn nhà đưa con gái. Khi đứng trước cửa buồng chàng cất tiếng gọi

— Em à, Hê-Len à...

Chàng gọi mãi nhưng không thấy tiếng trả lời, chỉ có tiếng chàng vọng lại soáy vào óc buốt nhưc và đau đớn, chàng ngồi xuống một chiếc ghế quan sát gian nhà ngoài, chàng thấy hơi mát như bốc ra từ những bàn ghế cũ, gian nhà trang trí rườm rà, những đồ đạc như đã mang một tuổi tác già hơn cả lão Giăng. Chàng lầm bầm: di sản của bao nhiêu năm đồn chứa lại đó, từ một thứ gốc rễ ở tận bên Tây nào, với những nhân vật tam quốc, cùng với hàng trăm những kẻ thống trị da trắng đến chốn này... Đồn điền, cao su, mỏ trắng, sâm banh, nước mắt, mồ hôi, và xương cốt... Bao nhiêu là những di sản phải chăng còn chất cả đây? Cái vang bóng của một dĩ vãng sâu nặng vẫn còn. Ta biết điều đó, và chính

NGƯỜI NGỒI DỘI MŨ

ta, trong người ta cũng còn nữa. Nhưng ta không thể mang thêm của kẻ khác. Ta phải tự tháo gỡ cho ta trước đã, và cũng đó những kẻ khác...

Đứa con gái đi về thấy chàng thì kêu lên :

— Trời ơi! sao anh đến giờ này, lão già mà gặp thì không yên.

Chàng ngồi yên không cử động, đầu óc chàng còn mãi nghĩ những điều đầu đầu đang quay lộn trong đầu.

— Sao, anh sao thế?

— Anh vừa giết người xong.

Vừa nói chàng vừa chìa hai bàn tay bết máu ra cho đứa con gái thấy.

— Anh nói đùa sao ?

— Thật, anh cầm con dao phay ở tay phải, anh quật ngã ngựa trắng già, tay trái để lấy cò, ngồi lên báng rồi anh cầm dao rạch một đường từ từ xuống rốn hân chết cũng không kịp rầy, anh lấy hai tay vốc máu trong bụng mà uống, ngọt như nước đường. Anh vốn thiếu máu từ nhiều năm nay.

Chàng nói thản nhiên, đứa gái con trở mặt kéo chàng vào trong buồng kiếm khăn lau sạch hai bàn tay :

— Phải đi trốn thôi, rồi người ta tìm anh thì sao ?

— Vào tù.

— Không, anh hãy mang em đi theo, không thể như vậy được...

— Nói vậy thôi chứ ăn thua gì.

— Anh kịch em rồi. Nhưng mà này anh có thực yêu em không ?

— Sao lại không, thế anh đến đây làm gì ?

— Anh cưới em đi, rồi mang em đi xa, em chán ở đây rồi.

— Còn ông bố.

— Kệ lão, cho lão chóng chết đi.

— Nhưng em không thể làm vợ ai được, em là dĩ thì em phải nhờ vào ông bố đó mà nuôi thân. Còn anh, anh phải khác, anh không muốn để em làm dĩ và anh làm dĩ theo.

— Em van anh.

— Anh phải van em mới phải, thôi đừng quàng thêm vào cổ anh một sợi xích nữa...

Chàng thanh niên bỏ đi, đứa con gái ôm ghế khóc :

— Phải chăng vì ta có một chút máu lai, một chút dĩ vãng ?

Chàng thanh niên trở ra quán, lão Giảng nhìn thấy kêu lên :

— Này cậu đi đâu đó ?

— Tôi phải đi bằng cái đầu, nó nhức quá.

— Chết thật, coi mà khốn đó, hãy đội tạm cái mũ của tôi đây — vừa nói lão Giảng vừa gỡ mũ khỏi đầu, chàng thanh niên nhìn thấy cái trán hói và những sợi tóc bạc trắng chải vuốt về phía sau — cứ đội tạm rồi trả tôi sau cũng được.

Chàng thanh niên cứ đội mũ trên đầu đi trở lại vào nhà đứa con gái, tiến tới cửa buồng gõ mạnh. Từ phía trong Hè lên ngó thấy chiếc mũ kêu lên :

— Bà gọi gì con, con đang thay đồ mà, Bà đi ra đi. Người ta trông

thấy bây giờ.

Chàng thanh niên đề mũ xuống bàn và cầm con dao ẩn ở đó đâm một nhát nuốt chửng mũ rồi bỏ đi.

Hôm sau lão Giăng chờ chàng thanh niên mang trả mũ nhưng không thấy, lão gật gù.

— Hân biết nghe lời, thật đáng mừng mình cung mà không cầu.

Nhưng đến lúc tỉnh cơn nhìn thấy chiếc mũ cầm con dao ở góc nhà thì thất kinh, lão hoảng hốt ngã khuỵu xuống đất, nghiêng bàn làm vỡ bộ đồ trà. Đưa con trở ra thấy vậy cười ồ :

— Kia ba, ba lại kịch với con rồi...

Nhưng lão Giăng đã ngất sủ, không nghe thấy câu đó.

tháng 4-61

dương nghiêm mậu

tiếng hát của mặt trời

Hãy gỡ đều cho sợi tóc dài
Cùng một lần với tiếng hát nhìn thấp xuống
Với giòng sông nước cuốn chảy mòn
Nước chảy cuốn mòn xó lờ chân em
Từng dạ khúc
Và tiếng khóc nhỏ theo lưng chút một
Từng chút em từng giọt mưa mau.

Đó là bãi cát trăm mình là tiếng động
Của một loài rêu mun
Từ đỉnh tháp
Bàn tay xoe hết không gian
Rồi úp mặt nhìn cùng suốt thân thể.
Đó là sự hủy diệt của một chiều ánh sáng
Khi mặt trời sắp mọc khi mặt trời lặn xuống
Biển xô nhanh từng lớp cỏ dài
Đó là sườn núi cô đơn và bí mật.

30-4-61

ngọc dũng

1954 - 1961

lặng T.T.T.

1

Quay về bên phải
Súng đi sau lưng
Tôi nghe lời quát
Khi tuổi hai mươi

Sự thật trước mắt
Là mối tình đầu
Và mặt trời đỏ
Đang mọc lên cao

Như một bí lịch
Chúng nó đẩy đường
Vết lở què hương
Nghe đau da thịt

Lịch sử bốn nghìn
Tôi cầm trên tay
Trang sách lật qua
Không lời huyền bí

Chúng nó cầm dao
Đâm vào trái tim
Và nhìn máu chảy
Sự sống dâng lên
Trong nghìn huyết quản
Trên vụn cánh tay

Chúng nó cầm dao
Âm mưu giết người
Chúng nó cầm dao
Dấu trong tay áo
Lưỡi dao phản chủ
Chặt đứt quá khứ
Chém gãy tương lai
Đào hố chôn chúng

Quay về bên phải
Lưỡi dao đâm mây

2

Khi tổ quốc chúng ta
Phục sinh trên nôi trẻ
Và người yêu thứ nhất
Gặp tình nhân trở về

Đàn chim đi trốn tuyết
Vỗ đôi cánh mùa xuân
Lịch sử những trang mới
Là chuyện tình hàn hoan
Nhưng hôm nay hôm nay
Bọn sát nhân còn đó
Khi giới cứng trong tay
Nhắm đâm vào tuổi trẻ,
Những số phận bầm hiu
Đàn nhỏ loài mọi đen
Mặt trời không của bay
Chúng nó bảo như thế
Và chia cắt thịt da
Chúng nó hét âm ỹ
Rồi cắt cổ chúng ta.

3

Này một quả bom
Và thằng dân ngu xuẩn
Này giấc mơ tiên
Những ảo tưởng cách mạng

Quả bong bóng đứt giây
Bay ra ngoài tầm mắt
Và con chim tha rác
Đi làm tổ phương xa

Tôi là thằng mọi đen
Gỗ chiếc trống mè khùng
Tao là thằng phù thủy
Đang mở cửa tương lai

Lúa ruộng tao vừa chín
Cây vườn đang trở bông
Sao chúng mày chia bán
Hỡi lũ quỷ cầm dao

Này quả bom nguyên tử
Tao vẫn thẳng dân nhỏ
Lũ mọi đen khốn cùng
Nước không thừa để uống
Đêm ngày vật tương lai.

4

Tao không quay đi đâu
Mùa đông mặc áo rét
Có lửa ấm tình yêu
Bên phải bay bên trái
Những trận tuyến chúng bay
Này đồ quân ngu xuẩn
Mày nói nữa đi xem
Này mũi súng sau lưng

Này con dao dẫu lén
Số phận đã quyết định
Tao sinh ra làm người
Dù mọi đen dân nhỏ
Tao sinh ra làm người
Hai bàn tay trống trơn
Với nhãn hiệu mọi vàng
Tao sinh ra làm người
Tao phải sống ở đây
Cho vườn cây sinh trái.
Và đập tan chúng bay
Như đập loài thú dữ.
Ôi tương lai tương lai
Anh ôm em khiêu vũ

vương tân

tinh thần thế giới văn học hôm nay Trường hợp Á-châu

NGUYỄN HỮU ĐÔNG

Cách mạng Pháp Nga mạnh vì đã mang ruộng đất đến cho mỗi người ; cuộc cách mạng này hiện đang đem sự sống đến cho mỗi người. Đứng trước sức mạnh ấy không một cường quốc Tây phương nào có thể ngăn chặn được...» (Les Conquérants, A. Malraux)

Có thể rằng con người đã thoát thai từ một hay những nguồn gốc chung — nguồn gốc ấy là hai thủy tổ Adam Eve, hay là một cặp vợ chồng tinh khôn nào đó ? — nhưng rồi dần dà, với đà gia tăng dân số mãnh liệt, mỗi người đã rải rác đi kiếm ăn một phương trời. Sự xa cách tinh thần cũng như địa lý càng ngày càng tăng thêm mãi, và đến độ cao nhất vào thời kỳ Trung cổ, mỗi địa phương sống trong tình trạng bế quan tỏa cảng gần như tuyệt đối.

Ngày nay, nhờ những phát minh kỹ thuật và khoa học, nền văn minh Tây phương đang đóng vai trò lãnh đạo và chi phối sinh hoạt nhân loại, vậy dù muốn dù không, chúng ta cũng phải đứng về quan điểm văn minh Tây phương để nhìn cuộc diện thế giới và nhìn những cuộc gặp gỡ giữa các văn minh khác qua văn minh Tây phương, hay trong văn minh Tây phương. Nói cách khác, để xét sự gặp gỡ với văn minh Tây phương. Tuy về hình thức nhiều người cho rằng sự gặp gỡ đó đã và đang diễn ra, nhưng hãy thử nhìn sâu vào bên trong xem thực sự đã có gặp gỡ, trao đổi, và tổng hợp giữa các văn minh trên thế giới với văn minh Tây phương hay chưa ? Á châu chúng ta là một lục địa đã được khai hóa sớm nhất. Khi Âu châu còn trong thời kỳ hoang sơ, thì Á châu đã là một lục địa có tổ chức, có văn hóa, có lễ nghĩa. Những kỹ thuật cũng như những tư tưởng nền tảng của Tây phương đều xuất nguyên từ Á châu, và nói rộng từ Đông phương. Nhưng lịch sử tiến hóa càng ngày càng

phân chia hai lực địa, đến nỗi vào một thời kỳ hai bên hầu như không biết có sự hiện diện của bên kia. Còn tâm trạng và thái độ thường xuyên đối với nhau thì là một tâm trạng và một thái độ thù nghịch, kỳ thị, ganh gổ, ham muốn, ích kỷ.

Khi nhân loại bước vào thời kỳ cận đại, hai lực địa Âu Á hoàn toàn không hiểu biết gì về nhau. Những con đường buôn lụa và hồ tiêu không đủ nối liền hai mảnh đất xa xăm cũng như những tập du ký khoaác lác không thể nói được sự thật của hai bên cho dân chúng hiểu nhau. Trong lúc đó thì kỹ thuật Tây phương bắt đầu phát triển, chế ngự được nhiều trở ngại, rút ngắn được nhiều khoảng xa, làm cho cuộc hành trình Âu Á trở nên dễ dàng và thường xuyên.

Nguyên nhân đầu tiên làm cho Âu châu chú ý đến Á châu là lòng tham lam và tò mò. Chúng ta cũng nên nhắc lại rằng lòng tham lam đó thánh hóa (sublimation) thì trở thành lòng tham lam cứu vớt linh hồn cho Thiên chúa của các nhà truyền giáo Gia tô. Và tò mò; người Âu châu bao giờ cũng rất tò mò, và không hề biết câu thúc, chế ngự óc tò mò của họ, trong lúc Á châu với các khuynh hướng khổ hạnh khắc kỷ và diệt dục có thể đề nên óc tò mò cách dễ dàng. Vậy lần đầu tiên nhìn sang Á châu, Âu châu chỉ muốn tìm thấy ở đó một kho tàng trời dành cho họ, khi lực địa của họ bắt đầu khan hiếm tài nguyên và nhiên liệu, và năng lực (một thứ năng lực thiên nhiên dễ khai thác nhất là... nô lệ). Với những thành kiến sai lầm đó Âu châu đi tìm Á châu và các lực địa mới.

Tuổi tác bao giờ cũng có một hệ quả tất nhiên là làm cho yếu đuối, mệt, và... buồn ngủ nhiều. Á châu sống lâu hằng thiên niên kỷ bắt đầu mỗi mệt và buồn ngủ khi sắp bước vào lịch sử hiện đại. Đối với con rồng say ngủ Á châu ấy, những biến chuyển xảy đến bên ngoài không đáng chú ý lắm. Kịp đến lúc mũi súng Tây phương thọc vào cạnh sườn và bắt phải đau bằng thì đã quá chậm. Á châu bừng tỉnh thấy mình nô lệ. Những vẫy vùng bất lực chỉ có hiệu quả duy nhất tăng thêm đau đớn và bệnh hoạn. Nhưng may thay nó cũng giúp cho tỉnh ngủ và ý thức được những điều cần phải ý thức: quá khứ cổ kính của mình, kẻ thù trẻ trung và hung hăng, địa vị nô lệ, những nguyện vọng tha thiết lòng khao khát sống.

Thời kỳ tỉnh thức đó bắt đầu với cuộc xâm lăng Tây phương, và chưa bao giờ kết thúc. Một lối tỉnh thức đột ngột và hung tợn của Nhật bản, hay lối tỉnh thức từ tốn lâu lã và uể oải của Trung hoa, hay lối tỉnh thức ôn hòa và rất triết lý của Ấn độ, hay lối tỉnh thức lung tung khổ sở và khó khăn của Việt nam. Nhưng dù thế nào đi nữa, lực địa Á châu đang tỉnh thức đề đòi giải phóng khỏi quyền thống trị Tây phương, giải phóng khỏi những câu thúc khắt bách của sinh kế, và nhất là giải phóng khỏi một quan niệm sống yếm thế và tiêu cực.

Thoạt nghe những lời tuyên bố độc lập của các quốc gia Á châu người ta tưởng chừng công cuộc giải phóng khỏi ách thống trị đế quốc Tây phương đã hoàn tất mỹ mãn. Nhưng thực ra nếu Á châu đã đánh

đuổi được các quân đội và cán bộ hành chánh Tây phương thì vẫn còn lệ thuộc Tây phương về phương diện kỹ thuật, khoa học, lối sống, tư tưởng, cả về mặt chuyên viên các ngành sinh hoạt kinh tế và chính trị. Ách thống trị tư tưởng hay lý tưởng không kém độc tài và tàn ác, so với ách thống trị quân sự và chính trị. Và một trong hình thức thống trị lý tưởng đó là cộng sản. Phải, thực vậy, Tây phương, và cụ thể hơn, Nga xô đã thừa hưởng chủ thuyết cộng sản và dùng làm một thứ vũ khí tinh thần nguy hiểm và hiệu lực để chinh phục đế quốc. Nạn nhân và nô lệ vẫn là Á châu (và các dân tộc nhược tiểu trên thế giới). Nhưng chúng ta cũng không nên quên một hình thức thống trị lý tưởng khác ở các tôn giáo du nhập từ Tây phương. Thực ra tự nó các lý tưởng và các tôn giáo đều hữu ích, trên phương diện là những thí nghiệm và những đề nghị tổ chức đời sống vật chất, tinh thần và đạo đức, cần được xét lại và thích ứng lại theo hoàn cảnh riêng của mỗi dân tộc. Nhưng nó sẽ trở nên khi cụ thống trị và nô lệ hóa một khi nó được chụp lên đầu dân nhược tiểu với tất cả những khiếm khuyết và lầm lạc và hẹp hòi của nó. Nhưng tôn giáo nhờ ở lối tổ chức mềm dẻo nhờ ở thiện chí của nó không mấy khi trở thành một đe dọa đáng sợ, trái lại có thể tạo thành một cây cầu vững chắc nối liền hai văn minh hầu tìm một thể tổng hợp đẹp đẽ.

Ngày nay ách thống trị quân sự và chính trị của Tây phương đặt lên Á châu hầu như đã (hay sắp) thanh toán xong. Chúng ta không cần (và thực sự không thẩm quyền) bàn đến vấn đề ấy dưới hai khía cạnh chuyên môn ấy. Nhưng chúng ta cần và có quyền nếu không nói là có bổn phận bàn đến một thể gặp gỡ, đàm thoại, và tổng hợp giữa hai văn minh Áu Á. Như chúng ta nói trên, văn minh Tây phương hôm nay vẫn còn đóng nguyên vẹn vai trò lãnh đạo và chỉ phối sinh hoạt nhân loại, nên chúng ta phải xét đến vấn đề dưới quan điểm Tây phương và bằng tâm nhìn Tây phương qua những phong trào văn học Tây phương.

Con người Đông phương trong bao nhiêu kiếp sống, đã đành hòa mình vào xã hội, tự hủy những nguyện vọng riêng dù là chính đáng nhất trong khuôn khổ gia đình hay quốc gia hay chỉ là một thực thể cộng đồng rất mơ hồ. Nhưng chợt được tiếp xúc với sức sống cá nhân mãnh liệt của Tây phương, và hưởng được những thú vui của sức sống ấy, con người Đông phương đã say sưa chạy theo như theo một bùa mê. « Trước đây một lý thuyết cá nhân giản dị nhất cũng không thấy. Bây giờ những dân phu cũng đang khám phá ra rằng họ sống... » (Les conquérants, A. Malraux, trang 2).

Không những chỉ có những cuộc tiếp xúc miễn cưỡng và bất đắc dĩ ấy giữa hai khối nhân loại Đông Tây, mà còn có những cuộc tiếp xúc mật thiết và thân thiện qua lời rao giảng của một linh mục truyền giáo

TINH THẦN THẾ GIỚI VĂN HỌC HÔM NAY

«Chúa dạy rằng tất cả mọi người là anh em như nhau, phải thương yêu nhau và giúp đỡ nhau...»; hay qua những lời lẽ tuyên truyền tuy gian trá nhưng rất quyến rũ của những cán bộ của các chủ nghĩa Tây phương. «Không bao giờ có thể thừa nhận đời sống tập thể, đã đòi hỏi rất nhiều ở cuộc sống, đã muốn đem đến cho kiếp sống một ý nghĩa, và bây giờ chán những thứ đó, muốn phục vụ.» Phục vụ cái gì? Không ai biết. Đúng hơn họ chỉ muốn tiêu phí những sức lực thừa thãi trong một cuộc sống thác loạn kiểu mới nơi những xứ nhiệt đới, giữa những nguy hiểm thường xuyên, những giành giật gay go, để quên rằng họ chỉ là những con người bất lực, sống vô ích, đó là tâm trạng của những tên lính táng giấc thuê cho các chế độ cách mạng mới Á châu trong những câu chuyện của Martin de Hauteclaire, (*Toute la terre à nous*, nhà xuất bản De Noël), hay những tay làm cách mạng chuyên môn của A. Malraux (*Les Conquérants*, *Le Voie Royale*, *La Condition Humaine*). Và đối với những tay «làm cách mạng chuyên môn, nước Trung hoa là một nguyên liệu» cần đem ra uốn nắn theo lý tưởng của họ, lý tưởng đó có thể là một chính thể dân chủ mà họ không thực hiện được ở đất nước họ, hay là một chế độ cộng sản. Kết quả là họ phổ biến được những liều thuốc tư tưởng của họ vào đầu óc của một lớp trí thức Á đông, bắt đầu thấy tất cả cơ sở văn hóa cựu truyền bất lực, vô giá trị, nhưng không biết bám víu vào đâu. Họ không tự hỏi, những liều thuốc gọi là dân chủ, tự do, bình đẳng, nhân quyền, cộng sản, vân vân kia có thích hợp cho căn bệnh kỳ lạ của Á châu hay không. Họ không cần biết căn bệnh, không cần chữa bệnh, và rất ít cần thù lao, mà họ chỉ cần tổng khứ những liều thuốc bị ứ đọng của họ đi nơi khác, và cần làm một cuộc thí nghiệm mà dân tộc họ không phải thành những con chuột «cobayes» khổ nạn. Với tâm trạng đó, và bên cạnh hành động đàn áp khắc nghiệt của người anh em làm quan trong «đô hộ phủ» (đôi khi cũng với một chút mặc cảm tội lỗi về hành động đàn áp của người anh em đồng chủng?), họ lại gia nhập vào các tổ chức cách mạng của các dân tộc Á đông và chống lại đế quốc Tây phương. Đó là trường hợp của một Caput ở Việt nam, những Borodine, Gallen, Garine, Klein ở Trung hoa. Họ không cốt ý xây dựng một cái gì, mà họ chỉ cần say sưa làm việc như người ta say sưa uống rượu và chơi diêm vậy. Nhiều khi các dân tộc Á đông nhờ họ mà đánh đuổi được lực lượng đế quốc do người anh em đồng chủng của họ xây dựng. Nhưng sau đó, để làm gì, thì rất ít ai hiểu được. Những người đắm đầu vào hành động tự như: sau đó sống chết mặc bay.

Nghĩa là nói cách cụ thể hơn, các dân tộc nhược tiểu Á đông đã dùng những thứ khí giới lý tưởng cũng như những thứ khí giới súng đạn của Tây phương để đánh đuổi Tây phương. Nhưng trong lúc say sưa làm cách mạng, làm giải phóng, họ không suy tích trước (hay suy - tính sai) sau khi đế quốc Tây phương rút lui khỏi đất nước của họ, họ phải làm gì? Và cuối cùng, để khóa lấp khoảng trống lớn do sự rút lui ấy để lại, họ dùng những kỹ thuật Tây phương, từ kỹ thuật khai thác, sản xuất, chiến

tranh, cho đến kỹ thuật cai trị. Á châu sau khi đế quốc Tây phương rút lui vẫn là Á châu nô lệ dưới kỹ thuật Tây phương. Nghĩ là quan toàn quyền Tây không còn là một vị da trắng mắt xanh, mà là những cách làm việc, cách cai trị, cách suy nghĩ, cách tổ chức rất Tây, còn hơn cả bên chính quốc, với những cái máy made in Europea (hay là made in America). Tôi nhớ mãi một câu chuyện rất lăm thường : cuộc đón tiếp một cái máy do một cường quốc Tây phương viện trợ cho một quốc gia Á châu ; cuộc đón tiếp vô cùng long trọng, có đầy đủ các vị tai to mặt lớn của hai chính phủ; rồi một cái máy vĩ đại lù lù được đẩy từ tàu thủy lên bờ, trước những cặp mắt biết ơn và kính phục của mọi người; vị quan khách Tây phương khuất dần sau cái máy Tây phương. Trong lúc đó tất cả các vị quan khách da vàng mũi tẹt nghiêng mình lễ rất cung kính... trước cái máy Tây phương. Và người ta có quyền nghĩ : sự thay thế những nhân vật cai trị Tây phương bằng những kỹ thuật cai trị Tây phương có thể nào đôi mới được gì, và giúp ích gì hơn cho người dân da vàng ? Người ta nhắc đến những con số thống kê, những đồ thị về mức sống, và kết luận: nhờ Tây phương (kỹ thuật, chuyên viên có những sự giúp đỡ...) Á đông có một mức sống cao hơn trước, và độ cao đó có tính cách lũy tiến. Người ta quên rằng để được hưởng mức sống ấy con người Á đông đã phải chịu đánh đổi thiệt thòi như thế nào ; và mặt khác chỉ một thiểu số thị thành và giàu có được hưởng đôi chút gọi là những tiện nghi Tây phương, còn đa số dân chúng nơi bùn lầy nước đọng hay ngõ tối thành thị thì chỉ được cái sướng là ngắm và so sánh những thứ tốt đẹp ấy với đời sống cơ cực của chính mình. Sau bao nhiêu năm tiếp xúc với nền văn minh Tây phương, cái nghèo vẫn không bớt mà lại có mỗi tăng lên rõ rệt, cho đến những văn sĩ Tây phương chính hiệu cũng không thể nào nhắm mắt được (cái nghèo Trung hoa : Pearl Buck, cái nghèo Việt nam : Paul Bernard, cái nghèo Ấn độ : Tibor Mende...)

Thì ra văn minh Tây Phương chỉ đến với Á châu dưới hai hình thức: những đèn điện và những tập fiche lý lịch ; đèn điện tượng trưng cho cái văn minh kỹ thuật, văn minh vật chất ; những tập fiche tượng trưng lối cai trị, tổ chức. Đèn điện chỉ soi sáng những đường phố lớn, mà không thể chiếu vào những ngõ hẻm và nơi thôn quê ; những tập fiche chỉ kê khai được những con số và những ký hiệu, mà không nói lên được những cơ cực và đè nhục bên trong.

Và bên trong, một cuộc sống âm thầm, bực bõ, cơ cực diễn ra song song với mặt ngoài đẹp giả dối. Á châu luôn luôn là một xứ nông nghiệp; từ ngày ảnh hưởng Tây phương tràn sang, một con buôn hay hoạt đầu chính trị lợi dụng thế « đục nước béo cò » đã tập trung được trong tay họ một số lớn ruộng đất của dân chúng, và biến người dân lương thiện thành những bần cố nông đói rách. Những biện pháp quân phân điền thổ công bình và hợp lý có từ đời trước bỗng dưng bị bãi bỏ để theo đòi những bộ luật điền địa Tây phương có lợi cho thành phần thống trị và những tay sai của chúng. Vấn đề nhân sinh muốn thừa do đó

TINH THẦN THẾ GIỚI VĂN HỌC HỒM NAY

được cộng thêm một vấn đề mới thuộc phạm vi phân phối tài sản và công ăn việc làm. Để đạt đến mục tiêu dự định là khai thác tài nguyên Á châu cho chính quốc và cho một số tay sai đắc lực của chính quốc, thực dân đã tạo ra « một mặt trái bỉ ổi: kẻ mạnh bóc lột kẻ yếu một cách trắng trợn, và tạo nên một giai cấp vô sản nghèo đói, chênh lệch ghê gớm so với giai cấp tư bản đế quốc và tư bản thuộc địa. » (Paul Bernard, *Le Problème Indochinois*) Tình trạng bi đát và mĩa mai đến nỗi một quan lại Tây, ông toàn quyền Paul Doumer đã chua xót thốt ra : « và xứ sở của họ, người Annamite cũng không làm chủ đất cát của họ, không có những quyền công dân tối thiểu, và không được hồ phiếu »

Theo những tài liệu thống kê lạc quan và đáng tin nhất, trước chiến tranh (và cả hôm nay) lợi tức đồng niên (*revenu annuel*) của một gia đình Á châu trung bình chỉ bằng 1/10 so với một gia đình Âu châu trung bình (Paul Bernard). Sự đói khổ nếu có thể dùng những an ủi và những hứa hẹn đạo đức luân lý, hay những ngăn cấm của pháp luật để chịu đựng được ; thì trái lại sự chênh lệch và bất công bao giờ cũng gây nên lòng căm phẫn và thù oán.

Cuộc tiếp xúc với Tây phương đã bắt đầu và tiếp diễn trên khắp lục địa Á châu, nhưng khắp nơi các dân tộc Á châu đều thua thiệt trong vai trò nô lệ và bị bóc lột. Dân da Á châu tỉnh thức và bắt đầu hiểu mình là gì, có thể làm gì, và muốn gì. Hiểu một cách mơ hồ nhưng say sưa theo đuổi cái lý tưởng mơ hồ ấy. Trước hết Á châu muốn một đổi mới: lật đổ những chế độ chính trị phong kiến vẫn được dung dưỡng và biến thành dụng cụ cai trị trong tay thực dân; lật đổ chính quyền thực dân. Cái muốn đó mãnh liệt và toàn diện, đến nỗi A. Malraux phải thốt lên: « Một người Việt nam can đảm chỉ có thể là một nhà cách mệnh » (S.O.S. Marianne). Nói chung, chúng ta có thể cho là : một người Á châu can đảm chỉ có thể là một nhà cách mệnh. Nếu đối với nhiều trường hợp, cách mệnh chỉ là một phương thế tạm thời và bất đắc dĩ thì trái lại trong trường hợp Á châu cách mệnh là một cứu cánh cuối cùng, một lý tưởng tuyệt đối. Cả một thể hệ sống cho cứu cánh và lý tưởng đó mà không nghĩ đến cái ngày mai khi chế độ cũ đã bị lật đổ. Người ta tin rằng mọi tệ đoan, mọi nguy hại, mọi tội ác đều do chế độ cũ, và một khi chế độ cũ tan rã, tất nhiên những cái xấu xa và đau đớn của cuộc sống đương nhiên rút lui khỏi sân khấu cuộc đời, để nhường chỗ lại cho một thế giới hoàng kim. Những danh từ Cách mệnh, Độc lập, Tự do, Dân chủ được tôn thờ như những bùa thiêng vạn năng. Và người ta đã viện đến tất cả mọi lực lượng có thể viện đến được để làm cách mệnh, độc lập, dân chủ, tự do. Nhưng chuyện cứ vậy: Tấn về thì Sở đến; và cái nước Trịnh nhược triều không bao giờ có thể đứng riêng một mình.

Và bắt đầu từ việc viện những lực lượng nước bạn ấy đến để làm cách mạng cho mình, các dân tộc Á châu đã trở thành chiến trường cho hai lực lượng thù nghịch trên thế giới ngày nay dùng để thử thách và dò dẫm nhau. Hai lực lượng đều thoát thai từ văn minh Tây phương, từ khuynh hướng tôn thờ vật chất và những thành công trên vật chất Một

bên thì xưng là Tự do, và Dân chủ, và những danh hiệu đẹp đẽ khác; một bên thì được gọi là Cộng sản; nhưng cả hai đều cùng thờ một Thần Eo vàng như nhau, cùng theo một đường lối máy móc lạnh lùng và khắc nghiệt như nhau. Sự khác biệt nhỏ mọn ở điểm một bên thì tổ chức mềm dẻo hơn và dựa trên phương châm tự do kinh doanh (còn được đặt tên lại là tư bản nhân dân), một bên thì tổ chức chặt chẽ và theo đuổi phương châm kinh tế lập trung tuyệt đối. Tất nhiên bên mềm dẻo còn dễ chịu và có nhiều ngõ thông hơi, nên dễ thở hơn bên kia đã hoàn toàn bịt kín mọi ngõ thoát hướng về những nơi gọi là tôn giáo, cá nhân, tư hữu.

Tất cả những thứ giá trị tinh thần Tây phương ấy : Tự do cá nhân, Dân chủ, quyền tự quyết của một đoàn thể, những thứ được tóm tắt trong tiếng nhân quyền và dân quyền ; cũng như những kế hoạch kinh tế và tổ chức xã hội Tây phương ! Á đông đã mù quáng tiếp nhận và tin tưởng mà không cần xét rằng nó có thích hợp với Á đông hôm nay, với con người hôm nay không ? Và giả sử nó tốt đẹp như lời quảng cáo, thì có cần chế luyện lại theo một công thức Á đông riêng nào không ? Những giá trị tinh thần và kỹ thuật ấy đối với xir sở của nó cũng đã không xây dựng được thế giới lý tưởng mong muốn, trái lại gây bao đau khổ, nhục nhã chiến tranh, thì còn mong gì nó hiệu nghiệm đối với trường hợp Á đông. Tuy nhiên nhắm mắt từ chối và phủ nhận thì hẳn là không nên và không thể được. Nhưng cần phải xét lại, và phối hợp lại. Cần làm một bản kết toán về những tài sản của chúng ta. Chúng ta có gì ?

Một tổ chức xã hội chặt chẽ với một phân phối nhiệm minh bạch vẫn là những thứ đã có từ lâu ở Á châu. Con người cá nhân đã vui lòng hòa mình vào cuộc sống cộng đồng, và đòi hỏi cho riêng mình rất ít. Họ có thể sống với những thoả mãn tối thiểu. Những xã hội Á châu đã được vi với một số tổ kiến hay tổ ong, trong đó mọi đơn vị cặm cui làm việc một cách mù quáng và an phận cho đến lúc ngã chết. Một tin tưởng vững vàng ở một đời sống siêu hình, ở khả năng trường cửu của phần tinh anh nơi con người.

Trong những thứ có sẵn ấy rất nhiều viên ngọc quý, tuy nhiên vẫn có những cái quá đáng : địa vị của cá nhân trong tập thể thật nhỏ bé, bạc bẽo quá đáng. Cá nhân không có quyền gì cả. Cá nhân không được xem là đơn vị chính của xã hội. Ngày nay cơn sốt cá nhân chủ nghĩa từ Tây phương lan sang, lại làm cho một số thế hệ trẻ say sưa mù quáng chạy theo mà quên tất cả những di sản cổ truyền qui báu của ông cha. Chạy từ một thái cực này sang một thái cực kia vốn là thói thường của nhân loại, một thói thường nguy hiểm vô cùng. Nó đã làm cho một người muốn định nghĩa Á châu đã phải than. « Đó là một giống người đi tìm một cái gì qua bao nhiêu thế kỷ ; không hẳn đã tìm thấy ; không bao giờ biết chắc ; trở nên vô ý thức ; rồi quên mất cái mình đã khổ công đi tìm, và quên cả rằng mình đang tìm một cái gì... Và vào lúc hoang mang ấy thì Âu và Mỹ châu chợt đến, như một chất hóa học

TINH THẦN THẾ GIỚI VĂN HỌC HÔM NAY

được đổ vào một chất hóa học khác và có bọt nổi lên. Và có những thay đổi. Đời sống đi vào cái chết nhanh chóng. Nhưng mà cái chết cũng đi vào cái sống nhanh chóng. Và chỉ ở đó là có thể có một kết thúc. Người Á đông không cuống quýt, không khiếp sợ... Thực vậy; có gì đâu mà họ phải khiếp sợ? Sợ chết ư? Chết vô nghĩa. Họ đã hiểu rằng chết là một thành phần tất nhiên của sống... » (The Asiatics, Frederic Prokoch).

Nhưng tình trạng cũ ấy đã bị xáo trộn bởi những ảnh hưởng Tây phương. Ngày nay con người Á đông mất những tin tưởng vào những hứa hẹn siêu hình và khiếp sợ tất cả. « Bạn có thấy không? Người Á châu khiếp sợ. Khiếp sợ tất cả mọi thứ. Khiếp sợ đời sống, sự chết, Á châu, núi và biển, Thượng đế, tình yêu, oán thù, hạnh phúc, khiếp sợ tất cả mọi thứ thực tại. Chính tôi cũng khiếp sợ tất cả những thứ ấy. Và dĩ nhiên chúng tôi cố gắng chạy trốn. » (Theo Asiatics) Nhưng chạy trốn nơi nào? Tìm ẩn náu ở đâu? — Ở những hứa hẹn vật chất mà văn minh Tây phương đã đem đến ư? Hay ở những hứa hẹn tôn giáo? Hay ở những hứa hẹn của những chủ thuyết thoát thai từ Tây phương?

Thực ra vấn đề không dễ dàng và những giải pháp cũng không thể dễ dàng như thế được. « Con khủng hoảng không phải do Tây phương. Cũng không do Đông phương. Nó cũng không phải từ Bắc hay Nam đem lại. Nó ở tại con người. Anh hãy nhìn xung quanh anh. Những người da đen, da trắng, da vàng hay da nâu. Tất cả mệt mỏi và chán nản... Phải, thế giới hiện đang trên đường xuống dốc. Những cái gì sắp xảy ra chỉ là những vầy vùng vô vọng: đảo chánh và chiến tranh và tất cả những thứ khác. Và tiếp đó tất nhiên là một thời kỳ đen tối. Tinh thần đã từ bỏ thế giới này và con người đành bằng lòng như thế. Tinh thần chân chính đã thoát khỏi thế giới, con người tạo ra » (The Asiatics, trang 287).

Nhưng tất cả những tai biến đau thương này từ đâu lại, ai là thủ phạm của tất cả những tội ác tràn khắp thế giới và nhất là Á châu? « Khốn nạn cho tở thế giới này vì chung những tội ác. Tuy rằng những tội ác phải xảy ra là điều tất nhiên; nhưng khốn nạn cho kẻ gây nên tội ác ». Câu thành kinh thánh Mathieu trên đây được dùng để đặt lên trang đầu một tiểu thuyết của Jean Hougron: *Par Qui Le Scandale*, và lên án một lớp người trong văn minh Tây phương gây nên tội ác trong xứ sở họ, cũng như nơi những thuộc địa Á châu. Pởi họ mà văn minh Tây phương chỉ đến Á châu với những bề mặt: bí ối, vụ lợi, vật chất như một trận hoả hoạn khủng khiếp giết chết những gì sinh sống. » (The Asiatics) Và sau trận hoả hoạn hủy diệt nền tảng tinh thần Á châu muôn đời, « đức tin không nghĩa lý gì nữa so với một giếng dầu hỏa, và một con đường mới. Văn minh? Vô nghĩa. Tất cả chỉ có nghĩa là kiếm tiền và những tiện nghi cho những kẻ kiếm ra tiền, và giết chết tinh thần ở những người đi kiếm tiền cũng như ở những người khác ». (Theo Asiatics, trang 299).

Tất cả những thứ được mệnh danh là những giá trị văn minh Tây phương đối với Á châu đã khoác bộ mặt trục lợi bí ối. Và từ đây đòi

bên nhìn nhau với những thành kiến chắc nịch ấy. Tây phương chỉ mĩm thấy ở Á châu (và những số nhược tiểu xấu số khác) một con thit ngon lành cần bóc lột tận xương tủy. Và Á châu thì nhìn sang Tây phương như một đe dọa cho sự sống của mình. Mặc cảm khiếp hãi thúc đẩy hai bên xa nhau thêm mãi. Trước hiện tượng vùng dậy của lục địa Á châu, với một mức dân số lờ lạo, Âu Mỹ lo sợ một nạn xâm lăng da vàng, và tìm mọi cách để ngăn chặn, đàn áp trước. Những hứa hẹn thì rất đẹp, nhưng thực tế không bao giờ phù hợp : Phúc Âm bác hện thì rất đẹp, nhưng thực tế không bao giờ phù hợp : Phúc Âm bác ái được rêu rao khắp nơi, nhưng vào cuối tháng 5 này tại thành phố Alabama người Mỹ da trắng đã gây ầu đã với 1500 người Mỹ da đen và làm cho hơn 20 người bị trọng thương, trong lúc giáo dân da đen tụ họp trong nhà thờ để nghe giảng Phúc Âm. Thật tiêu biểu một cách mỉa mai. Và chúng ta hẳn đã nghe nhiều lần câu chuyện những tám biên « cấm những người có màu da » (colored-men) trước các nhà hàng ở Phi luật Tân trước chiến tranh ; khi quân Nhật chiếm Phi luật Tân, đã sửa lại như sau : « cấm những người da trắng. » Thì ra óc kỳ thị chủng tộc chung đôi bên, mà không riêng gì bên nào ; chỉ việc là có bên thiếu sức mạnh để tỏ lòng ghét gở bên kia đó thôi. Với những thành kiến ấy, tất nhiên những tiếp xúc giữa hai thế giới Đông Tây chỉ có thể diễn ra bề mặt, trên những trang báo những cuộc đón tiếp quan khách ngoại giao mà thôi.

Một tập chuyện mới xuất bản của Pearl Buck « The hidden flower » kể lại một cuộc tình duyên giữa một sĩ quan Mỹ và một cô gái Nhật. Hai bên yêu nhau tha thiết, nhưng chỉ vì óc kỳ thị hẹp hòi, được luật pháp công nhận, mà hai tâm hồn tan nát, một đứa con vô thừa nhận, một vết nhơ cho cái thế giới tự hào là văn minh.

Tuy vậy kết quả tất nhiên của cuộc tình duyên ấy là một đứa bé khôi ngô, có một trí khôn nảy nở rất sớm : « Phải, tất cả mọi cuộc điều tra, cả về mặt thần kinh học. Hệ số thông minh của nó vượt trên tất cả những mẫu người khác vào tuổi nó. Thật kỳ diệu » Và trước kết quả hiển nhiên ấy của cuộc tình duyên Mỹ Nhật, bà mẹ nuôi của cậu bé bị bỏ rơi là một nữ bác sĩ đã lo sợ những viễn ảnh đen tối sẽ tái diễn : « Bỗng nhiên bà nghĩ đến những thi hài trẻ em chết vì đói, bị tàn sát bằng bai-don-nét, bị ném từ trên đồng, bị giết vì cha mẹ chúng — Do bất tài, công giáo hay kháng chiến — bị người ta thù ghét khiếp sợ, khinh bỉ. Bà sợ cho Lennie (đứa bé có hai giòng máu Mỹ Nhật) phải thấy lại những cảnh ấy... »

Nhưng bà mẹ nuôi bác sĩ Mỹ ấy đã hiểu giá trị của tình thương yêu không biên giới không kỳ thị chủng tộc. « Trí óc đứa bé tàng trữ tất cả kho tàng nhân loại. Bà bồng nó lên trên vai và cảm thấy bên mái tóc hung nâu của đứa bé xoà xuống dịu dàng. Bà đã phải thấy bao nhiêu trẻ thơ phải chết; nhưng bà nhất quyết sẽ cứu được đứa trẻ này ».

Một cuộc gặp gỡ Đông Tây tuy chưa thành nhưng có hy vọng hoàn thành một ngày nào. Tất cả mọi người trên thế giới hôm nay đều hiểu như thế, và biết rằng đó là điều kiện sống còn của nhân loại. Họ tìm mọi

TÌNH THẦN THẾ GIỚI VĂN HỌC HÔM NAY

cơ hội và mọi thế gặp gỡ, và rất nhiều lúc họ nhầm lẫn, nhưng có điều đáng chú ý và đáng mừng là thiện chí và nỗ lực. Sau những tác phẩm đã lấy cái đối rách cơ cực Á châu làm đề tài, sau chiến tranh bà Pearl Buck đã tạm thời từ biệt cái đối rách cơ thể để tìm sang cái đối rách tinh thần của con người thiếu tình thương, thiếu đoàn kết, thiếu hiểu biết. Sự chuyển hướng của một văn sĩ lão thành cho chúng ta thấy rằng nhân loại bắt đầu ý thức được sự cần thiết của một cuộc gặp gỡ tinh thần giữa hai thế giới Đông Tây, mà không phải chỉ là những cuộc gặp gỡ quanh một bàn hội nghị chính trị hay quân sự, hoặc không phải là những cuộc gặp gỡ quanh bàn tiệc sang trọng của những tay mại bản.

Nhìn sang Á châu, giới trí thức Tây phương không còn thờ ơ, mà chăm chú theo dõi với nhiều lo lắng và thiện cảm tất cả mọi biến chuyển đang xảy ra. Và dưới con mắt đăm chiêu họ thấy gì? — « Vào buổi đầu của đệ nhị bán thế kỷ hai mươi này, có một điều rõ ràng là những yếu tố gây dựng lịch sử ở Đông phương đã thay đổi hoàn toàn. Những cường quốc Tây phương biến nhanh chóng khỏi sân khấu, trong lúc Nhật bản đế quốc bị tiêu diệt. Từ đây cuộc tranh đấu đưa ra hai đối thủ mới, một bên là những kẻ thừa hưởng của Âu Mỹ một bên là cái đạo Mác xít mới của Á châu... Cái gì đang chịu thử thách ở Á châu, không phải là tất cả những đặc quyền thuộc địa hay thương mại của các cường quốc Âu châu, mà chính là nền Văn minh Tây phương. « L'âme de la Chine, Armaury de Riencourt).

Tổng kết tình hình Á châu René Grousset đã thấy bên những cảnh tượng đen tối, lờ lên một chút hy vọng: « Thừa tự của một văn hóa ngàn đời, được thiên phú một trí thông minh tinh tế cổ truyền, do cuộc sống chung lâu năm với Tây phương quen thuộc với những tư tưởng Tây phương, họ phải là những kẻ trước tiên đạt đến mục đích theo đuổi của các quốc gia mới: trở nên những cường quốc thế giới. » Đó là những khía cạnh chính trị của vấn đề, còn khía cạnh nhân bản, kinh tế xã hội thì như thế nào? — « Dù cho những lo âu chính trị trầm trọng đến thế nào đi nữa, còn có những lo âu khẩn thiết hơn và trầm trọng hơn. Mức sinh hoạt kinh tế rất thấp, nạn đói xảy ra theo một lối chu kỳ tuần hoàn. Không một quốc gia mới nào đủ sức tự nuôi sống, và không một quốc gia nào được kỹ nghệ hóa đầy đủ để sống nhờ thương mại. Người ta đã đánh đuổi người da trắng ra khỏi nhà, khi chưa sẵn sàng để thay thế họ... Trong lúc chờ đợi vấn đề được đặt ra gay go nhất là vấn đề cơm bánh hằng ngày. Cái làm đặc điểm cho Á châu hôm nay là nạn đói kém. Đối với hàng triệu người bị lôi cuốn theo một chính sách kỹ nghệ hóa hấp tấp hay đang theo đuổi một thể quân bình chính trị mới, sự lo âu chính vẫn là ngày mai họ có gì ăn. Chúng ta theo cái thói Âu tây có thể quên mất điều ấy và lý luận và tiên tri cho họ những tai biến và những đảo lộn do sự mất thăng bằng, mất cân đối của một thế giới cơ giới hóa quá mức và không lý tưởng chính đáng gây nên mà chúng ta đã quen từ lâu... Tuy nhiên vẫn còn hy vọng: không kể Thiên chúa giáo từ ngoài du nhập vào và trong

NGUYỄN HỮU ĐỒNG

những nơi đã để lại những vết sâu đậm, người ta nói rằng đức trung dung của Khổng giáo, đức từ bi của Phật giáo, đức khôn ngoan của Ấn giáo, đức thanh tịnh của Lão giáo cũng như đức can trường của Võ sỹ đạo, tất cả đó là những sức mạnh mà các dân tộc đang sống chật vật và đói rách có thể đặt tin tưởng vào. Những dân tộc ấy trong lịch sử vào những giờ phút bi đát nhất, bao giờ cũng biết tìm thấy một nương tựa tinh thần nơi những luồng tư tưởng triết lý hay tôn giáo không ngừng thấm nhuần đời sống của họ như những con sông lớn của Á châu đôi khi đôi giòng đe dọa khô cạn hay ngập lụt, nhưng bao giờ cũng vẫn chảy. » (La face de l'Asie, R. Grousset, 144.)

Và chúng ta có thể kết thúc những ý nghĩ về trường hợp bi đát của Á châu và con người Á châu bằng những hy vọng. Một khi một người ngoại cuộc còn tin tưởng ở một tương lai sáng sủa hơn, không lý gì chúng ta chán nản và thất vọng, chúng ta là những kẻ đang chịu nỗi đè nặng và vinh quang làm con dân Á châu.

nguyễn hữu đồng

dịch thơ edgar lee masters

Edgar Lee Masters là một trong số vài ba người làm thơ lớn nhất của nước Mỹ. Masters sinh năm 1891 tại Garnett, Kansas, trong một gia đình luật sư, lớn lên tại Paterburg và Lewistown, nơi ông cha học luật tại Knox College, và cũng từng mở văn phòng luật sư tại Chicago. Masters mất năm 1960, thọ 81 tuổi. Tỉ th thần trong thơ của Masters từng được coi là đại diện của thi ca Mỹ Châu, chính vì thế, ông đã được trao tặng giải thưởng danh dự American Poets năm 1960.

Bài Thơ Hill mà chúng tôi giới thiệu với bạn đọc dưới đây, trích dịch trong Spoon River Anthology một thi phẩm danh tiếng của Masters, là bài thơ tiêu biểu nhất cho tài năng, tư tưởng và bản sắc của ông.

NGON ĐỒI

Đâu rồi những Elmer, Herman, Bert, Tom và Charley,
Sự yếu đuối của ý muốn, sức mạnh của cánh tay, thắng hề, kẻ
say sưa, người chiến đấu?
Tất cả, tất cả, đang ngủ trên đỉnh đồi.

Một đứa qua đời trong cơn sốt rét,
Một đứa cháy thiêu trong mỏ hầm,
Một đứa bị giết trong trận cãi nhau,
Một đứa chết trong lao tù,
Một đứa rơi xuống từ cầu tàu vì sự vất vả vợ con.
Tất cả, tất cả đang ngủ, đang ngủ, đang ngủ trên đỉnh đồi.

Đâu rồi những Ella, Kate, Mag, Lizzie và Edith,
Kẻ trái tim dịu dàng, kẻ linh hồn dằn dị, kẻ lắm điều, kẻ kiêu
căng, kẻ sung sướng?
Tất cả, tất cả, đang ngủ trên đỉnh đồi.

Một đứa chết trong niềm hổ thẹn trẻ con,
Một đứa bị linh yêu đánh ngã,
Một đứa nằm trên những cánh tay ác thú trong nhà chứa,
Một đứa là nàng dâu hư đốn, trong cuộc tìm thõa mãn con tim,
Một đứa sau khi sống xa London và Paris

Đã được Ella và Kate và Mag đem về khoảng hư không nhỏ
bó của nàng.

Tất cả, tất cả đang ngủ, đang ngủ, đang ngủ trên đỉnh đồi,

Đầu rồi chủ Isaac và di Emily,

Và ông già Toway Kincaid và Sevigne Houghton,

Và Major Walker ai đã nói chuyện

Với những người dân ông khải kính của cuộc cách mạng?.

Tất cả, tất cả, đang ngủ trên đỉnh đồi.

Họ mang theo những đứa con trai chết vì chiến tranh,

Và những đứa con gái mà cuộc đời đã nghiền nát,

Và những đứa trẻ không cha gào thét

Tất cả, tất cả đang ngủ, đang ngủ, đang ngủ trên đỉnh đồi.

Đầu rồi ông già Fiddler Jones

Người đã đùa rờn với cuộc đời suốt chín mươi năm ròng,

Can đảm với ngực trần sương muối,

Say sưa khởi loạn không nghĩ đến vợ con dòng họ, tiền bạc,

tình yêu và ngay cả thiên đàng?.

Ôi! hân huyên thuyên về những vụ cá đã qua lâu rồi,

Về giống ngựa đua ở miền Clary's Grove cũng đã qua lâu rồi,

Về những gì mà Lincoln đã nói

Một lần ở thị trấn Springfield

e. l. masters
trần đức uyển dịch

mưa. tạnh

ĐỒ QUÝ TOÀN

Ongã ba, một bên đường là khu quân sự có hàng rào thép gai ngăn cách, một gác canh bên cạnh chiếc cổng lớn, một bên là những ngôi nhà xum sụp không đều, những mái tôn cũ, mái lá thâm sít vì nước mưa, nhấp nhô những cây trướng cá, cây me thấp tịt, một con đường nhựa đã cũ chạy thẳng lên Saigon, hai bên địa cỏ mọc lẫn trong đám sồi vụn đỏ tươi, rồi trũng xuống hai cái rãnh lớn; và một con đường nhỏ rẽ về bên tay trái, đá vụn trải lằn ngày khắp khềnh. Có một khoảng đất trống nhỏ ngay chỗ quẹo, một cây me mọc lên không biết từ đời nào, lớn tới ba người ôm chưa hết. Dưới gốc cây Tám dựng một cái quán bán kẹo, bánh, thuốc thơm, nước sô đa v.v... Nàng kê hai chiếc bàn đề bày hàng và một chiếc tủ kính nhỏ, mấy cái ghế đầu, còn bao nhiêu cho thẳng Hường làm chỗ sửa xe. Tất cả thu gọn lại dưới mấy tấm kẽm cũ ghép với nhau dựng trên bốn cây cột, một phía dựa vào thân cây, đủ để làm chỗ dụt mưa.

Mấy bữa nay mưa chỉ mà thất thường quá. Buổi sáng mây đã nám tới nửa tám chín giờ chưa ló nắng, trời cứ xỉu lại như lúc nào cũng sắp có những cơn mưa đột ngột ào xuống rồi lại ngớt luôn cho ánh sáng lại rạng dần và nắng trắng lóa xuống. Lúc mười giờ nắng đang êm, hây hây gió mát, bỗng có những giọt nước rơi xuống bất chợt rồi mưa rào tới lúc nào không hay, xe cộ trên đường cứ lao đi vùn vụt, hấp tấp chạy trốn những giọt nước bất tử, rồi chỉ mười lăm phút sau là mưa lại tạnh biến mây bỏ đi hết, mặt trời lại chiếu những tia nắng chói xuống những giọt nước đọng làm lấp loáng cả mặt đường nhựa cong và lối lổm, những ngọn cỏ ướt tươi và trên vòm cây, nước mưa còn đọng thỉnh thoảng lại đổ xuống ào ào từng đợt.

Quãng mười hai giờ trưa, mây lại kéo từ đầu về không hay, che khuất mặt trời, phủ kín cả bầu trời luôn, ánh sáng lại ỉu đi báo hiệu sắp sửa một cơn mưa lớn. Khi những giọt nước bắt đầu rào rạt rơi xuống, Tám đang ngồi ở nhà vội chạy qua con đường đá cũ sang quán, trên đường

nhựa, những người đi làm tận Saigon tan sở đang về qua, xe chạy lữ lượt không ngớt. Tám nói với thằng Hường đang đứng sau cái tủ kiến, đồ nghề đã dọn hết cả vào trong cái thùng sữa cũ, hai tay rút vô túi quần.

— Thôi, mày về ăn đi Hường.

Nó đang nhìn về phía trại lính, mấy dãy nhà tôn dài sau hàng rào thép gai những chiếc xe vụt liên tiếp qua trên đường chắn ngang tầm mắt cũng không khiến nó rời mắt nhìn sang chỗ khác. Hai tay vẫn thụt vô túi quần, nó không quay lại:

— Tôi đợi chị rồi ăn luôn.

Tiếng mưa đập gấp bội như những bước chân rầm rập chạy từ xa tới thì nhanh với dòng xe đang xũ tốc độ từ Saigon chạy về. Buổi sáng sớm, bao nhiêu xe đồ dờn cả về Saigon, đến buổi trưa lại toàn là xe Saigon chạy về, chiều cũng cứ thế. Hủi các kiểu xe của đủ các hạng người ngày nào cũng qua lại bốn lần trên con đường nhựa xấu đó, cả một quãng đường dài không có một chỗ nào đáng dừng lại nên họ thường chạy mau qua, không cả nhìn tới những căn nhà, trại lính, cây cối thấp tùn hai bên đường.

Mưa mau hơn, những tia nước đứt thẳng tắp và song song cứ dầy đặc dần lại, khiến nhiều người phải tìm chỗ trú ẩn. Người đầu tiên chạy vô quán là một anh chàng trông có dáng học sinh, nó quăng chiếc xe đồ xuống trên những rễ cây nổi ngồng ngoèo nơi mặt đất rồi nép luôn vào chiếc bàn con. Nó lúng túng chạy vòng quanh cái bàn để lúi vào giữa tránh những bụi nước bị gió hất. Ngay sau đó là một ông cỡi vét-pa, lái xe chậm chạp xuống, dựng cần thận vào chỗ đất cứng rồi mới chạy vụt vô.

Tám rút mấy chiếc ghế nhỏ vô gầm bàn, rồi nàng ngồi luôn lên mặt bàn, dựa tay vào chiếc tủ kiến nhỏ. Lại mấy người nữa bấp tắp chạy vô quán đợt mưa, đứng nép vào nhau trong khoảng đất nhỏ chút xíu. Tám cúi xuống dơ tay vuốt vuốt cái vạt áo bà ba phủ trên bụng nàng, đầu sao cái bụng cũng chẳng nhỏ lại được. Cái áo hàng ny lông coi bộ mỏng dính, trông rõ cả đôi vú chiêng trắng. Bàn tay của nàng hơi đen, và thô, gần móng tay da nhẵn lại, nàng bấm máu sọ chỉ sờ vút đi.

Mưa đã dầy đặc hẳn như mọi lần, mọi lần. Mấy người nữa chạy ào cả vô quán. Chúng bấp tắp phủi áo gạt những giọt nước đọng trên sơ mi, lấy khăn tay lau từ gáy sang thái dương xuống cằm. Tám lại nhìn ra chung quanh, nước mưa dầy mờ mịt như mọi lần, trời và đất đều đứng chịu trong bầu ánh sáng trắng pha tối âm đạm. Bỗng dưng Tám thấy như trời đã sang chiều, đã đến gần tối từ lúc nào không hay, vì mây gần đen kéo u cả một vùng. Mấy người đứng trú mưa cố đứng gần sát nhau nhưng lại không dám chạm vào nhau vì áo người nào cũng ướt nhớp. Đầu chúng nó đều đứng thẳng, mắt nhìn về phía xa, không có vẻ chú ý chút nào tới cái mái kẽm nhỏ bé che chở cho chúng. Một người lính bỏ mũ ra cầm nơi tay đứng ngoài cùng. Tám nhìn bộ áo dầy cộm của hắn, nước mưa bắn vào rồi cũng thấm đầu mắt, như không. Một thằng cha coi bộ làm công chức, bận cái áo ca rô kẻ ô lớn thật lớn,

MƯA TẠNH

buông ngoài quần. Nó nhìn quanh nhìn quần tìm lấy một chỗ đứng tốt nhất. Nó thấy cái ghế đầu của Tám đứng đó, nó lại nhìn lên nàng rồi lấy bàn chân phải đẩy đẩy cái ghế xích vô trong gầm ghế đó, Tám ngấm ngấm thấy lỗ. Nàng cựa mình rút hai chân dưới thu lại dưới đùi ngồi gọn lại như tránh rét. Bàn tay trái của nàng nắm một bàn chân bóp lại. Ở ngoài mưa lại lớn hơn nữa, mới trút xuống âm âm không còn nghe thấy chi hết. Con đường nhựa trắng đi như làm bằng sương mù, tất cả mọi thứ cũng mù mịt đằng sau lớp nước mưa lớn. Mấy dãy nhà dài trong trại lính, cái chòi canh dựng bên cửa ra vô của xe hơi, mờ mờ. Tít đằng xa ở trên cao, mấy ngọn cây xanh chỉ còn là mấy bóng mờ nhấp nhô sau những mái nhà thấp. Tám luồn tay dưới đầu gối chân phải để ôm sát nó vào mình. Thằng Hường đứng ngay đằng sau nàng, hai tay nó vẫn đút túi quần. Nó mặc cái áo kaki nhà binh, cái quần cũng bằng kaki, chân nó đi đất coi bần lem. Tóc nó bù lên, nó cắt tèm theo kiểu tài tử Mỹ nào đó rồi nó không chịu chải luôn thành ra tóc phủ cả xuống trán, xuống thái dương làm khuôn mặt thêm ngờ nghệch tội nghiệp.

Mưa vẫn cứ lớn như thế rồi gió thổi lớn thêm nữa. Nước mưa hắt vô làm mấy người đứng trú vội rút hết cả về một phía. Nhưng nước vẫn cứ hắt ướt hết quần họ, chỉ còn trên đầu là giữ được khô. Người lính tay cầm mũ vẫn đứng ngoài cùng, mắt nó nhìn mấy dừa đứng chung quanh như thương hại rồi lại nhìn xuống đôi giày đen thô lỗ của nó đã ướt móp và đất đã bắn lên khắp. Một ông già gầy gò mặc cái áo sơ mi lụa rộng lưng thùng, thu cả hai tay ép sát vô mình như để tránh những giọt nước mưa hắt tới. Ông ta đứng vào chỗ tốt nhất, nép sau mấy người kia để tránh luồng gió, sát vào cái đàn bầu mấy trái thơm, và dừa xiêm.

Tám ngồi ngay sau cái thân cây lớn nên nàng chẳng hề chi. Hai cái bàn của nàng thì một cái trên bày mấy lọ kẹo, bánh, và một chiếc tủ kiến nhỏ chút xíu, bên trong vớt tro troi mấy bao thuốc béc dờ. Trên tủ treo lơ lửng những cái bánh ú và nải chuối tiêu chỉ còn ba trái thơm xi. Cái bàn kia kê phía ngoài có mấy trái dừa xiêm và vài chai nước giải khát xếp cạnh năm cái ly. Đằng sau nàng là cái bàn nhỏ nữa dựa vào cây, nàng để cái bếp sát, đó là buổi sáng có bán cà phê nàng mới dùng tới. Cái thùng đồ nghề của thằng Hường vớt luôn dưới gốc cây. Nó chỉ biết vặn mấy cái ốc, và mấy cái bánh xe là đủ rồi.

Cả Tám, cả thằng Hường, cả mấy người đứng đó không ai nói một câu nào hết. Mưa đổ vẫn âm âm như tiếng khua gỗ liên hồi ù tai. Mưa chỉ mà rầu quá, không có bán được lấy một cục, Tám ngấm ngấm. Nàng cúi xuống nhìn bụng. Cái áo ni lông màu hồng nâu coi cũng ngộ, cái quần hàng đen đủ cũ nhưng cũng còn láng. Và cái bụng nàng hơi phồng ra, nàng nhìn mà muốn rớt nước mắt. Nếu nó là con của thằng Hường đi cho rồi thì cũng còn hơn. Nhưng đây lại là con của cái thằng cha đó kia. Tám không còn muốn nghĩ thêm nữa. Trời mưa chỉ mà mưa hoài, nàng chỉ mong bán cho đủ tiền bữa nay, không mong gì hơn nữa.

Tại sao mấy người đứng đợi mưa đây chẳng người nào mua chỉ hết, đĩa nào cũng nhìn tận đầu đầu không đĩa nào nhìn vào hàng của nàng. Đúng lý ra phải mua cho nàng chiếc kẹo đậu phộng, hay là mấy điều thuốc mà hút chớ. Nhưng mặt đĩa nào cũng buồn thiu, mắt nhìn ra ngoài trời mưa, nhìn lên trời, nhìn con đường nhựa ướt láng và trắng xóa. Chỉ có thằng học sinh chạy vô đầu tiên, thỉnh thoảng nó mới cúi ngó mấy trái thơm, ngó mấy lọ kẹo bánh. Nàng chắc nó cũng muốn mua chiếc kẹo đậu phộng ăn nhưng nó thấy mọi người chung quanh cứ đứng yên nên rút rút cũng không luôn. Nàng thấy mấy lần nó rút tay vô túi hình như để lấy tiền rồi một lát lại bỏ ra, mắt nó lại nhìn nơi khác, còn mấy đĩa kia, cái mắt chúng nó kia, chắc chúng còn đang mải nghĩ về gia đình chúng, đúng lý ra không mưa thì lúc này chúng đã về tới nhà với vợ con mà ăn cơm trưa rồi. Tám lại thấy đau nhói trong ruột. Nàng cúi xuống lấy móng tay nạy nạy mấy cái đất bám ở ngón chân. Đêm qua nàng vừa mới chợp ngủ thì nghe thấy tiếng xe chạy rầm rập ngoài đường. Nàng nhồm đậy nhìn ra coi thấy một đoàn công von chở lính đầy nhóc chạy qua. Ánh đèn pha chiếu lóa trong đêm tối, xe chạy nhanh vút đi, mãi hồi lâu chưa dứt. Nàng lại nằm xuống vuốt bụng và muốn khóc. Đáng lẽ ra nàng đừng có ưng hẳn mới phải, đừng có làm vợ hẳn trong mấy tháng đó. Thằng cha lúc nào cũng bận cái bộ áo bà ba lụa rất bánh, mặt nó vuông thật đẹp. Người ta vẫn cứ tưởng nó giắt súng sáu ở trong bụng, nhưng sau nàng mới biết là không phải. Lần đầu gặp nàng, nó cười nói oang oang, nó uống luôn lúc một chai la de, mắt nó nhìn như chọc vào thịt nàng. Lần thứ hai nó nói xạo với nàng một lát rồi ôm đại ngang lưng nàng luôn. Nàng cố đẩy nó ra mà tay nó khỏe quá. Nó vừa cười vừa làm bộ năn nỉ : « Em Tám ơi, ưng anh đi mà em, coi bộ lấy anh không sướng sao em ? » Rồi nó ca luôn một câu cải lương tức cười. Lúc nàng vùng ra khỏi tay nó thì mặt nàng cũng đỏ bừng và miệng nàng cười. Nó vừa đi khỏi vừa chỉ tay vào nàng mà nói : « Đó nghe không ? Cười là ưng rồi đó nghe không ? Đừng có bảo không ưng nghe không ? » Có người đã khuyên nàng là đừng có lấy thứ đồ đó làm chi, vì cái thời buổi còn nghe thấy tiếng súng này đâu có yên mà lấy. Nhưng, mà nàng lại ưng nó chớ, nàng còn biết sao nữa.

Tám dụi dụi má vào đầu gối. Nàng cảm thấy cái ấm nóng truyền từ má nàng xuống đầu gối, xuống tận tới đùi. Bàn tay nàng xoa dưới chân cũng nóng. Nàng ngẩng đầu lên bắt gặp thằng cha đi vét-pa khi nãy đang nhìn nàng. Nó vội ngoảnh đầu đi ngay. Một chiếc xích lô máy tới đậu bên quán nàng lúc nào không hay. Thằng cha xích lô máy buông hết các mảnh vải che xuống rồi ngồi trong đó, chắc là đang ngủ. Nước mưa đổ trên mấy tấm vải dầy thổ đầu có thêu. Trên đường, một chiếc xe hơi chạy vút qua đêm thăng trên con đường trắng, mờ dần dần trong lớp mưa rơi dày đặc, rồi càng xa càng mờ trông như bất động. Phía bên trại lính, người lính đứng canh trông ủ rũ như buồn ngủ. Mấy thằng cha đó nàng thuộc hết mặt, chẳng đĩa nào không. Thường

MƯA TẠNH

chúng vẫn chạy sang đây uống nước và nói chuyện oang oang, cười nghiêng cả cái bàn. Nàng vẫn thấy chúng nhìn vào bụng vào đùi nàng mà cười nữa, nhưng mà nàng biết chúng đều có vợ con hết, nàng không đáp lại.

Chúng đâu có biết được những nỗi đau khổ tận trong lòng nàng, chúng đâu có biết nàng nghĩ ngợi gì. Nàng cố nén tất cả những cái đau đớn của cõi lòng mà thản nhiên ngồi nhìn chúng đùa cợt, nàng chỉ cốt bán sao cho đủ ăn. Cả những người vẫn đi qua đi lại hàng ngày trên con đường này nàng cũng nhớ hầu hết vì sáng nào cũng thấy chúng đồ tước về phía Saigon, rồi trưa lại thấy chúng từ Saigon đồ về qua. Buổi chiều cũng vậy. Nhưng rất ít khi những đứa đi qua đó lại dừng lại vô quán nàng chơi. Chỉ đôi khi có đứa hư xe phải nhờ thằng Hưởng sửa vá cho thôi. Thường chúng vẫn ngồi ở cái ghế của nàng để chờ đôi khi mới uống nước hay là ăn bánh, hút thuốc. Nàng biết cái thằng cha đi vét-pa hồi này bữa nào nó cũng đi qua đây hết, cả chúa nhật nữa. Thỉnh thoảng nàng lại thấy nó nhìn vào quán nàng nhưng chưa bao giờ thấy nó dừng lại. Hình như nhà nó còn ở xa nữa, hàng mấy cây số lận. Cái lão già nàng cũng nhớ, nó thường đi bộ qua đây đồ tới bến xe buýt ở phía trên kia. Nhà nó ở đâu gần đây thôi, có mấy lần nó mua thuốc hút nhưng không nhìn nàng. Có tên lính cầm mũ đứng phía ngoài là nàng không nhớ rõ. Chắc hẳn ở xa mới tới hay chỉ đi qua có một lần, chắc không còn lần nào hẳn quay lại đây nữa. Hắn cứ nhìn trộm nàng, rồi lại quay ra nhìn mưa đổ. Tám đã biết là nàng coi cũng dễ thương, cái má nàng bầu bĩnh, tóc nàng thật đen, tuy mắt nàng hơi xéch coi dữ dằn một chút. Dầu sao cũng đã bao nhiêu người say đắm nàng, hoặc chỉ mê nàng một lát rồi lại quên, hoặc theo nàng mãi không thôi. Hàng ngày cứ ngồi mãi ở đây, nhìn mãi con đường này, dần dần nhớ cả mặt những người đi qua, như thế cũng chán. Bữa nay nàng mới được trông rõ cái mặt của thằng cha đi vét-pa. Coi mặt có một cái vết đỏ như lở loét ở dưới cằm bên trái, thỉnh thoảng nó lại dơ tay lên như để che, và nghiêng nghiêng cái đầu cho khỏi ai thấy. Cái mũi nó trông mới thật là thô, lỗ to tướng đút cả ngón chân cái vào cũng lọt. Tóc nó chải bi-ăng-tin bóng loáng cả lên, và ngửi thấy cả mùi thơm phức. Nhưng lúc nào cũng có vẻ như muốn tránh cái nhìn của mọi người, không muốn ai ngó cái mặt vô duyên của mình. Tám lấy làm thích được trêu nó bằng cách cứ thỉnh thoảng nàng lại nhìn chỗ vào cái lỗ mũi to, và đẩy lông, làm nó lúng túng quay đầu đi. Từ ngày biết nó vẫn cứ đi qua đây, cứ cái vét-pa coi oai vệ, mặt cứ nhìn thẳng lạnh lùng, bữa nay nàng mới được trêu nó thích chí. Còn cái lão già nữa. Bữa nay nàng mới biết hẳn có tật ho vặt, thỉnh thoảng lại ho khụ một tiếng, ho nhanh và gọn như là tiếng ho phát ra từ cổ họng hẳn một cách dễ dàng quá, tuột một cái là xong. Nàng thấy cứ độ ba phút hẳn lại ho một lần, mà mặt hẳn vẫn thản nhiên như không. Nàng nhìn kỹ cái cổ áo lụa dơ bẩn, cái ghét, cả cái gáy của lão già cũng đen thiu như phơi nắng suốt cả đời rồi. Đứng bên cạnh lão là thằng cha công

chức áo ca-rô. Tâm cũng nhớ là hân vẫn đi xe máy dầu qua đây. Có một lần xe hân đề phải dính nổ lốp phải nhờ thằng Hường vá. Nàng nhớ bữa đó hân có mua bao thuốc thơm và xin nàng lửa. Mặt hân trắng trẻo và nhiều mỡ. Đứng trú mưa, hân khéo chọn một chỗ tốt nhất. Hân cứ hết nhìn xuống chân xem nước chảy qua vô thắm ướt giày, dậm dậm giày một cái, lại lấy tay kéo quần lên rũ rũ, rồi lại nhìn vai áo, lấy tay phải phất tay áo như có bụi bám, rồi lại nhìn đồng hồ xem giờ và nhìn trời mưa. Nàng chắc hân có vợ và chỉ mong về ngay để ăn cơm với vợ.

Tâm thấy đau thốn ở giữa bụng. Nàng cũng đói cồn cả ruột. Nàng quay lại, thằng Hường đứng đằng sau nàng vẫn đút hết hai tay vô túi quần và mắt buồn bã ngó nghề nhìn ra mưa. Thấy nàng, nó cũng đưa mắt nhìn rồi mỉm cười nhạt nhẽo. Mấy sợi tóc ướt nó rũ cả xuống trán, với nụ cười lại thắm hại thêm. Gò má cao, mắt hay chớp lia lịa, nó kém nàng tới ba tuổi lặn. Một bữa nó tới xin nàng cho nó dọn đồ nghề ở cùng dưới gốc cây. Nó đã giúp nàng sửa sang cái quán cho chắc chắn. Rồi nó xin tới ở luôn nhà nàng. Nó cứ năn nỉ nàng lấy nó đi, nó nhận nuôi con nàng làm con nó luôn, nhưng nàng chưa ưng, tuy vẫn cho nó ở chung một nhà. Coi bộ thiệt nó cũng tội nghiệp, nàng thấy cũng không thương nó được. Nhưng không thể so sánh với cha thằng nhỏ nằm trong bụng nàng đây được, không thể so sánh được.

Mưa ngớt đi. Những chiếc xe vút qua trên đường hồi nãy mờ mịt như có phủ một lớp sương mù, càng đi về xa, những chiếc xe càng có vẻ như đứng yên bất động, trong bầu trời ướt sũng. Bầy giờ nước dần dần nhỏ hạt và thưa hơn, mây từng mảng rộng mỏng đi dần. Tâm đã trông thấy những chiếc xe ở tít xa, thấy chúng chạy mau hơn, tung những tia nước lia trên mặt nhựa. Phía trước mặt nàng, vượt lên cao trên những lớp mái nhà lợp ló, một vòm cây lớn vươn những cành lá cong đã in rõ dần trên một khoảng trời đã sáng lên dần. Gió đã tạnh đi từ lúc nào, những giọt nước đều xiên chéo rơi một điệu từ tốn. Mấy đứa đứng đợi mưa dần dần răn xa nhau, lùi gần ra phía ngoài vì mưa không còn bắt nữa, trừ có tên bạn sơ mi ca rô bỏ ngoài quần vẫn đứng yên chỗ cũ. Thỉnh thoảng hân lại dậm dậm chân. Dần dần, những hạt mưa càng nhỏ đi, trông như đã tạnh, chỉ còn thấy những giọt thưa rơi trên vũng nước bên đường. Tâm nhìn đám cỏ xanh, nước ướt vũng trên đất, tưới khắp đám lá tươi. Bên kia đường, từ dãy nhà tòn, một đám lính ủa ra cũng chạy tới tấp, tay che lên đầu phủ mưa. Vừa chạy chúng vừa cất tiếng cười lớn và gọi nhau om xòm như vui sướng lắm. Trong quán mọi người cũng sửa soạn bỏ đi. Trước là người lính, đội mũ lên đầu, nhìn trước sau, rồi quả quyết chạy ra ngoài, chạy thật mau khỏi vòm lá cây với những giọt nước vẫn rớt xuống, rồi hân bước mạnh trên đường nhựa. Chân hân bước chắc chắn, đôi giày lính gõ những tiếng oai vệ, nó đi thẳng không quay lại nhìn cái quán đợi mưa lấy một lần nữa.

Mấy người còn lại ai cũng sẵn sàng để bước ra, nhưng thấy nước mưa vẫn từ trên những tầng lá me rớt xuống, không dám ra hẳn. Cậu

học sinh là người bỏ đi thứ hai, chạy vội ra nhấc cái xe, nhảy phóc lên yên rồi cúi rạp xuống mà đạp vọt đi thật lẹ. Những giọt nước nhỏ vẫn rơi, thưa thớt và đều đặn. Nàng đã hừng lên sáng lóa cả mặt lộ. Tên áo ca rô vừa dậm chân vừa dơ tay coi đồng hồ. Hắn chạy lẹ tới chiếc xe máy dầu, lấy tay vuốt nước đọng trên yên và mở máy. Tiếng máy ròn inh tai cả đám người đứng đó. Hắn hãy lên xe, rồi chỉ một lát biến mất ở cuối ngã ba, sau bức tường màu vàng dài và cao, trên có cắm những mảnh ve chai của trại lính. Trên nữa là trời trắng những mây, mấy đỉnh cây phượng xanh mọc trong trại lính lốm đốm mấy cánh hoa đỏ chói, nàng chỉ trông thấy và cứ trông thấy mãi những đỉnh cây mà chưa bao giờ biết được mấy thân cây và gốc cây đó mọc ra sao.

Người xích lô máy nằm trong xe thò tay ra mở nút khuy đồng, vén cái mảnh vải che phía trước, gọi to :

— Bão tôi cái bánh ú đi.

Tám bước hai chân xuống đất.

— Mặn hay ngọt ?

— Mặn đi.

Nàng với tay nghiêng mình trên chiếc bàn và lấy bánh. Mấy người đứng quanh đã bỏ đi. Lão già và lão đi vét-pa cùng bước khỏi một lượt. Tám trông theo cái vét-pa nhớ lại rồi biến đi nốt. Nàng lại quay nhìn theo lão già. Hai vai vẫn so lên, cái lưng áo rộng và sạch, lão bước từng bước một lên mé đường, đầu lão nhìn chằm chằm xuống mặt đất để tránh những vũng nước. Lão bước đi một cách từ tốn và cẩn thận mãi không thay đổi, còn nàng nàng nhìn theo một hồi thì chán mất. Thế là chúng đi hết Tám quay nhìn thẳng Hường, nó đã khóa cái thùng sữa cũ đen thui lại rồi.

— Thôi về nhà đi Hường, đói quá rồi ăn sao nổi nữa. Nàng thu mấy thứ đồ lại trong tủ. Mấy thứ khác nàng mang trên tay. Hai người bước qua con đường đá cũ khắp khênh, sạch đi sau cơn mưa gội, bước vào trong bức cửa ván gỗ. Tám thấy một nhòai rồi, nàng bỏ mâm cơm ngoài cái giường gỗ đó, nàng bước vô buồng nằm luôn xuống. Nàng thấy hơi choáng váng đầu, bụng thót lại như hết hơi. Nàng vẫn như trông thấy cơn mưa vây quanh nàng, với mấy lữ qua đường trú lại trong quán, quanh nàng. Cái thằng cha có cái lỗ mũi lông lá coi rất sợ. Cái lão già ho khừng khực đều đều. Cái đồng hồ mạ vàng của thằng cha áo ca rô. Cơn mưa vây bọc rồi cơn mưa lại ngớt đi, bao nhiêu nước đổ xuống lại biến đi đâu hết, không còn chỉ đề đề thêm xuống nữa.

Tám gối đầu vào cánh tay, nằm nghiêng nghiêng. Cái bụng nàng nghiêng nặng về một phía, nàng dơ tay xoa xoa lên. Nàng nhớ lại khuôn mặt của chàng, khuôn mặt vuông vắn, thường đỏ lên như uống rượu. Tám dụi dụi đầu vào vai, vào cánh tay. Sao số nàng cực quá vậy không biết. Nhớ lại khuôn mặt đó, nàng lại thốn thức muốn khóc, bụng nàng lại quặn đau như có một khúc ruột gấp đôi lại. Nàng vừa ở với hắn được gần nửa năm, thì một bữa hắn đi không về nữa. Người ta ại cũng nói là chắc hắn chết rồi còn chi. Mà chết rồi làm chi phải không đâu. Nàng

vẫn nghe nói những chuyện bản giết, đột kích luôn luôn, lúc nào nàng cũng phấp phồng lo sợ cho bản. Rồi một bữa, người ta thấy ngay giữa chợ một cái bao bố, mãi có người tò mò mở ra mới thấy một xác người trong sợ. Cái xác không còn đầu nữa, nhưng mà Tám cũng nhận ra vì nàng thấy rõ hai bàn tay. Hai bàn tay vẫn ve vuốt ấp ủ nàng mà. Tám lại thấy nước mắt thấm nóng cả hai mí. Hai bàn tay đó nàng quên làm sao. Nàng nhớ lại khi bản hôn trên mắt nàng, hôn trên môi nàng, tay bản vuốt ve má nàng, xoa trên bụng nàng. Tám nằm ngửa dậy, duỗi thẳng hai chân và nhắm mắt lại. Bây giờ là đứa con của bản đang thành binh trong bụng nàng, nàng có muốn vứt bỏ đi cũng không được nữa. Hàng ngày nàng vẫn phải ngồi đó mà bản hàng, mà nhìn mà nhớ rõ tất cả những người đi qua trước mặt nàng, nhưng chúng thì không hề biết đến lòng nàng ra sao.

Tám mở mắt ra thảng Lưỡng cầm tờ báo đứng cạnh bên giường. Nó nhìn bụng nàng. Nó ngồi xuống nói nhỏ nhỏ;

— Đi ăn cơm, chị Tám.

Tám gật đầu. Nó lại nhìn bụng nàng nữa:

— Còn mấy tháng, chị Tám?

Rồi nó đưa tay ra trên bụng nàng, cách mấy đốt, nó hỏi,

— Chắc tháng nữa là nó to chừng này ha?

Bàn tay của nó hạ thấp xuống dần dần. Tám vội lấy tay gạt ra, nàng bảo:

— Thôi mầy ra ăn đi, tao không ăn được đâu.

Thằng Lưỡng đứng dậy bước ra. Tám nhắm mắt lại, tưởng khi nào đã sinh rồi. Nàng sẽ lấy nó chẳng? Nàng cứ lấy nó rồi nuôi con chẳng?

Tám nghe thấy tiếng thằng Hưởng nhai tóp tép, rồi tiếng nó hỏi vọng vào:

— Báo nó đang có báo ở biển Phi luật Tân. Biết Phi luật Tân đâu không chị Tám?

Tám ưỡn bụng lên nói thật to, quá cả sức nàng:

— Tao không có biết!

đồ quý toàn

lược khảo phong trào thi ca siêu thực pháp

LÊ HUY OANH

(Đã đăng hai kỳ số 3 và 4)

Bên Breton và Eluard có một kiện tướng siêu thực khác là LOUIS ARAGON (1). Khi cuộc đại chiến thứ nhất xảy ra, Aragon đang trong vòng 20 tuổi. Lớn lên trong khói lửa, tâm hồn Aragon trải qua một cơn biến động để phát ra những quan niệm nổi loạn ở lãnh vực tinh thần. Trước hết chàng gia nhập nhóm Đa Đa để được dịp phá phách, phỉ nhổ những giá trị cũ. Đến năm 1922, chàng cùng với Breton và Eluard tách ra khỏi nhóm Đa-Đa để thành lập trường siêu thực. Trong những bài thơ ở những tập thơ đầu như *Pen de Jole* hay *Mouvement perpétuel*, người ta thấy nhiều tính chất siêu thực với một khả năng dùng chữ tài tình và táo bạo. Aragon đã tạo ra những giá trị mới, những ý nghĩa mới cho các ký hiệu của ngôn ngữ. Tư tưởng siêu thực của Aragon đã đặc biệt được ghi lại trong những tác phẩm bằng văn xuôi: Tập *Anicel* (1921) trong đó định nghĩa sự nổi loạn tinh thần của lớp thanh niên thế hệ ông; tập *Le Paysan de Paris*, tác phẩm được coi như một thứ thơ xuôi ghi lại đời sống kỳ ảo hàng ngày tại một đô thị lớn; tập *Traité du style*, một thứ tác phẩm bút chiến đầy vẻ cuồng bạo, khiêu khích.

(1) Louis Aragon sinh tại Ba-lê vào năm 1897. Theo học về y khoa. Vào năm 1918 có ra trận đánh nhau trong vòng vài tháng. Từ 1919 đến 1922 tham dự phong trào Đa-da. Sau đấy dự vào phong trào Siêu thực: hoạt động cho hai tạp chí siêu thực *Littérature* (1919) và *Révolution surréaliste* (1924). Đến 1930, Aragon rời bỏ hàng ngũ siêu thực. Trong thời kỳ nước Pháp bị chiếm đóng, ông đã hăng hái tham gia phong trào kháng Đức để cứu quê hương.

Aragon đã tỏ ra rất say sưa, rất cuồng nhiệt với trào lưu văn nghệ mới. Ông rọi cho người đọc một thứ ánh sáng kỳ lạ, có khi loé ra muôn màu sắc như những pháo bông, có khi huyền hoặc mơ ảo. Trong những tia ánh sáng đó, người ta thấy :

*Sông Seine nhẩy nhót dưới ánh mặt trời tháng tư
Như nàng Cécile đến dự dạ hội khiêu vũ đầu tiên (1)*

Hoặc là :

*Những con chim không có lên
Lũ ngựa được vẽ với như những cờ đàn ngọn gáo.
Và Ái tình trần trường nhưng không thể vũ (2)*

Và cũng trong những làn ánh sáng của Aragon, người ta còn gặp.
*Những hiệp sĩ của bão táp mắc vào cánh cửa sổ những cửa hàng
Họ định đồ những hộp sữa như những con sơn ca béo tốt đơn giản
Họ quay chung quanh những cái đầu
Nhớ nhà họ đến tựa vào cục tròn cổ rùa của các bác thợ cạo.*

*Tinh cờ trong những khu mà họ lay chuyển
Họ đi lên giữa những ngôi nhà.
Trên cao dưới thấp trên cao trên cao
Họ thở dài trong những gian gác nhàn.
Họ thở dài ở những cửa sổ hầm nhà (3)*

Vợ của Aragon là nữ văn sĩ Elsa Triolet, đã từng chiếm giải thưởng văn học Goncourt năm 1914 với tác phẩm *Le Premier Accroc coûte deux cents francs*.

Các thi phẩm chính của Aragon: *Feu de joie* (1931), *Le mouvement perpétuel* (1921) *Persécuté Persécuteur* (1931) *Hourra l'Oural* (1934), *Le Crève-cœur* (1911), *Les yeux d'Elsa* (1942), *Le musée Grévin* (1943), *La Diane française* (1944), *En étrange pays dans mon pays lui-même* (1945), *Le nouveaucrève-cœur* (1948), *Les yeux et la mémoire*, *Mes caravanes* (1948-1954).

Không những là một thi sĩ, Aragon còn là một tiểu thuyết gia có tài: Ông đã đoạt giải thưởng văn học Théophraste-Renaudot năm 1936 với tác phẩm *Les Beaux Quartiers*.

(1) Trong bài *Pour Demain (Feu de Joie)*. (2) Trong bài *Un air embaumé (Le Mouvement Perpétuel)*. (3) Trong bài *Poèmes de Cape et d'Épée (Le Mouvement Perpétuel)*. Hai câu cuối không dịch được trọn vẹn vì nguyên văn của nó là:

Ils soupirent dans les soupentes.

Ils soupirent aux soupiraux

Bốn tiếng *soupirent*, *soupentes*, *soupirent* *soupiraux* có một giá trị liên tưởng và nhịp tiết riêng do sự tương tự của cách phát âm tạo ra. Dĩ nhiên tiếng Việt không thể dịch được cái giá trị liên tưởng và nhịp tiết đó.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

Aragon nhìn nhận sự huyền diệu của tâm hồn, đặc biệt của óc tưởng tượng. Óc tưởng tượng đó chính là một thế giới thần kỳ biến chuyển tiến diễn trong đủ mọi trạng thái, đủ mọi hình thức, con người đã từ những vực thẳm vô hình nào đó phát sinh ra, đã bị đẩy nghiêng hành hạ bởi cái ý tưởng về sự vô cùng. Chính những điều đó đã khiến cho cuộc sống của con người trở nên bí mật, cao cả. Và con người phải biết cố gắng đi sâu vào những vùng bí mật cao cả đó. Tìm biết những cái có thể biết, chưa đủ, phải tìm biết cả cái không thể biết (l'inconnaissable), đó chính là nhiệm vụ quan hệ của nghệ sĩ, đó chính là hành động của những người đã báo trước cho phong trào siêu thực như Rimbaud hay Lautréamont. Aragon lên án tâm lý học vì ngành này đã làm hư cả những ý niệm đứng đắn của con người đối với cõi tâm linh; tâm lý học đã đưa con người tới chỗ « quên mất những vực thẳm, quên mất những sự hành hạ vô cùng ». Để có thể tìm lại cái bản thể tâm lý, nghệ sĩ phải rời bỏ nguyên tắc hiện thực và nhận lấy một nguyên tắc siêu thực. Đừng nhìn vào bộ mặt bên ngoài của sự hiện hữu nhưng phải đi sâu vào cái bề trong khúc khuỷu trùng điệp của nó. Phải khám phá những cái phức tạp ẩn trong cái đơn giản. Những tiếng chúng ta thường dùng hàng ngày trong ngôn ngữ, không phải chỉ có một giá trị bất biến, Chẳng hạn chữ A đâu phải chỉ giữ vai trò chữ đầu trong những chữ cái và đôi lúc có ý nghĩa của một lời hò thán mà thôi. Rimbaud khi xưa đã thấy màu đen của chữ A; và chính chữ A đã mang hình ảnh « chiếc yếm nhung màu đen của lũ ruồi rục rở bay lượn chung quanh những mũi mũi hôi thối hung dữ » và cũng là những « vịnh bóng tối ». (1)

Cũng như Rimbaud, cũng như phần đông các thi sĩ siêu thực, Aragon đã tìm những giá trị mới, những ý nghĩa mới của ngôn ngữ. Và không phải chỉ tìm tòi mà thôi, còn phải tự mình phả vào ngôn ngữ những giá trị mới nữa. Để có thể làm cái công việc sáng tạo đó, nghệ sĩ trước hết phải được hoàn toàn tự do. Một kẻ sáng tạo cần phải có sự tự do của một Thượng đế độc nhất trong ý niệm (2), chứ không thể bị lệ thuộc vào bất cứ một cái gì kể cả người đọc.

Và Aragon đã làm thơ tự do, đã phô diễn ý tưởng theo quan niệm riêng của mình, đã quyết tâm thống trị các ký hiệu ngôn ngữ các hình ảnh chứ không chịu để chúng chỉ phối lung lạc mình. Nói tóm lại

(1) *A noir . . .*

*A, noir corset velu des mouches éclatantes
Qui bombinent autour des puanteurs cruelles
Golfs d'ombre . . .*

(*Voyelles — Poésies.*)

(2) Tôi viết Thượng đế độc nhất trong ý niệm chứ không viết thượng đế độc nhất. Vì phải chăng thượng đế chỉ là sản phẩm của ý niệm.

trong vòng 10 năm đầu kể từ khi khởi nghiệp thi ca của mình, Aragon nhiều khi đã sáng tác đúng với đường lối siêu thực do ông và đồng bạn đề ra.

Nhưng từ sau khi tập thơ *Persécuté Persécuteur* của ông vào năm 1931 ra đời, Aragon chuyển hướng, không tin tưởng gì vào chủ thuyết siêu thực nữa. Nhà thơ bắt đầu quên mình đề phụng sự đại chúng. Mà nếu muốn phụng sự đại chúng tất nhiên không thể nào không lệ thuộc đại chúng. Aragon cho rằng nguyên tắc sáng tác siêu thực không hợp với đại chúng nên không thể áp dụng nó vào công việc phụng sự đại chúng được. Trong số những người đọc thơ, mấy ai lãnh hội được cái tinh chất thuần túy của thơ siêu thực. Muốn gây xúc cảm cho quần chúng, muốn hướng dẫn, kêu gọi quần chúng, cần phải dùng một thứ ngôn ngữ bình dị sáng sủa, cần phải chú trọng đến vần (rimes) vì trong thơ, những vần có ma lực rất lớn để quyến rũ hấp dẫn người đọc. Từ tập *Hourra l'Oural* trở đi, Aragon quay về với hình thức thi ca cổ truyền của Hugo, của Musset, của Baudelaire và ngay cả của những thi sĩ thời trung cổ như Charles d'Orléans, Agrippa d'Aubigné. Thơ Aragon trong giai đoạn sau không còn bí hiểm, ngàng chường, tự do như trước nữa. Với nguyên tắc sáng tác cũ, với lòng yêu nước nhiệt thành, thi sĩ làm thơ cổ võ việc cải thiện xã hội loài người, ca ngợi nước Pháp, ca ngợi ý chí đấu tranh của dân tộc Pháp, thúc đẩy mọi người nỗ lực làm việc để đạt tới một đời sống tốt đẹp đầy đủ hơn cả về tinh thần lẫn vật chất. Hãy nghe nhà thơ kêu gọi Hòa bình:

*Cessez partout le feu sur l'homme et la nature
Sur la serre et le champ les jardins les pâtures
Sur la table et le banc sur l'arbre et la loiture
Sur le ciel où l'audace et l'oiseau s'aventurent
Sur le passé de pierre où rêve la sculpture...
Sur ce coeur dans son coeur qui une mère défend
Cessez le feu partout sur la femme et l'enfant (1)
Hãy ngừng bắn khắp nơi trên đàn ông và vạn vật
Trên nhà trồng cây và trên cánh đồng những vườn những bãi cỏ
Trên bàn và ghế dài trên cây và mái nhà
Trên trời nơi sự táo bạo và chim mọo hiềm
Trên dĩ vãng bằng đá ở đây sự điêu khắc mơ mộng...
Trên trái tim này trong trái tim nó mà một bà mẹ bảo vệ
Hãy ngừng bắn khắp nơi trên đàn bà và trẻ con.*

Aragon được người ta mệnh danh cho là thi sĩ của nước Pháp (poète de la France) chính bởi ông đã thiết tha yêu mến nước Pháp và lúc nào cũng hăng hái, nhiệt tâm bảo vệ lẽ phải.

Aragon, Breton và Eluard đã là một bộ ba về sau trừ danh của phong trào siêu thực, nhưng ba người có ba thái độ riêng đối với trường thơ

(1) Trích trong *Les yeux de la Mémoire*, Vì đoạn này có vần, nên dẫn cả nguyên văn.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

của họ. Breton mãi mãi trung thành với chủ thuyết siêu thực do chính ông đã tạo nên một phần lớn; Eluard sau này rời bỏ trường siêu thực nhưng vẫn còn giữ lại nguyên tắc sáng tác siêu thực, còn Aragon thì từ sau 1931 hoàn toàn bỏ rơi chủ thuyết siêu thực.

Một thi sĩ khác cũng có nhiều công lao trong trường siêu thực là ROBERT DESNOS (1). Lúc đầu, Desnos rất phục lý thuyết của Breton và theo sát nguyên tắc sáng tác siêu thực do Breton đề ra. Desnos đã tạo ra một thế giới thơ mờ mịt quái đản đầy những mộng mị, đầy những vũ huyền ảo.

Vào năm 1922, một người thuộc nhóm siêu thực là René Crevel có đề ra việc thí nghiệm về những giấc ngủ thôi miên (sommeil hypnotique). Một người sẽ được thôi miên đề ngủ, và người thức ghi lại tất cả những lời nói mà người bị thôi miên nói trong lúc ngủ. Đề nghị của Crevel được tán thành.

Có 4 người tham dự cuộc thí nghiệm này là Breton, Crevel, Pèret và Desnos. Ba người kia lần lượt ngủ trước, nhưng có người không nói gì, có người nói ít và không có gì đáng kể lắm. Đến lượt Desnos ngủ giấc thôi miên, ông đã nói nhiều và được coi như nói hay nhất. Những câu đặc sắc của ông được ghi lại thành một bài thơ nhan đề *Rose Sélavý*. Bài đó như sau:

- 2) *Rose Sélavý* hỏi rằng liệu cuốn *Fleurs du Mal* có đã thay đổi những phong tục của phallex (a) : *Omphale* nghĩ sao về cái đó ?
- 7) Ôi sự của ta ngồi sao xa cừ héo hắt
- 15) Mất tích trong biển vô tận *Rose Sélavý* có sẽ ăn sắt sau khi đã ăn những bàn tay vàng chẳng ?
- 16) Aragon thu nhận trong giờ cuối cùng linh hồn của Aramis trên một cái giường bằng rau estragon.
- Thời giờ là một con phượng hoàng trong một ngôi đền
- 52) Hơn cả lễ độ đề là ngay thẳng
- Hơn cả thi sĩ đề bị xỉ nhục

Phải chăng đây là thứ thơ hoàn toàn được ghi theo tự động tâm lý ? Các thi sĩ siêu thực cho rằng khi ngủ thiếp đi như vậy, tư tưởng con

(1) Robert Desnos sinh năm 1900 tại Ba-lê. Desnos cho đăng những bài thơ đầu tiên của ông trong tạp chí xã hội *La Tribune des Jeunes* (1917), rồi trong tạp chí *Trait D'union và Littérature* (cơ quan siêu thực). Ông cũng là một nhân vật của trường siêu thực nhưng đến 1930 ông tuyệt giao với André Breton và rời bỏ trường này. Trong thời kỳ đại chiến thứ hai, Desnos tham gia phong trào kháng Đức. Vào tháng 2-1944 ông bị cơ quan Gestapo của Đức bắt đưa đi lưu đày ở Auschwitz, rồi ở Terezin (thuộc Tiệp Khắc). Tại Terezin ông chết vì bệnh đậu lạo vào năm 1945.

Các thi phẩm chính của Desnos: *Deuil pour Deuil* (1924) *La Liberté ou l'Amour* (1927), *Corps et Biens* (1930), *Les Sans cou* (1934) *Fortunes* (1942) *Etat de veille* (1943), *Choix de Poèmes* (1945), *Domaine public* (1953).
(a) Trong tiếng pháp, tiếng phallex hình như không có nghĩa gì cả.

người sẽ chính xác và hoàn toàn được giải phóng khỏi mọi sự gò bó. Lúc bấy giờ nghệ sĩ sẽ phát biểu những ý tưởng hoàn toàn bất ngờ của tiềm thức và vô thức.

Thực ra, không phải những bài thơ của Desnos đều đại loại như bài *Rose Sclavy*. Bài thơ dẫn trên chỉ là một thí dụ chứng tỏ Desnos rất chú trọng tới sự mộng mị và sự kỳ ảo, coi đó là nguồn sáng tác phong phú đúng như quan niệm của Breton trong *Bản Tuyên ngôn siêu thực thứ nhất*. Hơn ai hết, Desnos đã vâng theo lệnh của Breton và đã theo Breton để làm một kẻ «nổi loạn». Cái hay của nghệ thuật được Desnos coi như bị nhốt trong một cái nhà kín, cửa đóng then gài rất chắc chắn. Muốn tìm được nghệ thuật đó nghệ sĩ không được rút rờ bên lề mà phải hăng hái, phải «bạo động». Hừng gõ cửa xin vào vì sẽ không ai mở cửa cho bạn cả, và cửa cũng không bao giờ tự mở ra cả; phải phá cửa mà xông vào.

Về phương diện xã hội, Desnos, cũng giống như Breton muốn «tiến tới một bản tuyên ngôn mới về nhân quyền». Vì thế, có một thời Desnos đã cùng các bạn trong nhóm bàn luận, thắc mắc, bày tỏ thái độ về các vấn đề xã hội và chính trị. Nào là chuyện nhập đảng nọ phái kia, nào là khuyến khích cổ vũ các cuộc đình công. Bằng thơ bằng hình vẽ, bằng chuyện ngắn, Desnos nói đến một cuộc cách mạng trong tương lai, nói đến sự chết chóc, sự đói khát... Cùng các bạn cùng nhóm, Desnos đã ký hết vào những bức thư ngỏ gửi Đức Giáo Hoàng, gửi Đức Đạt-lai Lạt-ma, gửi các y sĩ trưởng trong các nhà thương điên, các viện trường các trường đại-học ở Âu Châu v.v. để đề cập tới nhân quyền. Desnos tỏ ra hăng hái lắm, nhiệt thành lắm, nên nhờ có ông trưởng siêu thực đã nổi đình đám thêm nhiều. Chẳng thế mà trong *Bản Tuyên ngôn Siêu thực thứ hai*, Breton đã phải viết rằng trong trường siêu thực, Desnos đã đóng một vai trò quan trọng, không thể quên được.

Mười năm sau, tuy Desnos cũng rút lui khỏi trường siêu thực như Aragon, nhưng ông khác Aragon ở điểm là không phủ nhận nguyên tắc sáng tác siêu thực.

Cũng nên biết rằng, Desnos là một công dân Pháp rất yêu nước; ông có tham gia cuộc chiến đấu kháng Đức và đã làm được một số thơ kêu gọi lòng yêu nước của đồng bào. Nhà thi sĩ kia đã từng là chiến sĩ và đã anh dũng bỏ mình vì tổ quốc.

Nói đến những thi sĩ nổi tiếng của trường thơ siêu thực Pháp, chúng ta không thể không nói tới một nhà thơ nữa là RENÉ CHAR (1)

Mãi tới năm 1930, René Char mới gia nhập trường siêu thực và chỉ hoạt động cho trường này trong vòng mấy năm thôi. Nhưng vừa gla

(1) René Char sinh năm 1907. Từ 1929 đến 1934, xuất bản một số thơ *Siêu thực* trong đó có tập *Marteau sans maître* (193) Tiếp theo ông cho xuất bản *Dehors, la nuit est gouvernée* (1938), *Premières Alluvions* (1945), *Feuillets d'Hypnos* (1946), *Aune sérénité crispée* (1951), *Lettera Amoris* (1953) *Recherche de la base et du sommet* (1955).

nhập nhóm Siêu thực ông đã trở nên một nhân vật rất được người ta chú ý. Nhà văn học sử Marcel Girard đã nhận xét rằng : từ một thứ không khí miền nam, thơ của ông vững chắc như sắt. Ông chính là một loại nhân vật cổ điển trong nhóm Siêu thực.

Bằng sự hào hứng, bằng thái độ quả cảm, bằng hành động đầy tin tưởng, ông đã đẩy từ cái bản chất đam mê của ông trong thơ. Cái bản chất đó đã được cấu thành bởi nhiều thứ tình yêu : tình yêu nghệ thuật, tình yêu đàn bà, tình yêu tổ quốc, tình yêu những hình ảnh những lý tưởng cao đẹp hoàn hảo.

Và trong sự phát biểu tất cả những tình cảm đó, René Char lúc nào cũng chuộng sự thực. Sự chân thành nổi bật trong thơ ông như một lá cờ tươi thắm tung bay trên nền trời biếc. Pierre Berger, trong cuốn *René Char* do nhà Seghers ấn hành năm 1951, có cho rằng : ở cái thế giới của Char, sự chân thành được coi như một con quay. Char đã bỏ giằng cho con quay đó quay tít, và khi quay nó đã làm văng ra những tia thơ bất tuyệt, rất linh diệu, rất say sưa, rất màu nhiệm.

Khi làm thơ, René Char đã diễn tả đối tượng một cách rất quảng đại. Bằng cặp mắt kỳ ảo, ông đã nhìn ngắm đối tượng trong cái toàn diện của nó, chứ không hề đề ý đến những khía cạnh vụn vặt, nhỏ hẹp của đối tượng. Và cũng bằng cặp mắt kỳ ảo của ông, René Char đã chiếu nhữn quang vào đối tượng khiến cho nó được nhận lãnh lấy những ánh hào quang muôn màu sắc, cũng chẳng khác nào một hòn nam châm truyền từ lực sang cho một miếng kim khí. Chính bởi thế, người đọc có cảm tưởng như thơ của Char thật hay, thật đẹp nhưng tối tăm vì cô đọng quá. Sự thực, nếu muốn phán đoán thật đúng, ta phải bảo rằng thơ của Char là những tình yêu được kết tinh. Người Đông phương chúng ta, có thể dùng một hình ảnh rất Đông phương để áp dụng cho định nghĩa về thơ Char : đó là hình ảnh chiếc tách ngọc, kết tinh mối tình tuyệt diệu của anh lái đò Trương-Chí. Khi Trương-Chí tự vẫn, thì mối tình của nàng My-Nương lắng lên đến độ cao nhất, vì vậy nên chỉ có nàng mới thấy hình ảnh người lái đò hiện ra trong đáy tách. Chính tình yêu đã là động lực nhiệm màu khiến nàng trí giác được ảnh tượng của người yêu. Thơ của René Char chính là cái tách ngọc vì nó được cấu tạo bằng tình yêu như tôi đã nói tới. Muốn tìm thấy Char trong thơ của ông, người ta phải đọc thơ ông bằng tình yêu.

Thơ của René Char còn có một cái giọng thiết tha và đôi khi đau đớn như giọng thơ của phần đông các thi sĩ siêu thực khác. Đó là những tiếng kêu thốt ra từ đáy lòng lớp thanh niên sống trong một thế hệ giông tố phải chịu đựng những hậu quả ghê sợ của chiến tranh. René Char còn là một nghệ sĩ thêm khát những cái mới lạ. Chẳng như một con tàu đã chán ghét những giòng nước lăm lăm thương quen thuộc, nên đã rẽ những hời cỏi nồng cháy để lao mình ra khơi tìm những chân trời mới, những bến bờ xa lạ.

Vậy nên, muốn hưởng những cuộc viễn du kỳ diệu, muốn thấy những hình ảnh lạ lùng, muốn thở một không khí thanh khiết mà say

như men rượu mạnh, chúng ta hãy ngồi trên con tàu thơ của René Char. Tuy nhiên, việc này đòi người đọc phải có gan mao hiểm, phải có can đảm rút bỏ những dây trói buộc của những bờ bến quá quen thuộc. Nếu có cái gan mao hiểm đó, có lòng can đảm đó, người ta sẽ thấy thơ Char không có gì tối tăm, bí hiểm cả. Nó chỉ là một con tàu siêu thực có đủ sức vượt sóng gió đưa ta đến cõi say mơ, huyền diệu mà đầy những thực tế hiển nhiên của cuộc đời.

Thật thế, thơ Char được tạo thành bằng một thứ ngôn ngữ tân kỳ, có nhiều chỗ gần như tách biệt hẳn với những ngôn ngữ cũ. Nhiều hình ảnh trong đó đã khiến người ta phải giật mình ngạc nhiên đến thích thú. Trong thơ Char người ta gặp rất nhiều những câu như: *Les plus d'une sole brûlante peuplée d'arbres aux feuilles de cendre* (những nếp của một sole brûlante peuplée d'arbres aux feuilles de cendre (những nếp của một giải lụa nóng bỏng, trên đó mọc đầy những cây phủ những lá tro): *l'édition en flammes précipité dans l'insondable gouffre des ténèbres en perpétuel mouvement* (cái mào của cơn hải gợn nhào vào cái vực vô tận của những bóng tối trong sự chuyển động hođi hođi): Trong bài Bora ông gọi người yêu của ông là nơi ăn náu bằng cây bạc hà và cây phương thảo; ông viết: *Les marches du Crépuscule révèlent ton murmure, gîte de menthe et de romarin, confidence échangée entre les rousseurs de l'automne et la robe légère* (những bước đi của hoàng hôn làm tiết lộ tiếng làm rầm của em, nơi ăn náu bằng cây bạc hà bằng cây phương thảo, tạo thành lời tâm sự trao đổi giữa những vết đỏ của mùa thu và chiếc áo dài nhẹ nhàng của em); v.v.,

Ngày nay, với tâm thắm mỷ mỗi ngày một rộng rãi hơn, người Pháp càng ngày càng khám phá được những cái hay cái đẹp trong thơ René Char. Từ trong bóng tối, bộ mặt Char càng ngày càng nổi rõ rệt hơn, những lớp mây mờ bao quanh thơ ông cũng tan dần. Sau khi Georges Mounin viết cuốn *Avez-vous lu Char?* (1948) người ta bắt đầu chú trọng đến thơ ông, và một số đông các nhà khảo cứu văn học có tiếng như Pierre Berger (*René Char*, Seghers, 1951), Pierre Guerre (*René Char*, José Bédélégue Ouvre, 1951), Grete Rau (*René Char on la poésie accrue*, José Corti, 1957) v...v... đã bàn nhiều và giải thích nhiều về cái hay cái đẹp trong thơ Char. Ai nấy đều quan niệm Char như một thi-sĩ đích đáng, nhưng là thi-sĩ của người giàu suy tư và thiết tha với những kỹ-thuật mới lạ của nghệ thuật.

Trước khi chấm dứt về trường siêu thực, chúng tôi cũng muốn điểm danh qua một số thi sĩ tuy không cử khởi lắm, nhưng cũng được coi như có nhiều công lao đối với trường Siêu thực. Đó là các ông René Crevel, Michel Leiris, Benjamin Péret và Antonin Artaud. Chúng tôi dựa theo những tài liệu tóm lược của Marcel Girard, tác giả cuốn *Guide illustré de la Littérature française moderne* và Georges-Emmanuel Clancier tác giả cuốn *La Poésie Française, Panorama critique de Rimbaud au Surréalisme* để trình bày ít giống về 4 người đó.

RENÉ CREVEL (1900-1935) — Sau một dạo làm thơ siêu thực, Crevel đã tự tử chết vì thấy chủ thuyết Siêu-thực đoạn tuyệt với chủ thuyết

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

mác-xít. Các tác phẩm chính của Crevel gồm có *Détour* (1924) *Mon Corps et Moi* (1925), *Ête-vous fous?* (1929) *Les pieds dans le plat* (1933). Trong các tập chí siêu thực, Crevel đã tỏ ra luôn luôn sát cánh với các bạn đồng bệnh vực, truyền bá chủ thuyết siêu thực. Như đã nói tới trong những trang về Desnos, Crevel đề xướng ra việc ghi lại tự động tâm lý trong giấc ngủ thối miên. Điều này chứng tỏ ông rất nhiệt thành tin tưởng vào thuyết siêu thực.

MICHEL LEIRIS (sinh năm 1902) — Ông này chỉ hoạt động cho trường siêu thực có vài năm thôi. Tuy nhiên khi đã tách khỏi trường đó, thơ ông vẫn bị ảnh hưởng sâu đậm chủ thuyết siêu thực. Các thi phẩm chính của Leiris gồm có *Simulacre* (1925) *Aurora* (1928) *Haut mal* (1943) *Abanico para los toros* (1943).

Thơ của Leiris đậm chất siêu thực. Chẳng hạn cuốn *Aurora* trình bày một câu chuyện tình kỳ lạ được kể lại bằng một óc tưởng tượng điên cuồng. Leiris còn rất chú trọng đến mộng mị, chú trọng đến đối ông không còn tin tưởng gì đến giá trị của hành động nữa. Ông thả hết tâm hồn vào mộng để đi tìm những thực tế bí mật. Người ta còn có thể nói rằng mỗi chữ ông dùng cũng đều như đang mơ ngủ, và vì vậy có khả năng đưa người đọc tới những quang cảnh lạ kỳ, hỗn loạn của cõi tâm linh. Leiris đã thả lỏng cương cho ngôn ngữ. Chính vì thả lỏng như vậy nên có những khi ông đã bị thua thiệt nhiều: sự rời rạc của hình ảnh của ý tưởng nhiều khi quá đáng nên đã phá hoại thơ chứ không bồi đắp được cho thơ, dù là thơ siêu thực.

BENJAMAIN PÉRET — (sinh năm 1899) — Trái với Michel Leiris, Benjamain Péret là một người rất ưa hành động chẳng kém gì Breton hay Aragon. Những tập thơ của ông như *Le Grand Jeu* (1928), *Je ne mange pas ce pain* là (1936)... đã nói lên điều đó. Ông đã dự vào cuộc chiến tranh Tây ban Nha, đã bị giam giữ, bị tù đầy. Tuy vậy, những kinh nghiệm tập đoàn ấy đã không ngăn được ông tôn sùng cái quan niệm cá nhân thuần túy trong nghệ thuật. Chính vì thế nên Péret đã đi vào con đường siêu thực khi ông làm thơ. Ông chú trọng tới việc khám phá những hiện tượng quái đản, kỳ cục của đời sống bên trong và bên ngoài. Chúng ta hãy nghe bài *Mémoires de Benjamain Péret* (kỷ ức của Benjamain Péret):

Một con gấu ăn những cái vủ.
Cái ghế trường kỷ bị ăn con gấu khạc ra những cái vủ.
Những cái vủ thoát ra từ con bò cái.
Con bò cái dái ra những con mèo đực.
Những con mèo đực làm thành một cái thang.
Con bò cái leo thang.
Những con mèo đực leo thang.
Cái thang gãy phía trên.
Cái thang trở thành một gã đưa thư mập mạp.
Con bò cái rơi xuống tòa thượng phẩm..
Những con mèo đực dờn bài Madelon.

Và cái còn lại làm thành tập nhật ký cho các cô con gái có chữa.

Chắc hẳn đọc xong bài này có nhiều bạn sẽ kêu lên rằng : thơ gì mà kỳ cục, quái gở thế. Nhưng các bạn đó à, tôi nghĩ rằng cuộc đời còn có nhiều hiện tượng kỳ cục quái gở gấp trăm lần.

ANTONIN ARTAUD (1895 — 1948) — Các thi sĩ siêu thực rất chú trọng đến những hiện tượng sinh lý và tâm lý của những người điên, coi đó như những nguồn quý báu hiến dâng cho nghệ sĩ những thực tế mới mẻ, sâu sắc. Nhưng Artaud không cần phải tìm những nguồn cảm hứng đó ở những người khác chính ở ông đã có chúng rồi. Ông đã hóa điên và đã bị nhốt trong nhà điên trong chín năm trời. Những thi phẩm của ông như *l'Ombilic des Limbes* (1914), *Le Pèse-Nerfs* (1927), *Hélasqabole ou l'anarchiste couronné* (1931), *Le Théâtre et son double* (1945), v.v... đã khi ít, khi nhiều bày tỏ cái trạng thái bệnh hoạn của ông. Thơ của ông là những tiếng kêu kỳ lạ khủng khiếp. Có người bảo đó là những tiếng hét của thiên tài nhưng cũng có người cho rằng đó là những lời nói trong mê sảng, vẩn vơ, của những kẻ mất trí khôn. Dù sao thì Artaud cũng có một địa vị trong thi đàn Pháp. Tại sao độc giả cảm nổi một người điên ? Theo ý tôi thì chính vì chúng ta cũng đều là những thằng điên khủng nhưng đa số vẫn không có cái can đảm tự thú nhận mình là những thằng điên khủng vậy.

Khi mới xuất hiện, phong trào thi ca siêu thực đã gây ra một sự công phẫn rất lớn tại Pháp. Nhiều người đã gất gao lên án phong trào đó, coi như nó là một sự kiện phá hoại văn học nghệ thuật. Nếu xét một cách hơi hợt, ta thấy sự lên án đó rất đúng vì các thi sĩ Siêu thực đã bày tỏ một thái độ cực kỳ quá khích, đòi phá hủy hầu hết những giá trị tinh thần cũ, đòi thay đổi hẳn cục diện xã hội. Nhưng rồi, người đọc quen dần với những cái « lỗ lã » đó, và một khi đã quen, họ không còn thấy nó lỗ lã như họ tưởng lúc đầu. Đến nay, đa số các nhà viết văn học sử đều đã đặt tầm quan trọng của phong trào thi ca siêu thực, đã công nhận giá trị cũ, vì một khi nó đã là giá trị thực sự thì không có một sức mạnh nào có thể phá hủy được. Trái lại, họ đã đưa vào kho tàng tư tưởng, nghệ thuật của loài người những giá trị hoàn toàn mới mẻ. Họ đã dạy cho kẻ đồng loại một điều rất quan trọng là : lãnh vực hoạt động của tư tưởng của nghệ thuật không có giới hạn nào cả. Người ta cần phải mở mang lãnh vực đó mỗi ngày một rộng thêm, và phương tiện hành động là lòng can đảm, chân thành và tinh thần tự do.

Với cặp mắt khách quan, ta sẽ rất có lý khi bảo rằng các thi sĩ siêu thực có thái độ chủ quan, quá khích ; ta có quyền không chấp nhận cái thái độ đó, nhưng đừng nên kết án nó. Đối với các nghệ sĩ siêu thực, cái thái độ đó thực rất cần thiết vì nó chính là cái động lực thúc đẩy sự sáng tạo, thúc đẩy họ đi tìm những cái hay đẹp chưa hề được

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

khám phá trong quá khứ.

Chủ thuyết Siêu thực đã ngự trị hầu hết thi đàn Pháp trong tiền bán thế kỷ thứ 20. Ảnh hưởng của nó đã có tác động mạnh đối với nhiều thi sĩ thiên tài khác như Jean Cocteau, Pierre Jean Jouve, Jules Supervielle, Jacques Prévert, Henri Michaux hay Saint John Perse. Các thi sĩ này tuy không gia nhập trường Siêu thực hay chỉ gia nhập một thời gian rất ngắn, nhưng cũng đã bày tỏ rất nhiều cảm tình đối với chủ thuyết siêu thực. Nhiều văn học sĩ gia đã coi họ như những nghệ sĩ của quốc tế.

Tại Việt Nam, cái nguyên tắc sáng tạo của phong trào Siêu thực cũng thấp thoáng ít nhiều trong thơ của một vài nhà thơ « tài tử » như Trần Thanh Hiệp, Thạch Chương và trong thơ Thanh Tâm Tuyền, một thi sĩ trẻ tuổi, rất giàu tài năng, tác giả tập thơ *Tôi không còn cô độc và Mặt trời tìm thấy* (1). Rồi cái ảnh hưởng của thơ Thanh Tâm Tuyền lại bắt đầu truyền sang cho một số những cây viết trẻ tuổi khác. Do đấy, một phần thi ca Việt Nam hậu chiến — cũng như phần lớn thi ca tiền chiến — đã mang một sắc thái có tính chất quốc tế.

Tuy nhiên, chủ thuyết siêu thực hiện nay hình như vẫn còn xa lạ đối với đa số quần chúng Việt-Nam; nhưng tôi tin tưởng rằng, với trình độ trí thức mỗi ngày một lên cao, với óc thẩm mỹ mỗi ngày một mở rộng, người Việt-Nam sẽ đón nhận thi ca siêu-thực với một cảm tình đẹp đẽ cũng như đã từng hân hoan đón nhận những nguồn thơ phong phú của các trường lãng mạn hay tượng trưng Pháp. Nếu ta có đón nhận những giá trị tinh thần quốc tế thì đó không có nghĩa là ta đi vay mượn, nhưng có nghĩa là ta thi hành cái quyền nhận lãnh thêm phương tiện mới, chất liệu mới, tinh hoa mới để mở rộng và tô điểm thêm khu vườn tư-tưởng, nghệ thuật sẵn có của ta. Như vậy, chúng ta có thể đi vào một sự hòa đồng của nhân loại, và trong sự hòa đồng ấy, chúng ta vẫn có cái giá trị riêng biệt của chúng ta.

Chỉ những kẻ nào hẹp hòi, ngu xuẩn mới có thể quan niệm một thứ chauvinisme (2) trên lĩnh vực tinh thần. Và cái tinh thần văn nghệ thuần túy nhất phải chẳng không bị giới hạn trong không gian và thời gian.

Còn về cái giá trị của thơ siêu thực, tôi nhận định rằng: loại thơ này đã làm giàu thêm cho văn học nghệ thuật thế giới rất nhiều. Nếu nước Pháp đã có quyền tự hào về những Villon, Ronsard, Hugo, Lamartine, Musset, Gautier, Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, Valéry v.v... thì cũng có quyền tự hào về những thi sĩ siêu thực như Breton, Eluard,

(1) *Mặt trời tìm thấy*, theo ý tôi, là một trong những bài tiêu biểu nhất của Thanh Tâm Tuyền, và cũng là một trong những bài đặc sắc nhất của thời hậu chiến. Bài này đã đăng trong *Sáng Tạo*, bộ mới, số 1 (tháng 7-1960).

(2) Trong phạm-vi bài này tôi không muốn dịch chữ chauvinisme là tinh thần ái quốc quá khích hoặc bài ngoại như có nhiều người đã dịch. Tuy nhiên, vì chưa tìm được chữ gì hơn, nên tôi để nguyên chữ Pháp.

Aragon, Desnos, hay Char. Dĩ nhiên, thơ siêu thực có nhiều cái hay nhưng cũng có nhiều cái dở, nhưng trong lãnh vực văn học nghệ thuật, người ta chưa thể quy định rõ rệt được cái hay cái dở của nó. Vấn đề này vẫn còn tùy thuộc vào người đọc, tùy thuộc vào không gian và thời gian.

Điều cần thiết chúng ta phải biết đến phong trào thi ca siêu thực đã.

(Hết)

lê huy oanh

phần phụ lục

NHỊP TIẾT CỦA TÂM TÔI LÀ NHỊP TIẾT MUÔN ĐỜI (1)

Sự cuồng nhiệt không còn tin cậy vào sự khoa trương quảng cáo, không bởi cảnh sát, không bởi chiến tranh, không bởi các nhà lưu trữ, không bởi những bài diễn văn đại ca sa của con người khốn nạn.

Con người lên tiếng và biết lên tiếng. Nó nói đến thân thể nó: mắt nó, miệng nó, tai nó, mắt để nhìn tất cả cái thực tại hữu ích, miệng để nói tất cả cái gì thiết yếu và phong phú và bền bỉ, và tai nghe điều mà lẽ phải nói với nó. Người ta không còn giảng thuyết về cái hạnh phúc đáng giá hai xu, hạnh phúc tỷ phú, cũng như không còn giảng thuyết về cái ái tình vô tương lai. Không có cái chết luân lý nữa, nhưng có một luân lý vĩnh cửu. Không có những đứa trẻ con phạm tội nữa, hãy để chúng tôi cười thành tiếng, không còn những đàn bà như nhớp nữa, hãy để chúng tôi cười thành tiếng, không còn những đàn ông đói khát nữa — điều này cũng không còn là một ảnh tượng.

(1) Bài này có thể được coi như một bài thơ xuôi, bày tỏ nguyện vọng của nhóm siêu thực là cải thiện thế giới. Nhịp tiết của cuộc sống mới là nhịp tiết của trái tim nghệ sĩ và cũng chính là nhịp tiết muôn đời. Trong cuộc sống đó, sự sống cuồng nhiệt của con người được phát biểu một cách thành thật, tự nhiên. Trong cuộc sống đó, con người sống hợp với nhân cách con người, mắt để nhìn tất cả cái thực tại hữu ích, miệng để nói tất cả cái gì thiết yếu và phong phú và bền bỉ, và tai nghe điều mà lẽ phải nói với nó.

Hãy để ý tới cách hành văn của bài «thơ»: ý tưởng được buông thả ra một cách dễ dàng, vì vậy những xiềng xích của cách hành văn cũ bị chặt đứt rất nhiều; văn phạm không được chú trọng tới, ngôn ngữ rất cởi mở và tự do.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

Sự cuồng nhiệt không còn những quảng cáo rực ánh sáng nữa. Sự ngu ngốc không còn ngôn ngữ để phát biểu. Không còn những thằng bé Do Thái để cho vào những lò thiêu xác; không còn những con diêm khiến ta xói thương, không còn những người lính để tự hiến thân, không còn những đứa trẻ để tiện chỉ biết ăn cho béo. Không một kẻ nào cần tránh, không một kẻ nào cần nói dối, không còn chút gì mà ăn cắp, không còn chút gì mà từ bỏ. Không còn những tay trí thức, những nhà thủ công để tự lên mặt hay tự khinh bỉ, tùy theo túi họ bị thủng, hay đầy tràn. Quá khứ là một quả trứng vỡ, tương lai là một quả trứng đang ấp. Hiện tại, chính là trái tim tôi. Nhịp tiết của tim tôi là nhịp tiết muôn đời.

paul eluard

(Les sentiers et les routes de la poésie)

KẾT HỢP TỰ DO (1)

Vợ tôi với mái tóc bằng lửa củi
Với những ý tưởng chớp nhoáng của nhiệt khí
Với thân hình bằng bình đựng cát
Vợ tôi với thân hình con rái cá trong hàm răng cọp
Vợ tôi với cái miệng mào chương và bó sao vĩ đại nhất
Với hàm răng vết chân chuột nhắt trắng trên mặt đất trắng
Với chiếc lưỡi hồ phách và thủy tinh mài nhẵn
Vợ tôi với chiếc lưỡi bánh thánh bị dao găm đâm
Với chiếc lưỡi con búp bê mở và nhắm mắt
Với chiếc lưỡi bằng đá khó tin
Vợ tôi với những lông mi bằng nét viết gạch (a) của trẻ con
Với những lông mày bờ tổ con chim nhọn
Vợ tôi với những thái dương đá đen của những mái nhà che cây (b)
Và bằng cái phao học gương
Vợ tôi với đôi vai rượu xâm-ban
Và máy nước có đầu cá heo dưới băng
Vợ tôi với những cổ tay que diêm
Vợ tôi với những ngón tay của tình cờ và quân bài as de coeur
Với những ngón tay cổ khô bị cắt
Vợ tôi với hai nách bằng cẩm thạch và những trái fêne
Bằng đêm ngày lễ thánh Jean

(1) Đây là một sự kết hợp tự do giữa các hình ảnh thật lẫn kỳ. Các hình ảnh táo bạo, các ý tưởng mới lạ được gắn ghép với nhau trong những sự so sánh kỳ dị. Giọng thơ của Breton quả là một giọng thơ chưa hề có trong các thế kỷ trước.

a) Nguyên văn: *bâtons d'écriture*; b) nguyên văn: *serre*.

Bằng cây treене và bằng tổ cá vàng scalare
 Với cánh tay bằng bọt biển và bọt cửa cống trên sông
 Và bằng sự pha trộn của lúa mì và cối xay
 Vợ tôi với những ống chân hỏa tiễn
 Có những chuyển động của hiệu đồng hồ và của sự thất vọng
 Vợ tôi với những bắp chân bằng tủy cây hương mộc
 Vợ tôi với những bàn chân chữ đầu
 Với những chân bằng những chùm thia khóa với những bàn chân
 Của những thợ trét thuyền đang uống.
 Vợ tôi với chiếc cổ bằng lúa mạch không bóc vỏ
 Vợ tôi với bộ ngực thung lũng vàng
 Của nơi hò hẹn ngay cả trong đáy giếng nước mặn
 Với cặp vú đêm tối
 Vợ tôi với cặp vú hang chuột biển
 Vợ tôi với cặp vú lò đúc bằng hồng ngọc
 Với cặp vú ma quái bằng hoa hồng dưới sương
 Vợ tôi với cái bụng xoè quạt của những ngày
 Với cái bụng bằng vuốt sắc khổng lồ
 Vợ tôi với lưng chim bay trốn thẳng lên
 Với lưng bằng bạc sáng loè
 Với lưng bằng ánh sáng
 Với gáy bằng đá lẫn và bằng phấn ướt
 Và bằng sự rơi của cái ly người ta sắp uống
 Vợ tôi với những háng bằng con thoi
 Với những háng bằng đèn chùm và bằng giải đuôi mỗi tên
 Và bằng những ống lông con công trắng
 Bằng cái cân không nhảy
 Vợ tôi với cặp mông bằng sa thạch và thạch ma
 Vợ tôi với cặp mông như lưng con thiên nga
 Vợ tôi với cặp mông mùa xuân
 Với cái «giống» bằng hoa lay ơn
 Vợ tôi với cái «giống» bằng mỏ vàng và như con cáo mỏ vịt (a)
 Vợ tôi với cái «giống» bằng rong biển và bằng kẹo loại xưa
 Vợ tôi với cái «giống» bằng gương soi
 Vợ tôi với đôi mắt đầm lầy
 Với đôi mắt bằng giá binh khí màu tím và kim nam châm
 Vợ tôi với đôi mắt cánh đồng hoa
 Vợ tôi với đôi mắt bằng nước để uống trong tù
 Vợ tôi với đôi mắt bằng gỗ luôn luôn dưới lưỡi rìu
 Với đôi mắt mực nước, mực không khí đất và lửa

andré breton
 (1931)

(a) nguyên văn: ornithorynque.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

MỘT ĐOẠN TRONG BÀI C'EST UNE ABSURDITÉ QUE DE METTRE DES RIMES (1)

Tôi kính chào Người hỡi nước Pháp đã được giăng khỏi tay ma quỷ
Hỡi con tàu thoát khỏi chim đấm nước để tiến tới Hòa-bình
Xứ ca hát ôi Orléan Beaugency Vendôme
Nhưng chuông ơi những chuông ơi hãy báo giờ cầu nguyện của bầy chim
Tôi kính chào Người hỡi nước Pháp có cặp mắt chim gáy
Nỗi phiền lo của tôi không bao giờ quá nhiều tình yêu của tôi không bao
giờ quá nhiều

Nước Pháp của tôi mới tranh chấp cũ và mới của tôi
Mặt đất nảy ra những anh hùng trời đầy những chim tước
Tôi kính chào Người hỡi nước Pháp nơi những trận gió dịu lại
Nước Pháp vĩnh cửu của tôi mà dư đồ
Mở ra như lòng bàn tay trước những cơn gió từ biển cả
Đề cho chim ngoài khơi tới đây mà tin cậy
Tôi kính chào Người hỡi nước Pháp nơi con chim di chuyển
Từ Lille đến Roncevaux từ Brest đến Mont-Cenis
Lần đầu tiên đã tập sự
Về cái giá trị nó có thể đạt được trong việc rời tổ
Hỡi tổ quốc của con bồ câu cũng như của con phượng hoàng
Nơi lưu trú của cả sự táo bạo lẫn tiếng hát
Tôi kính chào Người hỡi nước Pháp nơi mà lúa mì và lúa mạch
Chín dưới ánh mặt trời đôi thay

louis aragon (le musée grévin)

NHỮNG BÀI THƠ TỪ NGỰC THẤT

Ta đã mơ tưởng đến em quá nhiều
Ta đã bước đi quá nhiều, đã nói quá nhiều
Đã yêu bóng em quá nhiều
Đến nỗi em không còn sót lại gì cho ta nữa
Đến nỗi ta chỉ còn là cái bóng trong những cái bóng
Là cái bóng một trăm lần hơn cái bóng
Là cái bóng sẽ trở lại và sẽ lại trở lại trong cuộc đời em rực rỡ
ánh mặt trời

robert desnos
(1936)

(1) Nhờ có tinh thần ái quốc nồng nàn phat biểu trong thơ nên Aragon đã được mệnh danh là « thi sĩ của nước Pháp » Đoạn thơ này bày tỏ một phần cái tinh thần ái quốc của ông.

LÊ HUY OANH
HÃY PHÁ CỬA MÀ VÀO

Hãy gõ cửa
Người ta không mở
Hãy gõ cửa
Người ta không trả lời
Hãy phá cửa
Và đừng nhờ ai làm hộ việc ấy
Cửa bị phá toang
Ngôi nhà vào tay bạn
Bạn ngự trị trong đó
Ai tình đời sống sức khỏe
Lại được bằng giá này

robert desnos
(Inédit)

katsimbalis

HENRY MILLER

Henry Miller sinh ở New-York năm 1891, cha ông gốc người Đức, làm thợ máy trong một xóm nghèo nàn. Ông đủ làm đủ nghề, kể cả nghề phu đào huyết. Đã sống nhiều năm ở Paris và du-lịch một thời gian dài quanh miền Balkan. Tiểu thuyết của ông có: *Tropic of Cancer*, *Tropic of Capricorn* và *Black Spring*... Chúng tôi giới thiệu đoạn văn sau đây của H. Miller với độc giả vì tư tưởng chứa đựng trong đó nói lên mối lo âu của giới trí thức trên hoàn cầu hiện nay, và một phần nữa vì cách diễn-tả độc biệt của Miller trong việc giới thiệu một nền văn minh, văn minh Hy-Lạp.

H y Lạp đã để lại cho tôi ấn tượng sâu đậm nhất về một thế giới mà trong đó ta có thể định được giá trị con người. Nước Pháp cũng gọi nên tình cảm đó, nhưng ta vẫn thấy có một sự khác biệt, một sự khác biệt sâu sa. Hy-Lạp là quê hương của các thần thánh, cho dù các vị thần không hiện hữu, họ vẫn còn lưu lại những hình ảnh dễ cảm thấy. Do trí sáng tạo của con người, thần thánh cũng mang vóc dáng nhân loại. Nhưng ở Pháp, cũng như ở cả Tây Phương, sợi dây liên lạc giữa thần linh và nhân loại đã đứt đoạn. Chính tự bản tính con người, sự rạn vỡ nội tại này sinh ra bởi lòng hoài nghi, bất lực mà chúng ta đã thấy là dấu hiệu của sự đổ vỡ không thể nào tránh được của nền văn minh hiện đại. Một khi loài người đã hết tin rằng sẽ có ngày họ trở nên thần thánh, thì tất nhiên họ trở thành giới họ.

Người ta đã nói nhiều về một trật tự mới của đời sống sẽ xuất hiện từ Mỹ-châu của chúng ta. Song đừng quên rằng, trật tự mới đó rẽ chỉ bắt đầu sau ít ra là hàng ngàn năm nữa. Lối sống hiện tại của người Mỹ cũng đáng kể tội như của Âu-châu. Không một dân tộc nào trên thế giới có thể khai mạc cho một trật tự mới. Nếu chưa thực hiện được một ý-thức chung cho nhân loại — Chúng ta đã học biết, qua những sai lầm khủng khiếp rằng tất cả các dân tộc trên trái đất đều nghiêm nhiên bị ràng buộc với nhau bởi những giây liên lạc sống còn, song chúng ta vẫn chưa đủ

thông minh để mà rút ra được kết luận nào đáng kể. Chúng ta đã trải qua hai trận đại chiến, và sẽ không thiếu gì những trận thứ ba, thứ tư hay hơn thế nữa. Chỉ có hy vọng hòa bình khi mà trật tự cũ đã đổ vỡ.

Thế giới cần thu hẹp lại, chỉ nên nhỏ bé như thế giới cổ xưa của Hy-Lạp mà thôi. Ta chỉ có được một xã hội nhân loại thực sự khi mà ai nấy đều dự phần vào công cuộc chung.

Tôi nghĩ rằng chắc ta còn phải đợi lâu lắm, song lúc đó cũng chưa chắc có ai đã hài lòng về con người được. Còn chưa được làm người theo đúng nghĩa của nó, còn chưa biết cư xử cho xứng đáng với cương vị một phần tử của trái đất này, con người còn tiếp tục tạo nên những thần thánh để trở lại tiêu hủy nó.

Tám bi kịch Hy-Lạp không nằm trong sự tàn phá của một nền văn minh huy hoàng mà trong sự sa sây của một ảo tượng vĩ đại. Chúng ta thường tưởng lầm rằng Hy-Lạp đã nhân loại hóa thần thánh của họ. Sự thực thì chính những thần thánh đã nhân loại hóa dân Hy-Lạp. Đã có thời kỳ mà định mệnh con người làm cho lệch cả cán cân tạo hóa, người ta tưởng như đã nắm vững được ý nghĩa chính yếu của sự sinh tồn — Song nỗi say sưa quyền lực đã thức dậy. Nước Hy-Lạp chìm đắm xuống và thời kỳ phản kích đã qua đi. Họ đổi thành truyện thần tiên một sự thực vượt tầm hiểu biết của con người. Còn chúng ta, mê hoặc vì thần thoại, chúng ta đã quên rằng nó phát sinh từ một sự thật và bản chất nó không khác gì các cách sáng tạo khác — nếu không nói rằng nó gần sát với đời sống. Chúng ta cũng vậy, chúng ta vẫn dựng truyện truyền kỳ dù không ý thức được điều ấy. Song từ những thần thoại, các thần thánh đã bị bỏ đi. Chúng ta dựng nên một thế giới, trừu tượng và phi nhân loại, trên tro tàn của một chủ nghĩa duy vật hão huyền. Chúng ta tìm cách thắng chính chúng ta, với những lập luận hư ảo, trong cái hư ảo của vũ trụ. Chúng ta nhất định thắng và sẽ thắng. Song sự vinh quang chỉ còn là cái chết.

Khi tôi thuật lại những sự đã xảy đến với tôi trong những ngày ở Hy Lạp, ai cũng lắng nghe, rất ngạc nhiên và say mê. Họ ao ước được như tôi, cũng đến tận nước Hy-Lạp một ngày nào đó. Sao họ lại chờ đợi như vậy hay chỉ vì không ai nghĩ đến cách sống theo ước muốn trước khi được « giới thiệu » với những sở thích đó.

Người ta ít khi nghĩ đến điều mình muốn. Kẻ nào quả quyết là mình nhất định làm một cái gì kẻ đó tự dối. Muốn, không phải chỉ là cầu ước. Muốn, chính có nghĩa là trở thành cái gì là bản chất của mình. Ai ai cũng sẽ hiểu, khi đọc những dòng này, rằng tất cả chỉ còn là thực hiện ý muốn. Một câu nào đó của Maeterlinck (1) viết về thực tế và hành động, đã thay đổi tất cả các ý niệm của tôi về sự sống — Và tôi phải mất đi 25 năm mới nắm được trọn nghĩa. Những người khác tinh anh hơn, họ hành động nhanh nhẹn hơn trước sự cần thiết liên kết cử chỉ

(1) Maeterlinck : văn sĩ người Bỉ, cách diễn tả nhằm hòa hợp văn tượng trưng với thần thoại.

và ý nghĩa. Và chính ở Hy-Lạp tôi mới đạt được kết quả. Những gì làm tôi kiêu ngạo đều biến đi, và tôi tìm được nhân cách thực của mình. Tôi sẵn sàng chấp nhận số phận, và cho đi tất cả những thứ tôi đã có thể nhận được. Đứng trước ngôi mộ của Agamemnon (2) tôi thực đã tái sinh. Người ta sẽ suy ngẫm hay nói gì về những giòng này, điều đó không quan hệ. Tôi không tìm cách xoay hướng cho người ta nhìn theo cách của tôi. Tôi biết rằng nay nếu tôi muốn gây một ảnh hưởng nào trên thế giới, tôi sẽ dùng hành động làm gương chứ không bằng tuyên ngôn gì cả. Sau chuyến du lịch sang Hy-Lạp, tôi thu thập được không phải một sự đóng góp vào trí thức của loài người, sự hiểu biết của tôi bé nhỏ nhẹ cân quá đi mà là một số những kinh nghiệm của nhân loại.

Bạn Katsimbalis mà tôi nói đến đây sẽ rộng lượng cho tôi, khi tôi nói về anh, mà tôi quá đề cao như một vĩ nhân vậy. Ai đã biết Amaroussion đều hiểu rằng quang cảnh chẳng có gì là hùng tráng, Katsimbalis cũng không vĩ đại gì và trong lịch sử Hy Lạp, ta cũng không thấy có điều chi lớn lao cả. Nhưng trong mỗi con người có một cái gì vượt quá mức tầm thường từ khi nó trở nên một người thực, đầy đủ nhân tính. Tôi chưa hề gặp được ai « người » như Katsimbalis.

Tôi đi dạo bên anh trong những đường phố ở Amaroussion mà những cảm nghĩ về thế giới của tôi thay đổi cả, trái đất thân thuộc, sống động hơn lên, và đầy hứa hẹn.

Katsimbalis luôn luôn nói về quá khứ song không phải như kẻ một chuyện đã chìm vào lãng quên, mà như một cái gì chúng ta còn mang đây, để làm phong phú cho hiện tại, để tô điểm cho tương lai — Anh ta nói về chuyện lớn cũng thận trọng như về chuyện nhỏ. Không bao giờ anh bị dừng lại hoặc bàn rộng lớn về những điều khiến anh phải xúc động. Anh, trong cái nghĩa vô cùng, đã làm chủ được thời gian và riêng một điều đó cũng đủ chứng tỏ một tâm hồn cao cả.

Làm sao tôi quên được kỷ niệm buổi chia ly của chúng tôi ở bến xe giữa thành Athènes ! Anh thuộc vào những con người sống đầy đủ phong phú, hết lòng một cách hoàn toàn đến đời mỗi khi chia tay với họ, không ai lại không có cảm tưởng rằng, chẳng có gì quan trọng nếu phải xa nhau một buổi hay không bao giờ gặp lại. Những người đó tâm hồn phong phú tràn ngập mang đến san sẻ chia sẻ cho các bạn và họ lại ra đi. Họ không đòi hỏi gì bạn đâu, chỉ muốn chia sẻ với bạn niềm vui sống quá dư đó thôi. Không bao giờ họ hỏi xem bạn đứng ở bên nào bên giới, vì trong thế giới của họ không có biên giới. Họ tập cho không bị thương tổn gì mỗi khi đương đầu cùng nguy hiểm càng tự khám phá được các nhược điểm, họ càng anh hùng hơn nữa. Đáng rằng trong những câu chuyện thiếu kết luận hoặc những lời thuật nhiệm về huyền diệu, mà Katsimbalis đã kể cho chúng tôi, anh phải thêm

(2) Agamemnon : Theo truyền thuyết là vua xứ Mycènes và Argo (thuộc đế quốc Hy-Lạp cũ) thủ lãnh những anh hùng công phá thành Troie.

thật nhiều tưởng tượng vào, song muốn diễn đạt chân lý cho hoàn hảo hơn, đôi khi phải bỏ qua đi một phần sự thật. Người thuật chuyện chỉ thành công khi họ biến đổi các chi tiết, sao cho phản ánh một cách trung thành hơn, hoàn toàn hơn con người của họ.

Trở lại chuyện chia tay — khi tôi vừa quay đi, đồ Katsimbalis ngồi lại trong xe, thì lập tức anh ta đã mở tròn cặp mắt linh động mà nhìn ngắm những thứ đang ra khác Seferiades, người đưa tôi về nhà, nói với một giọng rất cảm động: « Quả là một người có tư cách lớn lao, ông tin tôi chứ, Miller?... Tôi có thể nói rằng anh ấy là một người phi thường.. Một... hiện tượng của nhân loại? » Seferiades nói như chính anh ta vừa chia tay với Katsimbalis chứ không phải tôi.

Tôi nghĩ rằng Seferiades biết nhiều về Katsimbalis như ta có thể biết nhiều nhất về một người khác. Đôi khi Katsimbalis làm hấn mất bình tĩnh hoặc chọc tức hấn vì một câu nói nào đó, hoặc làm hấn nổi giận. Song Seferiades sẽ không bao giờ trở nên kể nghịch với Katsimbalis cả. Tôi không thể tưởng tượng nổi một lời lăng mạ nào hấn có thể thốt nên để hạ giá cái ánh sáng chói ngời của bạn hấn xuống. Khi biết tôi sắp xa Katsimbalis, hấn chỉ hỏi tôi: « Anh ấy kể cho ông nghe chuyện kiếm những đồng tiền của anh ấy chưa? » Hoặc những câu tương tự vậy.

Hấn hỏi tôi như một nhà tài tử say sưa âm nhạc, khi biết bạn vừa mua máy hát, liền nói về một cái đĩa mà anh ta biết rằng bạn sẽ rất ưa.

Thường khi chúng tôi gặp nhau, và Katsimbalis kể một chuyện dài nào đó, thì Seferiades mỉm cười như để chào một người bạn — Nụ cười như để chứng tỏ rằng câu chuyện của Katsimbalis đã nhiều lần được kể lại và giá trị của nó không còn gì phải bàn cãi đến nữa. Hoặc sau câu chuyện Seferiades bảo tôi thêm: « Đáng tiếc rằng chiều nay ông chưa được nghe hết câu chuyện, Katsimbalis thường giữ lại một phần hay nhất những lúc anh ta cao hứng đó. »

Hình như ai cũng cho rằng Katsimbalis kể chuyện tùy hứng, vì không những anh ta có quyền mà còn vì không mong gì hơn nữa. Người ta coi anh như danh cầm chỉ diễn tấu những tác phẩm của chính mình và có toàn quyền biến đổi tiết điệu một cách tự do. — Tài năng của anh ta quả tương xứng với một nhạc sĩ điêu luyện.

Trong thời gian tôi quen biết anh, Katsimbalis tương đối sống một cách bình thường. Song nếu có một việc nhỏ nhất nào mà anh dự vào, là nó có thể biến thành một hiện tượng ngay.

Một đóa hoa anh ta hái trên đường trở về nhà có thể không có giá trị gì. Song khi anh đã kể chuyện về nó, bông hoa đơn giản ấy bỗng nhiên trở nên lạ lùng nhất trong số những đóa hoa người ta hái, ai nghe chuyện anh cũng đều muốn giữ làm kỷ niệm: đóa hoa do Katsimbalis hái. Nó trở nên độc nhất vô nhị, chẳng phải vì nó đến từ một thế giới khác lạ nào mà chỉ vì Katsimbalis đã đề ý đến nó, và biến nó thành bất tử vì Katsimbalis đã dành cho đóa hoa ấy tất cả những cảm xúc tư tưởng sâu xa của anh về loài hoa.

KATSIMBALIS

Tôi chọn một hình ảnh tình cờ, song sự ngẫu nhiên lại thích hợp bao nhiêu?

Khi tôi nghĩ tới cảnh Katsimbalis cúi xuống để hái một đóa hoa trên mảnh đất miền Attique cần cỗi này, cả thế giới Hy Lạp hình như thức dậy — thế giới Hy Lạp của hôm qua, của hôm nay và ngày mai nữa. Tôi thấy lại những dốc đồi thoải thoải nhẹ nhàng của những vùng mộ các danh nhân — ánh sáng tím lăm lăm lánh những bụi gai cứng nhon, những tảng đá rêu phong choán chỗ của lòng sông khô cạn — tôi thấy lại những đảo nhỏ bồng bềnh trên biển, vòng đai là một màu trắng sáng — Những đỉnh núi nhon cao rải bóng từ từ trong vùng ánh sáng của thung lũng, trong khi chim vỗ cánh bay lên cao, cao mãi. Tôi thấy lại những gã chồn chiến lửn thui trên những ngọn đồi trọc, lửa một đàn cừu lông vàng óng như trong thần thoại, những phụ nữ tụ họp quanh bờ giếng giữa xưởng ép dầu olive — mà y phục, ngôn ngữ, cử chỉ, hầu như hết những điều trong thánh kinh đã tả — bóng dáng cao lớn của vị giáo sĩ, tượng trưng sự hóa hợp hoàn hảo của nguyên lý âm dương, khuôn mặt thanh thản, thành thực của ông rặng làng bình an và trang trọng — tôi thấy lại cả cách cấu tạo của hình thể tự nhiên mặt đất — đất Hy Lạp mở rộng ra cho tôi như một quyền sách của sự thiên khai.

Tôi chưa từng biết trái đất lại chứa đựng nhiều điều phong phú đến thế. Trước đây tôi chỉ là một anh mù mò mẫm đường đi, lê bước một cách yếu ớt, tôi chỉ lắm kiêu hãnh ngạo mạn, và hải lòng với những điều nhằm lẫn, dối trá, hẹp hòi của đời sống thị thành. Ánh sáng của Hy Lạp đã mở mắt cho tôi, đã xuyên qua mọi bảo tử của người tôi để chiếu sáng trong cả thân thể tôi.

Tôi tìm lại được thế giới, biết được trung tâm thực sự và cái hướng tiến đúng của luân hồi — những cuộc xung đột quân sự của các dân tộc sẽ chẳng bao giờ lập được thế quân bình. Hy Lạp chính nó đã bị cuốn đi, cũng như chúng ta đang ở trong dòng nước chảy mạnh này. Nhưng tôi đã quyết định, trong lúc đứng trước mộ Agamemnon, rằng dù sao ít nhất tôi cũng phải trở nên một công dân của thế giới. Từ ngày đó, tôi chỉ còn dành đời sống để tìm cách phục hồi cái tính chất thiêng liêng của con người. Tôi nói : hòa bình cho mọi người và một cuộc sống sung mãn.

henry miller

IV 1911

hạ quyền dịch

vài ý nghĩ về việc mở rộng nền giáo dục Việt Nam

DOÃN QUỐC SỸ

NỀN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CHUYỂN SANG VIỆT NGỮ

Trước đây người ta đã nói nhiều về một tình trạng phi lý của ngành giáo dục nước nhà: dưới trung học bằng tiếng Việt lên Đại học bằng tiếng Pháp. Người ta đã dùng đủ danh từ, thành ngữ để mỉa mai tình trạng đó: đánh trống bỏ dùi, đem con bỏ chợ. Có những người sắc sảo hơn độc miệng hơn cho rằng tình trạng phi lý đó là để duy trì quyền lợi cho những con ông cháu cha vẫn theo chương trình Pháp.

Tin sang niên học mới 1961-1962 tất cả các ngành đại học đều dạy bằng Việt ngữ làm mọi người thở phào nhẹ nhõm, bầu không khí nặng nề nghi kỵ được giải tỏa, một tia nắng vàng lọt xuống, một mảnh trời xanh lộ ra... Dầu sao trước ngưỡng cửa một giai đoạn trọng đại, chúng ta cũng nên đặt vấn đề cho thật thấu đáo ngõ hầu thanh toán một số thắc mắc hằng có.

HÃY TỰ GIẢI TỎA MỌI TỰ TI MẶC CẢM

Chưa nói đến đại học, hãy nói đến trung học, câu nói cửa miệng chúng ta hằng nghe thấy là: «học sinh tú tài ngày nay kém quá.» Tôi đã suy nghĩ nhiều về câu nói trên và thực tình tôi chẳng thấy các học sinh của mình kém ở chỗ nào, hoặc giả nếu quả có chỗ kém thì truy nguyên lỗi đó không hề ở học sinh mà ở những bậc có trách nhiệm giáo dục.

Bảo là học sinh tú tài của chúng ta ngày nay kém về trình độ văn hóa chẳng? Hãy so sánh trình độ văn hoá của một học sinh tú tài Pháp với một học sinh tú tài Việt hỏi rằng đời bên bên hơn kém nhau ở chỗ nào? Hoặc giả kém về sinh ngữ? Thì họ học bằng tiếng mẹ đẻ sao lại

VÀI Ý NGHĨ VỀ VIỆC MỞ RỘNG NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

đòi hỏi ở họ trình độ ngoại ngữ như thời Pháp thuộc ? Hay là các học sinh của chúng ta kém vì thiếu sách tham khảo ? Chúng ta hẳn đã chứng kiến mấy năm gần đây số sách giáo khoa đủ các loại in ra khá nhiều và chẳng hề kém sách ngoại quốc về nội dung cũng như về hình thức. Tuy nhiên bên cạnh sách giáo khoa còn biết bao loại sách khác về khoa học, văn học, nghệ thuật cần cho sự trau dồi kiến thức của một học sinh đã đến ngưỡng cửa của đại học thì quả thực chúng ta còn thiếu, thiếu nhiều lắm. Lỗi đó chính ở những người bừa trách về giáo dục đã không biết kịp thời tìm phương pháp bổ sung, đầu phải lỗi ở học sinh ? Nguyên nhân chính của mặc cảm tự ty về văn bằng phải chăng vì thấy các học sinh trung học của ta lên đến đại học là vấp phải hàng rào ngoại ngữ ? Ngày nay vấn đề đã giải quyết : mọi ngành đại học đều dùng tiếng Việt, rồi đây các giáo sư, bác sĩ, kỹ sư... tốt nghiệp ở đại học vào đời giúp đời tri hành hợp nhất, sẽ là cách trả lời đích đáng cho những thành kiến trên.

HÃY KIẾN TOÀN NỀN TIỂU HỌC

Những ai trong ngành giáo dục đã có dịp đi tu nghiệp tại Âu Mỹ hay Nhật bản đều nhận chân chủ trương rất sáng suốt của những nước tân tiến đó: căn bản của nền giáo dục chính ở cấp tiểu học. Theo học ở sự phạm những người giàu khả năng nhất sẽ phụ trách cấp tiểu học. Các vị đã đi tu nghiệp ở Mỹ hẳn biết sự kiêu hãnh của một vị trưởng ty hoặc hiệu trưởng một trường tiểu học hoặc một vị giáo viên trình bày lớp học gương mẫu của mình.

« Hoàng Kim thời đại » cấp tiểu học của chúng ta phải chăng là thời trước đây với những sách Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu, lớp dự bị, lớp sơ đẳng... của những bậc có nhiệt tâm văn hóa, nặng lòng dân tộc có thừa năng lực làm giảng sư Đại Học Văn Khoa : những Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Nguyễn văn Ngọc... Ngày nay nhiều người đã hai thứ tóc trên đầu trải bao truân chuyên thế sự mà còn thấy lòng bồi hồi khi nhắc lại một vài câu văn giản dị, trong sáng, trong trắng, gợi hình, gợi cảm đã học thuộc từ thuở xa xưa đó : « Ai bảo chăn trâu là khổ ? Không chăn trâu sướng lắm chứ... » hay « Ôi cảnh biệt ly sao mà buồn vậy... » hay « Xuân đi học coi người hơn hử, gập cựa Thu đi ở giữa đường... » Hình như những câu văn đó đã nhập vào xương vào tủy rồi biến thành dòng máu luân lưu trong cơ thể mình.

HÃY TĂNG CƯỜNG CÁN BỘ GIÁO DỤC Ở CẤP TRUNG HỌC.

Mặc dầu số sinh viên tốt nghiệp đại học sự phạm hằng năm khá đông, nhưng vẫn còn thiếu rất nhiều so với con số tăng của học sinh. Có thể nói học sinh tăng theo cấp số nhân, giáo sư được đào tạo tăng theo cấp số cộng. Hàng năm vào mùa thi tình trạng đó được biểu lộ khá rõ rệt ở cảnh thiếu giám khảo hoặc xếp giám khảo gượng ép. (Phải

chúng sự sắp xếp giương ép này cũng là một nguyên nhân mặc cảm tự ty đối với mình bằng mà chúng ta sẽ cấp phát cho các học sinh trúng tuyển sau này ?)

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ VIỆC MỞ RỘNG NỀN ĐẠI HỌC.

Việc các ngành đại học hoàn toàn chuyển sang Việt ngữ như trên đã nói quả là một bước quan trọng trong việc xây dựng nền văn hoá dân tộc. Để cuộc cải tạo đó có thực lực giữ vững được ưu thế ngay từ buổi đầu chúng tôi rất tán thành khẩu hiệu của các nhà hữu trách về giáo dục trong giai đoạn mới này đã nêu lên : « học bằng tiếng Việt nhưng các sinh viên phải đọc thông viết thạo một ngoại ngữ. »

Đã có một nền đại học Việt Nam thuần túy vấn đề ngoại ngữ đặt ra sẽ quang minh chính đại chứ không còn bị rơi vào hoàn cảnh « há miệng mắc quai » như trước nữa. Dưới đây là một khía cạnh về vấn đề ngoại ngữ theo sự suy ngẫm của riêng chúng tôi. Chúng tôi xin trân trọng trình bày lại để góp những ý kiến đầu tiên.

Với nước ta hiện thời hai ngoại ngữ quan trọng cần được phổ thông là Pháp ngữ và Anh ngữ. Một học sinh trung học bước vào đại học su phạm chọn ban Anh ngữ, sau ba năm học hỏi sinh viên tốt nghiệp đó ra đời với đầy đủ khả năng và có thể qua « cửa ngõ » Anh ngữ mà tìm hiểu sâu xa về văn hóa Tây phương. Cũng thời gian đó về Pháp văn kết quả không được như vậy. Vì ngữ pháp, văn phạm Pháp văn khó hơn chẳng? Đúng một phần còn một phần lớn nữa phải kể đến phương pháp và phương tiện. Ngày nay phương pháp và phương tiện học Anh văn của ta đầy đủ hơn nhiều. Những người có căn bản về Pháp văn vẫn là những người của thế hệ cũ hoặc theo học trường Pháp từ cấp tiểu học.

Căn cứ vào kinh nghiệm đó chúng ta cần nghiên cứu đề cải tổ lại phương pháp và phương tiện dạy Pháp văn ngay từ cấp trung học, rồi lên đại học phải thường xuyên có những lớp riêng dạy về ngoại ngữ, đồng thời tổ chức những câu lạc bộ đặc biệt để các sinh viên tới đó. họp mặt mà thực hành và trau dồi thứ ngoại ngữ đã chọn. Nghĩa là phải làm sao để vào đầu niên học các sinh viên của chúng ta theo ngay được bài giảng của một giáo sư ngoại quốc. Chỗ này chúng tôi xin mở một dấu ngoặc để nói thêm rằng tại Nhật mỗi khi một giáo sư ngoại quốc được mời tới, giáo sư đó trong một thời gian hạn định cũng phải tổ sự lịch sự của mình bằng cách theo học những lớp riêng để tương đối nói và hiểu được Nhật ngữ. Chúng tôi thấy một số khá đông các giáo sư ngoại quốc tại Việt nam cũng có thực hành điều đó. Sự thực theo học cho biết tiếng Việt, một thứ tiếng mà nhà ngôn ngữ FREY đã cho là « mẹ đẻ của các thứ tiếng » và ông Gustave Meillon đã ca ngợi là thứ tiếng giàu âm điệu nhất, văn chương nhất trong các thứ tiếng thì đâu có phải là một sự mất thì giờ vô ích ?

Có được nền đại học Việt nam thuần túy rồi, nhất là đã giúp đầy đủ cho các học sinh và sinh viên của chúng ta nắm vững được một ngoại

VÀI Ý NGHĨ VỀ VIỆC MỞ RỘNG NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ngữ như ý muốn, chúng ta có thể đang tay tiếp đón ngành đại học của các nước bạn đến xin mở chi nhánh tại đây. Và việc gia đình nào có sẵn phương tiện cho con em theo học Anh ngữ hoặc Pháp ngữ ngay từ nhỏ cũng chỉ là cách sửa soạn tương lai cho con em và cũng là tương lai cho xứ sở—chứ chẳng phải vì rẽ rúng nền học vấn nước nhà.

Song song với việc kiện toàn ngoại ngữ cho học sinh và sinh viên chúng ta cần xúc tiến tức khắc việc phiên dịch những tài liệu tối thiểu và cần thiết cho sự học hỏi của sinh viên ở mọi ngành. Việc phiên dịch này các sinh viên phải trực tiếp đóng góp. Bàn về xây dựng Đại học văn khoa chúng tôi đã có dịp bày tỏ đầy đủ cách phân chia ra công việc cấp tốc, công việc lâu dài cùng phương pháp thực hiện chương trình trên, phương pháp sưu tầm, in và phổ biến tài liệu. (1)

PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG NỀN ĐẠI HỌC.

Nền trung học của chúng ta đương đã phát triển, nhiều nơi chỉ là một quận mà cũng mở đến trung học cao cấp (Châu đốc, Sa-đéc...) Đại học hiện có ở Sài gòn, Huế, Đà-lạt. Rồi đây có thể tính chuyện mở thêm ở Nha-trang, Cần thơ... cho thích ứng với nhu cầu học hỏi của dân tộc.

Một điều này chúng tôi cần nêu lên để các nhà hữu trách về giáo dục chú ý:

Cần mở rộng nền đại-học. Số bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ của chúng ta sản xuất hàng năm ít quá. Một điều xấu hổ nhất cho mình — lời một anh bạn chúng tôi nói khi vừa ở Phi luật Tân về — là nói chuyện với người Phi họ luôn nhắc đến phái đoàn bác sĩ trong chiến-dịch. Bác-ái của họ trong khi số bác-sĩ của chúng ta cung phụng cho nhu cầu trong nước còn chưa đủ lấy đâu ra mà đóng góp vào chiến dịch Bác-ái. Nền đại học đã được Việt hóa, chúng ta hãy kiểm soát kỹ việc học hỏi của sinh viên trong niên học và cuối niên học dừng... hà tiện bằng. Vẫn chuyện bên Phi luật Tân, cuối niên học vào ngày lễ cấp phát bằng các bác-sĩ kỹ sư, luật sư... tốt nghiệp đứng chật sân.

Nhìn về phía ta vẫn bằng tiến sĩ luật khoa mấy năm nay mới phát cho có... mấy người. Nhiều người đã học xong hai chứng chỉ cao học mà vẫn chưa được lĩnh luận đề. Bên Văn khoa mới có chứng chỉ cao học vẫn chương Pháp hai năm nay và chưa hề cấp phát một văn bằng tiến sĩ nào. Một dư luận không hay cho rằng thái độ hà tiện bằng đó là thái độ kìm hãm thế hệ trẻ trên đường danh vọng. Riêng ý chúng tôi mấy năm gần đây các ngành đại học của chúng ta quả có sa vào tình trạng ngưng đọng thê thảm. Riêng về Văn khoa sập chúng ta không nghĩ đến việc tấn phong cho các vị giáo sư đã có công nghiên cứu giảng dạy và có tác phẩm? Đồng thời — vẫn ở Văn khoa — chúng ta hãy chấn chỉnh

(1) Xin đọc Sáng Tạo Số 4 (tháng giêng 1956) Số 11 (tháng 8-1957) Số 13 (tháng 10 1957); TRỄ số 5.

DOÃN QUỐC SỸ

gấp hàng ngũ giáo sư vì theo dư luận các bạn sinh viên có một số giáo sư đã quá lỗi thời hữu danh vô thực. Mở rộng đại học là mở rộng trí thức phát huy tiềm năng của dân tộc. Chúng tôi vẫn nghĩ trước đây Ấn-Độ đã có những Rāmākṛishṇa, Vivekānanda, Gandhi, Tagore chính phục được cả thế giới nhưng dân tộc Ấn-Độ ngày đó vẫn bị người Anh thống trị và coi rẻ chỉ vì số anh tài như vậy ít quá so với tổng số dân Ấn. Cho nên một thiếu số anh tài tuy có đem lại vinh hạnh cho tổ quốc nhưng chưa phải điều kiện đầy đủ cho sự tiến hóa của cả dân tộc. Một anh tài sáng chói nhưng đơn độc thì cũng không hơn gì một bánh xe ngựa kèn bầy đó làm cảnh. Bánh xe đó cần được kết hợp với nhiều bánh xe khác nhiều bộ phận khác cho thành guồng máy mà sự vận hành đem lại lợi ích chân thực cho quốc gia dân tộc.

Đó là ý kiến mà chúng tôi muốn nhấn mạnh trong phần cuối bài này với lời kêu gọi khẩn thiết : hãy phát triển và mở rộng nền đại học !

doãn quốc sỹ

sau lưng thành phố

KIÊM MINH

Cái ngõ ấy không bao giờ được thanh tịnh trong vài phút đồng hồ. Nó luôn luôn náo động. Ban ngày thì con nít la hét, đàn bà chửi nhau, ban đêm thì đàn ông từ đâu tới đi tìm « gái » và « gái » thì chạy rầm rầm trên mái nhà mỗi lần có lính đến.

Tại đây có đủ hạng người. Công chức, tư chức, thầy tướng số, thợ, gái điếm, phu xích lô, tài xế tắc xi và những kẻ thất nghiệp.

Nhà trong ngõ này mượn rẻ tiền và chỉ phải trả từng tháng thôi, nên một số người nhẹ túi tiền thường tìm đến với ý định ở tạm trong một thời gian hễ khi nào khá thì họ đi.

Ngày Thái xách va ly tới trọ trên gác của người thợ ủi đó, Thái không thể nào ngủ được trong mấy ngày đầu, nhưng lâu dần rồi cũng quen, Thái vẫn ngủ được giữa sự náo nhiệt của cái ngõ u tối này. Lúc đó Thái hoàn toàn thất nghiệp. Anh sống bằng cách bán lần hồi những vật dụng cần thiết mà anh đã sắm trong thời gian « hữu nghiệp ». Người thợ ủi là người mà Thái nhờ vả về công việc đi bán những thứ đó.

Anh ta thường cười với Thái mỗi lần Thái trao cho anh một vật dụng.

— Anh Ba ơi ! Gắng bán cho được khá tiền nghe ! Anh Ba không trả lời, lẳng lặng đi ra cửa. Chị Ba nhìn Thái một hồi rồi đi xuống bếp. Thái nghe rõ tiếng thở của chị. Những đứa con chị, lúc này đứng trước cửa, nhic gánh bún riêu với đôi mắt thêm khát.

Thật ra, nói anh Ba làm nghề thợ ủi là nói cho có lệ, chứ đúng lý thì anh cũng là thất nghiệp. Trước kia, anh có việc làm nhưng giờ thì không có nữa. Anh liền xoay qua đi nhận áo quần ở những nhà quanh quất trong ngõ để giặt ủi. Anh lấy giá rất rẻ vì anh ủi vụng về.

Những người thất nghiệp trong lúc đi tìm việc làm, muốn cho có áo quần sáng sủa một chút để cho đứng có vẻ thâm hại, cần anh Ba. Bởi vì đưa ủi tại tiệm thì giá đắt gấp đôi. Nhờ thế anh Ba cũng lấy lát sống qua ngày.

KIỆM MINH

Trước mặt nhà anh Ba là một đôi vợ chồng có năm đứa con, ngày nào cũng náo động lên.

Sự gây nhau của họ có lý do sau đây : người vợ nghĩ người chồng có mèo.

Mỗi lần gây, người vợ cứ bồn cữ soạn lại. Đại để người vợ chửi đồng cái con đàn bà đã quyến rũ chồng chị. Còn người chồng thì bảo người vợ là « cái thứ đàn bà hỗn láo đó mà đòi chồng thương sao được ! »

Đôi khi tức quá, người chồng nói trắng ra với người vợ là anh ta « có mèo đấy, muốn làm gì thì làm, muốn đi tới đâu thì đi ! »

Thường thường trận gây của họ kéo dài gần đến nửa giờ đồng hồ — Lúc này các đứa con của họ khóc thét lên như muốn làm nhạc đệm cho cái tuồng ci-nê-ma mà ba mẹ chúng đều là tài tử vừa là đạo diễn.

Mỗi khi họ gây nhau, người lối xóm đến xem, vui vẻ.

Qua sự gây lộn của họ, Thái được biết rằng người chồng là một tiểu công chức không bao giờ đưa đủ số lương cho vợ, làm cho chị ta phải mua gạo từng lít, mua nước mắm từng đồng. Vì vậy mà con cái cực khổ thiếu thốn.

Người chồng khi nghe những điều đó thì không trả lời nữa, hăm hăm xách chiếc xe đạp ra đi giữa sự tức giận của người vợ.

Bấy giờ người vợ lại tái bản thêm một lần nữa những nỗi niềm của chị, lần này thì chính thức gởi vào tai bà con lối xóm.

Bà con lối xóm được nghe đã nhiều lần rồi nên cũng thấy chán và không muốn tỏ thái độ của mình về vụ này.

Đời sống trong ngõ hẹp này đều đều trải qua như vậy : ai kiếm ra tiền thì sống, ai hết tiền thì cứ việc nằm l. Tuy nhiên có một người nghèo cực mà vẫn cứ thích bàn luận chuyện này chuyện nọ, thích khùng khỉnh tới lui trong ngõ để cười và đề nói.

Đó là chị Loan, theo như chị tự xưng. Chị vào khoảng ba mươi ba, ba mươi bốn tuổi và nhan sắc thì hoàn toàn tàn tạ rồi, nhưng bao giờ chị cũng bảo rằng chị mới hai mươi hai tuổi thôi. Điều này thật vô lý, vô lý là vì chị mới hai mươi hai tuổi theo như chị nói ấy mà đứa con gái của chị thì đã mười tuổi. Người ta không rõ chị thích tuyên truyền rằng chị còn trẻ để làm gì.

Thái thường thấy tội nghiệp cho những người muốn xuống số tuổi của mình. Với chị Loan, Thái càng thấy tội nghiệp cho chị hơn sau khi Thái được biết là chị yêu Thái.

Ngay từ ngày đầu tiên anh đến ở đây, chị Loan đã nhìn anh mà cười, anh cười trả lại theo cách xã giao và thế là vài ngày sau chị Loan lên thăm anh trên cái gác của anh. Liên khi đó chị Loan đã đi sâu vào đời sống của anh. Chị hỏi anh chuyện này chuyện khác rồi tỏ tình một cách rất rõ rệt với anh.

Nói về chị Loan thì được biết trước đây mười năm chị lấy chồng « tây lnh » rồi sau thì bỏ nhau. Sự kết hợp của họ ngắn ngủi như một cơn mưa giông, không lâu dài cho lắm. Không lâu dài nhưng vẫn có kết quả, kết quả là một đứa con gái. Một con gái để cho chị phải nuôi, ban

đầu vì bản năng của người mẹ, rồi đến vì tình thương và bây giờ thì là vì... phải nuôi nó !

Với nó, chị thương hay chửi nhưng thỉnh thoảng cũng có cho ăn phở hay hủ tiếu. Khi chị chửi nó thì nó rửa lại chị và khi chị cho nó ăn thì nó cười thân mật.

Chị Loan không làm được việc gì cả bởi chị quê chân. Chị sống nhờ người anh của chị làm nghề may. Người anh đó biết thương em tật nguyện vì tai nạn, nhưng mẹ chị dẫu của chị Loan thì lại làm cho chị tủi. Mẹ ta thường nói cạnh nói khoe; đập chớ mắng mẻo khi nào thấy thích và khi nào có mặt chị. Bởi thế chị thường bỏ đi chơi, chạy lui chạy tới trong ngõ cụt, hết ngồi ở nhà này lại ngồi ở nhà kia, bàn luận về nhân vật này, nhân vật nọ. Mặt chị sáng lên mỗi lần chị ngồi trên căn gác của Thái kể về cuộc đời của chị.

Chị nói rằng ngày chị còn trẻ, thanh niên chạy theo chị từng đống, gạt ra không hết. Chị nói tên họ và tả mặt mũi của từng người, chị lại còn cho biết thêm rằng có nhiều người đánh lộn nhau vì chị.

Chị kể rằng ngày xưa chị sung sướng chứ không như bây giờ. Bây giờ là đời tàn rồi, chị bảo thế để rồi nói với Thái :

— Anh Thái ! Hay là để tôi đến ở đây cho vui ! Anh ở một mình cũng buồn, chịu gì nổi.

Nghe vậy, Thái bình tĩnh trả lời :

— Tôi thích sống một mình thôi chị ạ !

Chị Loan nói, tỏ vẻ ghen tức vô lý với một bóng hình mà chị tưởng tượng :

— Hay là để tôi làm mai cho ! Ai đây ?

Thái im lặng nhìn chị Loan trong lúc dưới đường hẹp có tiếng người nào đang nguyện rửa một đứa con nít là bậy.

Lúc này đứa con gái con chị Loan đến gọi chị về ăn cơm. Thấy chị, nó cười với chị, tìm ở chị một tình thương thì bất ngờ chị nạt nộ nó và đánh nó một tát tai vào má.

Nó ngạc nhiên nhìn mẹ nó một khắc rồi cũng rất bất ngờ nó nói lớn :

— Đồ mặc dịch !

Nói xong con bé chạy xuống thang gác. Thái nghe nó khóc và thấy chị Loan thì nhăn răng cười.

Chị Loan cứ đến mỗi căn gác xếp của Thái một ngày ít nhất là hai lần. Mỗi lần đến là thế nào chị ta cũng tìm cách gọi chuyện chồng chồng vợ vợ với Thái. Và chị cũng thường kể lại thời chị còn con gái.

Chị nói :

— Hồi đó tôi đẹp lắm ! Nước da nước thịt trắng trẻo chứ đâu có xấu xí như bây giờ ! Bây giờ là đời tàn rồi, không nước non gì cả, phải không ông Thái ? Bây giờ thì ai mà thèm tôi.

Thái im lặng nhìn chị Loan đề cho chị nói gì thì nói.

Chị lại nói :

— Đời anh và đời tôi sao mà giống nhau như thế này ?

Nghe chị Loan nói vậy, Thái muốn chảy nước mắt quá !

Bây giờ trời đã hoàng hôn. Có tiếng la hét om sòm. Thái vẫn ngồi yên không cử động trong khi chị Loan xuống thang gác để đi xem thiên hạ đánh nhau.

Sau năm phút xuống quan sát, chị Loan lại khập khiễng trèo lên thang gác của Thái.

Chưa kịp lên gác, chị Loan đã kể :

— Tụi dĩ đánh lộn nhau vì chuyện giành khách hồi hôm. Hai đứa cắn sức nhau quá nên cả hai đều rách mảy rách mặt.

Lần này thì không thể đứng được, Thái nói lớn :

— Tôi không cần nghe chuyện đó ! Nhức đầu lắm !

Chị Loan nghe Thái nói như thế thì cười sung sướng. Chị nghĩ là Thái giận chị. Chị sung sướng vì được Thái giận.

Chị kể tiếp :

— Hai con diêm đánh lộn nhau bị cảnh sát bắt rồi !

— Thôi chị im đi ! Chị ồn lắm ! Để cho tôi yên với !

Thái đã nói câu đó với tất cả nghiêm nghị khác thường làm cho chị Loan khỗ. Chị thất vọng mà liệu rằng không phải Thái giận chị như hai người yêu nhau giận nhau.

Mặc dầu bị đuổi khéo, chị Loan vẫn ngồi nơi ghế. Thái chờ chị đứng dậy để đi về nhưng chị vẫn ngồi lì đó như sự nghèo khổ ngồi lì với cuộc đời thất nghiệp.

Không thể chịu được, Thái nói :

— Thôi chị về đi ! Và chị đừng đến phá tôi nữa ! Tôi đi lên đây ! Lần này chị Loan đứng dậy, khập khiễng tiến đến cửa thang gác và đi xuống. Thái nhìn theo và thấy hối hận. Nhưng rồi anh tự nhủ : « Minh vô lý lắm ! Mặc kiếp cái con mẹ đó ! Ai thương mình mà mình thương ai ? »

Tưởng thế rồi chị Loan không đến nữa, nhưng mà chị vẫn cứ đến. Chị đến và kể những chuyện trong ngõ cụt.

Chị kể :

— Ông thầy tướng coi chỉ tay thất cổ chết rồi ?

Thái hỏi :

— Thất cổ bao giờ ?

Chị Loan trả lời :

— Hồi hôm.

— Chết rồi sao ?

— Chết rồi.

Và chị tiếp :

— Bằng cha cũng tội ! Nói dở quá thì ai người ta xem cho mất tiền. Nghe bằng cha nghèo quá mà con vợ thì ngày nào cũng chửi luôn nên chán đời cũng chết đi cho rồi chớ sống làm chi nữa thêm chật đất ! Nói xong, chị Loan im lặng trong giây lâu. Rồi lại tiếp :

— Tôi đây cũng tự tử cho rồi ! Đời tàn... Rồi chị nhắc đến cái thuở chị « còn con gái, đẹp đẽ, nết na thùy mi, đàn ông theo từng đống gặt ra không hết... »

SAU LUNG THÀNH PHỐ

Rồi lại nói :

— Tôi cũng muốn chết đi cho rồi !

Tự nhiên, Thái thấy tội nghiệp cho chị Loan. Thái hỏi :

— Thế chị không thương con Bê của chị sao ?

Chị lạnh lùng nói bằng giọng hung :

— Cái con trời đánh thánh vật ! Lần có thương tôi đâu mà bắt tôi phải thương hẳn. Cho tiền hẳn ăn vật thì hẳn mới má má con con.

Thái hỏi, một câu rất ác :

— Ví dụ bây giờ con Bê nó chết thì chị có khóc không ?

Chị Loan không trả lời Thái.

Vào một hôm chị Loan đến và thấy Thái nằm yên trên giường.

— Chà ! Vợ chồng thẳng cha trước cửa lại gây nhau !

— Biết rồi ! Thái bực tức nói thế.

Rồi tiếp :

— Tôi đau đầu quá ! Chị về đi để cho tôi nằm nghỉ kéo một.

Đó là một câu đuôi khéo, nhưng chị Loan thì không cần hiểu thế.

Chị lo lắng hỏi :

— Anh có mệt lắm không ?

Thái nói to :

— Tôi mệt !

— Anh uống thuốc chưa ?

— Rồi.

Và bảo :

— Chị hãy về đi !

Nghe vậy chị Loan lưỡng lự xuống thang gác.

Nhưng sau đó nửa giờ thì lại thấy chị hiện ra, cầm nơi tay một cái gói. Chị đến gần giường Thái nằm và nói :

— Tôi mua cam cho anh đó !

Chị Loan để gói cam trên bàn rồi ngồi xuống giường của Thái, đặt tay lên trán Thái và nói :

— Ủ, nóng quá !

Thái muốn hất tay chị ra nhưng không nổi. Chị Loan sung sướng lộ ra trên nét mặt. Vài phút sau, Thái nói với chị Loan nên đi về để anh nằm một mình cho khỏe.

Lần này chị Loan đứng dậy và đi về rất ngoan sau khi đã dặn Thái nhớ ăn cam cho khỏe.

Con Bê, con chị Loan cũng chẳng kém cô độc. Khi mẹ nó đi vắng những ở nhà này nhà kia để nói chuyện bá láp thì nó chạy đi xem người ta đánh bài cào, đi xem thiên hạ say rượu, đi xem mèo đẽ, chó đẽ, nghĩa là cái gì lạ lạ thì nó cứ đi xem.

Nó không được đi học và nó rất thích điều đó.

Nó dùng cả ngày của nó để lang thang ngoài đường cứ đến giờ cơm

mới bèn mắng về nhà để không dám ăn nhiều mặc dầu đói bụng vì sợ cậu nó đập.

Nó rất ghét người vợ của cậu nó và nó biết cần phải đứng nên để lộ tình cảm đó ra. Nó thấy thương cậu nó, nhưng nó lại chẳng biết cần phải tỏ tình thương bằng cách nào.

Còn đối với mẹ nó thì nó thấy thương, nhưng vì mẹ nó thường hay gay gắt với nó nên nó không cần cười vui với mẹ nó cho lắm — Lần lần thành ra hai mẹ con như chỉ còn liên lạc với nhau bằng danh từ xưng hô mà thôi.

Một bữa nọ, con Bè bị một cha ma cò đánh nó vì nó móc túi của ma cò. Nó bị đánh túi bụi đến chảy máu mũi.

Chị Loan không rõ từ đâu chạy ra, chụp lấy áo ma cò mà xé rách toang. Rồi cả hai đánh lộn nhau ồn ào vang dậy cả ngõ hẹp.

(Khi này Thái mới thấy người mẹ hiện lên nơi chị Loan).

Trận đánh này chị Loan thắng mặc dầu thắng cha ma cò khỏe hơn chị nhiều, vì ma cò thì sợ lời thôi nếu có cảnh sát tới.

Sau khi ma cò đầu hàng chị, chị tìm con Bè và con Bè sung sướng thấy mẹ nó đến với nó, nhưng nó không ngờ là mẹ nó tát cho nó một tát nẩy lửa.

Nó vừa chạy vừa khóc vừa chửi chị Loan.

Cả ngõ hẹp đều cười vang lên như được xem một vở bi hài kịch.

Chị Loan không tức giận vì những tiếng cười đó, trái lại chị cũng cười, cười nhả răng trắng hếu.

Giữa khi này thì cha ma cò phản trần.

— Tôi làm ăn đau xương đau não mới kiếm được vài chục mà nó móc túi tôi thì tôi phải đánh chớ! Chị Loan chạy ra đánh tôi là chị không biết chuyện. Tôi thừa sức hạ chị Loan nhưng mà tôi tội nghiệp chị què chân.

Đáng lẽ chị Loan cãi lại ma cò nhưng sợ hấn lại nhắc cái chân què của chị làm cho chị buồn mà ma cò thì biết cái yếu điểm đó của chị Loan.

Y lập lại thêm một lần nữa.

— Tôi thừa sức hạ chị Loan, nhưng vì què chân.

Chị Loan cười xã giao với ma cò để cho y đừng nói thêm nữa. Mỗi lần nhớ tới cái chân què thì chị chán lắm.

Một hôm chị Loan lên trên căn gác của Thái thì thấy Thái đang đưa cho anh Ba cái đồng hồ đeo tay của Thái để anh Ba đem đi bán:

Chị Loan hỏi:

— Bây giờ anh bán đồng hồ sao anh Thái?

Thái bực tức trả lời cộc lốc:

— Bán!

Chị Loan nói.

SAU LUNG THÀNH PHỐ

— Đừng bán ! Để mà dùng !

Anh Ba ngó vào mắt Thái để tìm biết sự định đoạt của Thái.

Thái bèn nói với anh Ba :

— Đồng hồ của tôi hay là của chị Loan ? Đồng hồ tôi, tôi bán mặc tôi.

Chị Loan nói :

— Đừng bán, anh Thái !

Thái tức giận nói :

— Mặc xác tôi.

Chị Loan nói :

— Bán rồi thì lấy gì mà xem giờ xem giấc !

Thái nói :

— Tôi không cần xem gì xem giấc !

Anh Ba cười, cho rằng chị Loan thật là vô duyên và anh đi xuống thang gác, cứ vẫn còn cười.

(Anh chị Ba đều biết là chị Loan mê Thái và Thái không thích. Nhưng họ tự hỏi vì sao Thái lại không đuổi chị Loan đi).

Anh Ba đi xuống được một chốc thì chị Loan từ gác Thái và đi xuống theo.

Thái nằm xuống giường chán nản.

Nửa giờ trôi qua, Thái nghe có tiếng chân bước ở thang gác. Tưởng là đi té ra chị Loan.

Chị Loan lên gác và cười rất tươi, rút trong túi ra năm trăm đưa cho Thái.

— Gì thế ?

Chị Loan cười mà nói :

— Của tôi đó. Anh cầm mà tiêu.

Thái thêm tờ năm trăm đó nhưng chưa đưa tay ra nhận.

Chị Loan cứ cầm tờ năm trăm trong tay và chị nói :

— Anh cầm đi anh Thái. Anh không cầm thì tôi giận đó.

Thái nhìn tờ năm trăm, nhưng Thái không giang tay ra lấy.

Cuối cùng chị Loan nhét vào túi áo của Thái và Thái không phản đối mà chỉ nói :

— Tôi chỉ mượn thôi. Khi nào có thì tôi trả.

Chị Loan cười và nhắc đến cái đồng hồ của Thái đã đem bán.

Lúc này Thái muốn quăng tờ bạc lại cho Loan, nhưng chỉ muốn thôi chứ không thì hành cái muốn đó.

Chị Loan ngồi xuống giường và nói :

— Tôi thương anh ghê. Anh nghèo nhưng mà đừng lo.

Tiền mà chuộc được yêu nơi ông thầy Một Mắt thì rồi sẽ có tiền. Ngủ đó linh lắm. Hết rồi tôi đi chuộc ngài. Hết tôi đền cho nó hai ngàn đồng là tôi đi rước ngài. Đã có nơi để bỏ ngài rồi. Một thằng cha triệu phú ở Chợ Lớn. Bỏ ngài cho thằng cha đó cũng dễ vì tôi quen với người nhà nó. Nó mà phải ngài của tôi thì mặc sức hai đứa mình tiêu tiền.

KIỀM MINH

Thái nghe nhưc ọc về chuyện ngải. Anh muốn bảo chị Loan đừng nói
lãng nhãng nữa. Nhưng anh cứ nằm im.

Hoàng hôn về. Dưới đường hẹp có tiếng chửi của một chị gái điếm,
không biết là chửi ai.

— Thôi, chị về đi, Thái nói.

Chị Loan cười nhìn Thái lát rồi đứng dậy.

— Thôi tôi về.

Trước khi bước chân xuống thang, chị Loan còn quay lại nhìn Thái
bằng cặp mắt âu yếm.

Chị Loan về rồi, Thái nghĩ đến một bữa ăn ngon trong chiều nay.

Và anh tự hỏi:

— Tiền đâu mà đưa cho mình đây. Cực thấy mẹ đi mà làm sao đào



SAU LUNG THÀNH PHỐ

đâu được năm trăm tài thế ?

Giữa khi này có tiếng ồn ào bên nhà chị Loan.

— Tiền bạc để đây mà mất: Ai lấy ?

— Đẽ đâu ? Nhiều ?

— Đẽ đây ? lờ năm trăm.

— Ai lấy ?

— Lạ quá, hà ?

— Xem trong túi lại thử coi.

— Không mà ! Tiền để ngăn kéo mà. Thiếu chín nữa đóng tiền bụi mà.

À ! Con Bê rồi ! Con Bê rồi ! Nhất định con Bê. Tôi sợ nhờ vừa rồi hân có mở ngăn kéo. Cái con trời đánh thánh vật. Bê ! Bê ! Chắc hân đi tiêu tiền rồi ! Bê ! Có tiếng chị Loan, nói giọng bụng :

— Đẽ xem lại cho kỹ đã, đừng nghi cho nó tội !

Tiếng người chị dâu của chị Loan :

— Nó rồi ! Chớ còn ai vào đây nữa ! Rõ ràng tôi thấy nó mà !

Không có tiếng chị Loan đáp lại. Có lẽ chị đang chạy đi tìm con Bê.

Năm phút sau, có tiếng con Bê khóc la om sòm. Người ta đánh nó. Cả ngõ hẹp ồn lên, ồn lên. Thiên hạ khoai chí bu đến xem con Bê bị đập.

Thái ngồi thử người ra và anh nghĩ đến mọi chuyện đã xảy ra từ khi anh đến ở nơi đây.

Giữa lúc này anh Ba bước lên gác và nói :

— Bán được bốn trăm.

Thái nói :

— Trả tiền mượn gác anh một trăm, tiền ửi mười lăm đồng, còn lại bao nhiêu đưa tôi !

Anh Ba nói :

— Cho tôi mượn thêm một trăm.

Thái nói :

— Không ! Tôi đang cần tiền.

Anh Ba im lặng đưa cho Thái hai trăm tám mươi lăm đồng.

Cái đồng hồ thật ra anh Ba bán được năm trăm

Anh Ba đi xuống, sẽ đưa cho vợ hai trăm mười lăm đồng. Anh đi xuống

và thấy thương hại Thái vì Thái đã bán hết vật này đến vật kia, còn Thái thì năm phút sau, anh ngồi dậy mặc áo quần một cách hăng hái vui vẻ.

Khi anh xuống nhà, anh gặp chị Ba đang đứng nói gì nhỏ nhỏ với chồng. Anh cười với cả hai rồi bước ra cửa. Anh đi lững thững trên ngõ hẹp.

Khi qua nhà chị Loan, anh thấy con Bê bị đánh bằng một thanh củi khá to và nó khóc ơ ơ.

Viết gửi Vu đề cùng nhớ những ngày u tối ở Saigon 56

kiếm mình

sỏi đá

DẶNG NHƯỢC PHƯƠNG

Không gì kỳ cục bằng nghề em làm, chỗ em bán và những chiếc guốc tại đó ». Tị ngừng nói, khua mũi giấy xuống sàn gỗ. Liễu vẫn ngồi cúi mặt, năm ngón tay bỏ rơi trên mặt bàn; ở mỗi đốt những chùm lông tơ xúm lại như một vùng mây mù. Tị ngắm nghía không rời những sợi lông đó, chốc chốc hai mắt mở trừng lên như một luồng tư tưởng vừa đại đi bỗng bị kéo giật lại. « Có thật anh điên không không Liễu » — Tị cố nhớ ra câu trả lời nhưng chung quanh lịnh không một thứ gì Tị có thể sờ mó được « đầu óc này toàn những chuyện mê hoặc không thôi chẳng ? ». Tị tự hỏi và bỗng đứng trước mắt chàng những ngón tay trắng bệch ra.

Liều chụp lấy vai Tị lay mạnh :

— Anh cứ làm thế em sợ lắm.

Rồi nàng hét lớn :

— Anh !

Tị đương xiu về đằng trước bỗng giật nảy lên. Hai mắt chàng mở rộng như vừa gọi sạch những đám cái bụi vẩn vũ trong đó. Liễu đề một bàn tay lên vai chàng, hỏi khẽ :

— Anh có nhớ là đã hứa gì không ?

Tị dụi mũi vào tóc Liễu vừa hôn vừa kéo nhẹ làn da má qua tóc nàng :

— Có, nhưng vừa rồi không phải là anh chụp lấy cái gì đằng trước mặt chứ ?

— Không, nhưng ngón tay anh cứ quây quây trên không làm em sợ người.

Tị cười đánh lảng. Tiếng cười khô và bẹp làm Liễu không nhúc nhích.

— Tại anh muốn vẽ những vòng tròn đấy — Tị nhắc nhắc ngón tay út của Liễu — Em sợ những cái vô nghĩa ấy lắm phải không — Tị lại cười để

phá sự huyền hoặc vây quanh mà chính chàng không cảm thấy — Chẳng

có gì đâu, bây giờ là mấy giờ rồi, em tắt đèn sẽ chẳng thấy anh làm gì

nữa đâu. — Tị sửa lại — anh sẽ chẳng làm gì nữa đâu. Tắt đèn đi thôi, em.

Liều nhìn theo mắt Tị qua khung cửa; những mái lá trong xóm đã ngủ yên. Bóng tối bị khoét lỗ chỗ những ánh đèn vàng. Đàng xa, ven theo khúc quanh của con lạch trắng, khách chơi còn lảng vảng làm rõ hẳn những vết nứt rạn cổ hủ trên cái bề mặt cũ kỹ của khu xóm ngoại ô nghèo nàn. Liều men men theo trí nhớ: qua khỏi chỗ ấy, đi vòng theo cái trại cửa bỏ trống sẽ tới chiếc cầu vồng bắc qua con lạch; ở đấy hai năm trước là chiếc cầu sắt đen, bỗng một hôm người nhà nước mang với tới tờ trắng lên. Liều nghe thấy người ta kháo nhau: « tại nơi đấy có nhiều người tự tử quá ». Liều nhận thấy trong xóm quả có nhiều người tử tử thật. Mỗi người tự tử đều bỏ lại trên những người khác một duyên cớ và Liều nghĩ ngờ về chính mình: « một sợi tóc thôi, tôi có còn có nữa đâu ? » bất giác Liều bật cười trong bụng: thì vừa rồi mình với bây giờ cũng vậy. Liều quay lại, hai mắt Tị vẫn ở ngoài cửa sổ, chàng hỏi:

— Bây giờ em có nhớ là anh ngồi ở đằng sau lưng em không ?

Liều hỏi lại, để chàng nhìn mình:

— Vì quên hẳn em, anh mới hỏi thế, phải không ?

Rồi sợ Tị phủ cái nhìn xa xôi lên mình, Liều nói tiếp « tại sao thế anh, anh vẫn không tin cái mà anh đang nhìn với cái mà anh trông thấy ». Và Liều nói tiếp: « đừng nhìn em đã n đêm như thế ». Nhưng Liều vẫn không thoát được cái thế lơ lửng bên Tị. Liều đứng lại, nâng tay như: « Bây giờ Tị đương ngồi đó, hai tay chàng chới thẳng xuống giường tưởng như không có sức gì gỡ ra nổi hai mắt chàng hút sâu vào bóng tối ngoài cửa sổ, cặp xương chân mày vẫn lên như cổ tình cắt rời phần trán, mái tóc và những ý nghĩ trong đó ra khỏi những phần phía dưới có thể động đậy được của cơ thể ». Liều so sánh chàng với những vật cạnh đó: một quả cam, lưỡi dao con và cái vỏ hộp quet đã hộp đập trên mặt bàn. Tất cả đều không thể tự cử động được. Liều rùng mình tự hỏi: Còn tôi ? Rồi bất giác nàng thấy mình bị phân tán mau chóng trong cái sức nin lặng bỏ vậy ấy. Đó là lúc Liều thú nhận sự bất lực của mình trong cuộc tìm kiếm bên Tị mà bỗng chốc cái thế giới đen tối của chàng bắt đầu ngo ngoe những chân cẳng như giống sứa biển—chỉ khi nào chàng tỉnh ra mới có lời chẳng. Liều ngờ vực, tất nhiên chàng chỉ say mê có một, hoặc là tôi, hoặc là những vòng tròn vô nghĩa ấy—Sống bên Tị, Liều cứ thấy sự tũn trật cùng sự ráo hoảnh thay đổi nhau đột ngột làm nàng chóng mặt. Một lần không chịu nổi cái thế chông chênh quá độ ấy, Liều đã đánh bạo xen vào cái thế giới mê sảng của Tị, nhân lúc chàng đương lên cơn, miệng kẻ lẩm nhẩm về một chuyến đi xa, Liều hỏi: « đi với ai thế anh? » Vẫn lơ mơ, Tị trả lời: « với em chứ còn với ai nữa, Liều » Liều sồn gai ốc tưởng như nàng vừa nhìn thấy bóng dáng mình đi chôn vùi trong cái bóng tối găm ghềnh trước mắt Tị, và ở đó nàng bị chi phối như một hành tinh bị mòn mỏi quay đi quay lại quanh một vòng quỹ đạo vô cớ.

Liều rúc vào nách Tị và hôn rất dài ở mạn sườn chàng.

— Anh yêu em thật, chứ anh.

Tị gõ nhẹ nhẹ một ngón tay vào cánh lưng đường vòng cung của Liều:

ĐẶNG NHƯỢC PHƯƠNG

— Chẳng yêu em thì yêu ai. Đừng buồn, cương, sáng dậy anh kể cho nghe những chuyện lạ về giống nhím.

Liều con nít :

— Em muốn nghe bây giờ thôi, anh, giống nhím thì có gì lạ.

Giọng Tị ráo hoảnh :

— Nó cô độc, suốt đời em ạ, và phải tự làm lấy việc sinh đẻ cho chính mình, tại lòng nó cứng và nhọn như những mũi tên sắc thành thử không chung đụng được với ai cả.

Trong khi Tị nói, hai mắt chàng nhìn đắm vào mặt Liều mà như chẳng nhìn thấy gì, cả khuôn mặt đều bất động, trừ cái xương quai hàm hơi nhúc nhích mà như cũng chẳng phải giọng nói đã khuôn nắn từ đó, khiến Liều cảm tưởng như một giọng nói từ đâu đâu đang kể chuyện về chính chàng. Lúc Tị nín thình, Liều càng thấy điều đó hiện hiện ra. Nàng hỏi :

— Còn gì nữa không ?

Tị tiếp, giọng như cũ :

— Và nó kháng cự với những giống vật khác bằng cách bắn tung những cọng lông cứng đó ra.

Liều lại hỏi, bây giờ chính giọng trống rỗng của nàng làm Tị rút bàn tay trên bàn xuống :

— Có khi nào nó thua trận không ?

— Thường thì đều thua trận cả, bởi số lông già sắc có thể bắn đi được của nó thì có số... như thế dĩ nhiên nó chỉ có thể kháng cự trong một lúc thôi...

Rồi giọng Tị đổi thành gần gũi bất ngờ :

— Chuyện giống nhím chỉ có thế.

Liều hỏi thêm :

— Nó chạy có mau không anh ?

— Mau lắm, và bởi thế, nó mới tồn tại tới bây giờ, hàng ngàn lần chỉ cự chẳng đã nó mới kháng cự một lần, còn thì phải thoát thân bằng cách chạy trốn...

Câu chuyện kéo dài trong sức tưởng tượng của Liều, nàng tự hỏi : « có chắc thế không, trốn mà được chăng ? » rồi Liều nhớ tới một lần vừa ở tiệm vải đồng người bước ra, Tị nói : « Anh trông thấy trong tầm kiến lớn một người móc trộm cây bút máy của anh, anh vội chụp lấy túi áo nhưng hóa ra chẳng phải, nó móc trộm của người khác » Cách nhìn và cách nói lăm lăm với chính mình của Tị đã thành thói quen không làm Liều ngạc nhiên, nhưng mỗi khi nhớ tới Liều đều thấy ớn ớn lắm như Tị bỗng chốc ở bên mình đó, lại bỗng chốc tan biến đi đâu mất.

Tị bóp vụn chiếc vỏ hộp quẹt trong tay gây thành tiếng rêu rêu. Liều quay về với Tị trong vòng tay :

— Ở đâu mới có giống nhím anh nói đó, anh ?

— Ở đâu cũng có cả — Tị lơ lửng — Còn một thứ nữa cũng cô độc suốt đời như thế.

Liều nhanh nhẩu :

— Em ?

Tị cung ngón tay búng vào mũi Liều :

— Thông minh đấy, nhưng chẳng phải. Đố em biết ?

— Anh ?

Tị cười xuống :

— Lúc này thì thông minh còn bây giờ thì lười quá — Tị nín im rồi tiếp, giọng đi xa dần — Sóng biển. Suốt đời chẳng gặp nhau. Trông tại như chuyển đi liền tiếp mà thật ra cứ đứng mãi một chỗ.

Liều cất tiếng cãi đề nín giọng Tị xuống :

— Không đúng, bởi chính ra chúng là một. Là nước biển cả.

— Cái là một ấy làm chúng cô độc cũng như con nhím rồi còn gì. Liều nín thính đề mặc Tị với những mầu vỏ hộp quẹt nát trong tay, nàng xoay người nhìn ra cửa sổ, bóng lối thính không như có đủ sức hòa tan được mớ tư tưởng chích trong đầu Liều. Nàng bắt đầu tính toán những việc nhỏ nhặt ngày mai phải làm : đi Chợ lớn mua mấy món cần dùng rồi nhân lúc về ghé thăm con bạn vừa sanh con đầu lòng. Liều ngờ ngờ rồi cố mượn tượng ra vẻ mặt sầu thảm mót từ đáy lòng của nó khi nó báo tin có thai với nàng trước kia — dầu sao thì đứa bé cũng vô tội, mình không có quyền hủy phá nó, mình chỉ căm là căm lẽ đời đen bạc, thế thôi — hai tiếng thế thôi tụt vào tai Liều không một chút vang vọng tựa hồ như nó phải sạch cả những tiếng trước đó đi mất. Khi nó tiễn Liều ra tới cổng, mặt nó lại sầu bi một cách ghê tởm hơn trước nữa : « Đời mình thế là bế tắc. » Liều lợm giọng nhưng cũng cố gượng tạo một nụ cười bi đát để từ giã nó rồi bước thẳng xuống đường không dám quay lại : không hiểu sao có những người có thể lúc nào cũng lưu luyến tới những chuyện về với tới độ đó. Tiểu linh toán xong công việc buổi sáng, còn buổi chiều ? Liều đánh thót trong bụng : cứ lên Tị nhận lại công việc đó chẳng, cái nghề bán guốc mà Tị nhất nhất phản đối ? chính Liều đôi lúc nàng cũng thấy không chịu nổi những đôi guốc, lúc chưa đóng quai vào thì chúng chẳng ra hình thù gì, vừa uốn éo vừa thù lù kỳ quái, tới khi tra quai vào thì lại thấy chúng ở không một cách đáng ghét. Nhưng với Tị, không phải chàng chỉ bực riêng có một điều như thế. Chàng nói : « Ở đó kỳ cục anh chịu không nổi, gian nào cũng đèn tube, cũng quạt máy, đằng trước, đằng sau, hai bên toàn những người ừ ừ và mãi mãi là những người ấy. Tại đó anh không còn biết là ngày hay đêm, nóng hay lạnh và ở đó là ở dần nữa. Những lúc anh nghĩ tới em và gian hàng ấy, anh không tin chúng nó có thật ; anh không tin em đương như thế, hai bàn tay em đương như thế và những chiếc guốc lại đương như thế. Anh cũng chẳng hiểu tại sao, nhưng anh thấy ghen ghét tội độ, chả lẽ khi em hiện ra trong cái vẽ nhàn nhã bất dịch đó mà em lại chỉ là có thế. » Một lần Liều đương chẳng nhìn gì tại cửa hàng, bỗng nàng chớp mắt trông thấy hai vai Tị hiện ra sừng sững giữa giòng người đương diễu qua trong lối đi chật hẹp. Lúc Tị khuất hẳn, Liều mới

ĐẶNG NHƯỢC PHƯƠNG

chợt cảm thấy sự vô định chân nắn trên con đường vòng không giềng mối của chợ Bến thành và gian hàng guốc của nàng mịt mù như một khoảng trống nhia thấy qua những lỗ hở nhỏ.

Tự nhiên Liễu chợt dạ. Nàng nhìn chăm chăm một nút ruồi trên khuỷu tay Tị, nó to bằng một hạt cơm và nổi vồng lên, quanh đó có hai ba sợi lông xoắn lại như hình cái lò xo, chốc chốc nó cử động lẩn qua lại tưởng chừng như chẳng dính vào đâu cả.

Trời chuyển mưa, gió giông thổi từng cơn vật vã dưới vườn. Hai cánh cửa sổ ập mở liên hồi như một chiếc lá run rẩy. Liễu nắm bàn tay Tị ra khỏi đùi, đứng dậy kéo chúng lại. Sức gió kháng cự làm Liễu mỗi đờ hai ngón tay dương cổ máu chắt vào song cửa.

Tị vẫn ngồi lom khom ở giường như một con ốc. Liễu cố sức uốn người kéo hai cánh cửa, mái tóc nàng bay xỏa ra đằng sau làm chút bóng tối ở đấy chốc chốc lại xao động. Tị ngáp dài ngồi thẳng dậy, trong khi đó Liễu cũng vừa đóng xong cửa làm căn phòng chứa một thứ yên lặng bí bưng ngăn cách với tiếng gió bên ngoài.

Liễu hỏi :

— Lúc em đóng cửa, anh có nghe thấy gì không ?

— Không. Chắc em hát mà gió lừa đi, chứ gì ?

Liễu tươi ra bất ngờ :

— Sao lại đoán ngộ thế ?

— Lúc này em có đang ca sĩ lắm.

— Ở đằng sau lưng ấy à ?

— Không, nhia nghiêng nghiêng. Em có còn nhớ những bài hát hồi trước khi lẩn cư không ?

— Có, nhưng không hát được nữa — Liễu nín thính rồi cố chui ra khỏi sự yên lặng đó — Đố anh biết tại sao ?

— Tại hết hứng chứ gì.

Liễu xâu xâu :

— Chắc đúng. Bây giờ em hát thử nhé !

Liễu tắt đèn lớn, mở đèn ngủ rồi thụt lùi mãi vào góc tường, Tị nhìn theo tròn tròn. Bây giờ Liễu chỉ còn là một cái bóng phẳng dán sít trên tường Tị phải nghiêng xuống nhìn kỹ mới trông thấy một ngón tay của Liễu đang ngo ngoe như lần tìm cung bực cho giọng mở đầu. Hai cánh tay Liễu khép xuôi và nhất loạt khuôn mặt nàng trở thành những nét vẽ khô cứng, những vết mắt, mũi, miệng chấm phá một cách hờ hững đáng thương: đó là thời khắc vô tri để sửa soạn lẩn nhào vào rung cảm. Tị cắn chặt môi dưới lúc nào không biết, cho tới khi giọng Liễu cất lên, chàng mới cảm thấy đau buốt.

Liễu hát, những chỗ lên cao giọng nàng chẻ ra một cách khùng khấp. Chốc chốc Tị lại giục xương sống và nghe chừng như nước mắt ứa ra từ đó. Thỉnh thoảng, giọng Liễu thấp xuống và bật mất trong thứ tiếng im lặng sẵn có của căn phòng.

Liễu rời dần khỏi góc tường, thân hình nàng từ từ nổi góc cạnh, hai bàn tay xoè triển ra đằng trước, mắt nhấp nháy theo nhịp hát đang

rõ ràng như tiếng khua lục lạc.

Tị thấy Liễu cứ lớn dần rõ dần, vẻ mặt danh đá hóm hỉnh, gân cốt mình mẩy rướn ra một cách tục tằn. Tị tụt mãi xuống cuối giường, lần lại vách rồi xô tung cánh cửa sổ. Gió và nước mưa hất từng loạt vào mặt Tị, làm chàng thoải mái như vừa được gội sạch những cảm giác bầy nhầy.

Liễu vẫn hát ở phía sau lưng Tị, giọng nằng nặc như là thét cùng với tiếng chân mền đánh bần bật. Tới khi Liễu nín thính, nằng rơi xuống chỗ đương đứng và chợt nhận ra quả cam đương lăn trên sàn gỗ, bóng dáng nó lơ lửng chẳng khác nào khối thân thể nằng đương thu nhỏ mãi xuống. Liễu nhủ thầm «Tị vẫn ở đó, vẫn ở đó, chàng đương đứng sững sững ở đằng kia» rồi nằng cố nhúc nhích.

— Liễu ơi — tiếng Tị gọi đằng cửa sổ, phía sau cái lưng chàng — em có dám theo anh mãi không?

Liễu chóng mặt. Tị liến lù lù tới choáng cả tầm mắt Liễu rồi chàng đứng lại như một mặt phẳng, trong khi đó Liễu đã tìm được cạnh bàn chống tay vào — cổ em trắng tròn muồn muột ấy — Bỗng dưng Tị nhớ tới những păm mủ mịt trước kia, ngày còn sống với gia đình trong một căn nhà nề nếp có công có vườn. Một đêm về mùa hạ tiết trời oi bức báo động cho trận mưa giông ngày hôm sau, Tị thấy mình uất ức tột độ một cách vô cớ. Chàng hùng hục xô ngã bàn ghế rồi cõng bỏ quần áo lăn xềnh xệch dưới sàn gạch; mỗi thời điểm cấu xé Tị chỉ biết thân thể mình như một dụng cụ già nua khần cấp đời phá bỏ. Sáng hôm sau Tị mở mắt đứng nhòm dậy, lều nghêu giữa hai cánh cửa sổ nhìn ra vườn quên đóng. Nhà Liễu ở phía đó và nằng nhìn sang: Tị quờ vội tấm chăn choàng lên người. Năm đó Tị mười sáu tuổi.

Tình yêu đó khởi từ một thứ dục tình chân thật và dầm thắm: «Anh yêu em bởi một lý do không bao giờ có thể thổ lộ ra, hoặc là em biết, hoặc có thể là không bao giờ ngờ tới được, nhưng chính thật tình yêu đã tới với anh bằng cửa ngõ hèn mọn đó.

Tình yêu đối với Tị không như một cầu thang phải cố xây, cố cất, rồi cố trèo lên từng bậc một. Rồi tới khi Liễu trong vòng tay Tị, chàng nói: «Thuở bé anh là đứa con yếu đuối nhất, mỗi khi trời giông chớp anh run cầm cập trong lòng mẹ, nhưng anh trông thấy đấng mụt cùng cái đà ý lại ấy, sự tan rã đe dọa. Tới khi anh lớn lên, gia đình tan rã thật, nhưng khi đó thì anh đã thoát hóa xa từ cái bầm lình muồn đùn bọc hồi nhỏ. Cũng như em vậy, rồi em sẽ thấy rằng anh không phải là thứ dễ có thể cho em ần núp ở bên trong». Liễu tới với Tị nằng ở một bên, chính cảm giác của chàng thừa nhận điều đó, còn tất cả những thứ khác đều theo sau. Những lúc Liễu quán chặt lấy Tị, chàng tự nhủ «trước đó, sau đó và bây giờ, tôi vẫn thổ, duy có tôi với Liễu trong hiện tại/thì chẳng nên đề ý tới». Và chàng để mặc những giấc ngủ mơ tưởng ấy chảy lẩn qua như một viên bi không đề sót lại chút gì. Một buổi sáng tới thăm Liễu, Tị thấy nằng bước ra khỏi tiệp ăn, miệng ngậm cây lăm, bất giác Tị lạnh mình ghê ớn như vừa hôn

ĐẶNG NHƯỘC PHƯỜNG

phải da thịt một người cùng giống. Chàng nấp mặt sau cột đèn, khi Liễu ngang qua, tiếng dép kéo lê sè làm chàng cắn chặt hai hàm răng tưởng như có một sức mạnh đương cố xô bật chàng ra giữa lộ.

Những lúc đó Tị nhắm mắt và chàng đoán Liễu cũng thế : « tại thói quen thì không gì có quyền có mặt khi chúng tôi đương như thế. » Một lần sụp chón nước sâu, Tị ngoi-ngóp kéo Liễu vào bờ, nàng đòi ở lại đề Tị có thể trốn đi một mình để dành hơn — anh có muốn sống đề làm cái chó gì đâu, chỉ tại lỡ dùm đề làm em khổ, có thoát được thì cũng thoát — đề làm gì, Tị nghi ngờ, chết cho tình yêu chẳng ? bởi sự chung thủy chẳng ? những thứ đó đều có thật ở phía sau Tị, hằng trời buộc chàng ? tại anh lỡ làm em khổ ? thật thế không ? Tị thấy lù lù đằng trước mặt hàng trăm khối đen điều ngồn ngang chắn mất lối rành mạch mà ý thức chàng cố băng tới. Nhưng trong một phút, Tị quét sạch cả chúng nó: bây giờ Tị đương nhìn vào mặt Liễu và chàng cảm thấy thành thực: lời cần nàng, và sự thành thực đó công nhận thêm: chẳng thể xa nàng, nhất là ngay phút này. Rồi Tị nói tiếp « thôi đi, em lại bám lên cổ anh như cũ » Liễu đòi vứt nắm quần áo trên tay cho đỡ vướng, Tị cản lại : « giữ đấy sáng mai còn mặc trở vào đi trên lộ với người khác. »

Bao giờ cũng thế, Tị tự nhận biết mình có đấy, có thật chứ không phải chỉ có trên người khác. Và chàng bày tỏ điều ấy với Liễu: « đừng bắt những vật chung quanh phải méo-mó, đừng nói: khi em nhớ anh thì cây cỏ cũng rầu rầu. »

Bây giờ Tị đương sừng sững trước mặt Liễu, mặt nàng không điếm hết chu vi tấm ngực to lớn. Chàng vừa hôn ở cổ nàng xong, nhưng Liễu tưởng chừng như chàng đã có sẵn ở đấy từ muôn đời tới bây giờ, chưa hề nhúc nhích. Chàng xa xôi như một đồ vật, chẳng hề có liên lạc gì tới Liễu. Và chính sự xa lạ riêng rẽ ấy có sức thu hút mãnh liệt như muốn nuốt chửng nàng. Liễu vùng chạy :

— Anh ?

Tị gỡ bàn tay Liễu đương chỏi ở bàn.

— Em hát hay lắm, nhưng từ rày đừng hát nữa.

Liễu chợt thấy hai mắt Tị dịu xuống và gần gũi bất thần. Nàng cố trải phẳng nó ra:

— Nãy giờ, trong khi chiêm ngưỡng em, anh nghĩ gì, anh ?

— Anh cố nghĩ, tại sao lúc nãy em lại bảo là em cô độc.

Liễu ngược lên:

— Thế anh có muốn em hết cô độc không ?

Tị đỡ:

— Có chứ. Em chẳng biết là anh yêu em lắm sao.

Liễu chỉ muốn nghe bấy nhiêu, nàng úp mặt vào ngực Tị, nhưng tiếng nói của chàng lại từ trong đó vọng ra: « Cố đi em. Cố đi em, tại em chú ý tới nhiều thứ quá đấy. » Liễu lại hỏi, hơi thở dội ngược lại mặt nàng : « rồi chúng ta sẽ ra sao, anh ? » — « hạnh phúc » — Liễu rung mình, hai tiếng ấy không phải thoát ra từ ngực Tị, Liễu nghe như tiếng một cánh

SỎI ĐÁ

khô bị dập gãy: sao chàng vẫn ở đâu đâu chẳng phải tôi đương sờ mó thấy. Liễn vòng một tay ra sau lưng Tị mó máy mà chẳng biết mó máy gì. Nàng hỏi, đề nghe Tị trả lời:

— Nếu ngày trước, em chịu khó lập tành theo nghề ca sĩ thì bây giờ sẽ ra sao ?

— Sẽ có một vở mặt, một cuộn giấy cầm ở tay và một bộ đồ đen. Liễn chui ra khỏi ngực Tị:

— Sao lại nghĩ ngộ vậy ?

Tị thân nhiên :

— Chẳng biết nữa, đổ em đấy ?

Liễn nắm cổ tay Tị dục dặc :

— Chịu. Tại sao ?

Tị trả lời, giọng mỗi lúc một khuaít đấy lần : « tại chẳng ai chịu nổi một cô ca sĩ mà khác thế. » Rồi đề mặc Liễn ở đấy với trí tưởng vẽ với trong mắt nàng, Tị lần lại giường ngả lưng, vùng trán vô tư như một đám sỏi đá vừa dội nước.

đặng nhược phương

chị em, cha con và trẻ thơ

KỊCH BA MÀN

TRẦN DẠ TỪ

(TIẾP THEO KỶ TRƯỚC)

● Nhân vật sắp theo thứ tự xuất hiện trên sân khấu :
VĨNH : vai người em, hăm bốn tuổi, dáng phóng lãng, mặt mũi và tư
tư. CHỊ SÀU : vai người làm chừng bốn mươi, ít đặc điểm. LIÊN : vai
người chị hăm tám tuổi, đẹp lộng lẫy qui phái về tư tư giống VĨNH.
ÔNG PHONG : vai người cha, gần năm mươi, to béo, đồm dáng, về trẻ
trung lạc lõng. ĐỒNG : vai người con, trạc tuổi VĨNH say mê vụng và
nhiều mặc cảm. BÍCH : vai tình nhân của VĨNH, khoảng hăm mốt, đẹp
buồn bã, hoảng hốt dấu hiệu sự ngày thơ hồn nhiên vừa bị mất. Và một
ít vai phụ làm cảnh cho màn hai.

MÀN THỨ HAI đêm ở vũ quán cảnh

Một góc riêng biệt của vũ quán được nhìn từ ngoài vào : quầng rợpa thò
lớn chạp vòng tròn nhỏ một nửa ra góc sân khấu, trong đó tử rợa treo
trên tường, những chái rợa bày làm cảnh trong lòng ngăn nổi bật lên vì
đèn màu phù hợp. Phía ngoài dăm ba chiếc ghế cao căng được dựng sát
quầng, kể đó, một bàn rợa vẽ được sửa soạn sẵn, những nhân vật sẽ ngồi
đấy có thể ngó thấy sân nhữg phía bên phải sân khấu (nơi này ánh sáng
được dùng nhiều màu tương phản nhau và luôn luôn thay đổi tùy theo
mỗi bản nhạc). Màn kịch này mở lên vào khoảng chín giờ đêm : không khi

của vũ quán vừa sửa soạn xong. Phía trong, nơi sân nhũ, dương vọng ra điệu nhạc kích động và chút tiếng ồn ào, một người khách đàn ông xuất hiện trên sân khấu, đi chậm rãi vào phía quầy rượu tới ngồi nơi chiếc ghế cao cảng, quay lưng ra phía khán giả vỗ vỗ tay lên mặt quầy ra dấu gọi. Người khách : « Ê, Chiều Chiều cho anh cái gì khai vị đây. » Trong quầy hàng người gái rượu hiện ra : « Kia anh Dũng, sao tới sớm thế mà lại đi một mình, coi bộ thất tình em nào nghe, uống gì đây ? » Người khách : « Bất kể là thứ gì cũng uống, thất tình em đó mà, Chiều ! » Người gái rượu : « Thôi đồ quý, lại như mọi bữa nhé ! » Người khách : « Ừ, mọi bữa. » Người gái rượu : « Nhưng anh phải sang ngồi bên này, góc ấy có người dành trước rồi. » Người khách : « Ai, ai vậy ? » Người gái rượu : « Đám bà Liên đó mà. » Người khách : « Ồ, lượng ai, hóa ra vẫn còn chị thằng Vĩnh, liệu chừng họ sắp tới chưa nhỉ ? » Người gái rượu : « Chắc cũng sắp, thôi anh sang phía này đây, còn thuốc không cho em xin một điếu. » Người khách : « Ừ thì sang (điêng xuống, móc túi lấy thuốc lá, đi men theo quầy hàng mất dần vào hậu trường) đây, thuốc lá của em đây ? » Sân khấu bỏ trống một phút, phía sân nhũ bản nhạc kích động đã chấm hết, trong quầy rượu thấp thoáng vẻ bận rộn hơn lên vì mọi người đã về chỗ, sân khấu sáng hơn vì ánh đèn đã thay đổi, khi bản nhạc chấm dứt, tiếng ồn ào lắng lên, Đồng hiện ra từ phía những tiếng ồn ào ấy, tới ngồi nơi chiếc ghế người khách vừa bỏ đi. Người gái rượu hiện ra : « Thưa ông, góc này đã có người đặt trước, mời ông sang bàn khác. » Đồng : « Sao chưa thấy ai tới cả ? » Người gái rượu : « Chắc họ cũng sắp tới. » Đồng : « Tôi ngồi đây đợi họ. » Người gái rượu : « Ông, có hẹn với bà Liên ? » Đồng : « Vâng, tôi có hẹn. » Người gái rượu : « Vậy xin mời ông cứ ngồi lại, ông dùng tạm thứ gì, chắc họ cũng sắp đến. » Đồng : « Thôi cảm ơn cô, xin đề lát nữa tôi cần uống với. » Người gái rượu lại khua tay vào cửa một mình Đồng rút thuốc châm hút, que diêm bật lên cùng lúc với ánh sáng thay đổi : nhạc đã trở và Liên vào lúc đó, gỡ áo khoác, phủi tóc, đẹp rực rỡ. Đồng từ trên ghế cao đứng xuống.

vào kịch

1

Liên : Kia anh Đồng ?

Đồng : Chắc Liên ngạc nhiên vì thấy tôi ở đây, hôm nay Liên tới trễ ?

Liên : Hơi trễ hơn ý định vì trời mưa lớn quá, vả lại vì tôi có hẹn một người bạn tới đón mà không thấy họ đến. Mà sao anh biết tôi có đây ?

Đồng : Buổi sáng tôi có nghe Liên nói.

Liên : Buổi sáng, lúc nào thế nhỉ ?

Đồng : Khi đứng trên bao lơn nhìn xuống vườn, khi tôi sắp ra về, khi Liên nói câu cuối cùng...

TRẦN DẠ TỬ

- Liên : Thôi, xin anh đừng nhắc tới lúc đó, hãy quên những gì mình đã nói, tôi vẫn mến anh lắm.
- Đồng : Đáng ra tôi không nên tới đây vì không được Liên cho hẹn trước, tôi mong Liên tha lỗi, tôi đã suy nghĩ kỹ và chắc sẽ không phải làm phiền Liên lâu.
- Liên : Không, không hề gì, *(chợt cười)* mời anh ngồi. Chắc tôi cũng không có gì bận cả, trời mưa mà.
- Đồng : Vâng, trời mưa, mưa lớn quá *(hai người cùng ngồi xuống)*. Liệu những người Liên hẹn có tới đây được chăng?
- Liên : Anh đừng gì cho ám, chắc là họ sẽ đến, vừa ở ngoài mưa vào tôi thấy lạnh.
- Đồng : Liên cho tôi uống gì cũng được, Liên dùng thuốc?
- Liên : Xin anh một điều.
(hai người cầm thuốc hút và thở khói, một người hầu bưng đi tới)
- Liên : Anh dọn ra cho tôi phần rượu đi.
- Người hầu bưng : Thưa, cô có điện thoại gọi.
- Liên : Được, được tôi ra ngay, anh cứ cho rượu tới *(đang dống đi lại phía quầy)*. Chiều đây dùm tôi cái điện thoại ra đây đi; *(máy điện thoại dấy tới, Liên cầm)* A lô, tôi nghe đây... Vâng, Liên đây. Thưa ông ở đâu gọi lại... À, nhận ra tiếng loa rồi, sao có chuyện gì thế mà không lại đón mua, làm con bé tưởng ưót hết, hãy giờ còn rét run... Rồi, hiểu rồi, hiểu rồi, hiểu rồi mà... nhưng này, đêm chủ nhật làm thế sui đó nghe, vậy phải lại đây cho gặp để bắt dền *(cười)* mười ly cũng chưa bỏ. Mà thôi, không đùa nữa, phải cho mua gấp vì có chuyện cần nhờ, cần lắm... Thôi, dấn hoài... Không phải chuyện buổi sáng đâu... không thể nói ở đây được, loa đến đón mua rồi cùng về... Sao, không về được à? Nhưng dù sao cũng cứ lại đón mua khuya không về được. à? Nhưng dù sao cũng cứ lại đón mua khuya một chút cũng được, mua cần gấp loa lắm thế nào cũng tới nghe, mua đợi... Hy sinh chuyện làm ăn đó đi... yes...yes... Thôi, được rồi, nhớ lại nghe, ở voa, mua đợi đó *(gác máy điện thoại, hút thuốc, hỏi người gái rượu)*. Đã thấy ông Vĩnh tới đây chưa?
- Người gái rượu : Có, hôm qua ông ấy chờ cô gần hết đêm.
- Liên : Còn vừa rồi?
- Người gái rượu : Vừa rồi thì chưa thấy, nhưng chắc cũng sắp lại *(Liên về chỗ)*.
- Đồng : Liên ngồi đây ít phút có làm phiền lòng Liên lắm không?
- Liên : Xin anh cứ tự nhiên, *(pha rượu)* tôi cũng chưa bận gì, chắc anh có chuyện cần?
- Đồng : Không, không có gì cần lắm *(nhể lúng lúng)* cũng vẫn là câu chuyện buổi sáng, nhưng tôi muốn được gặp Liên để nói về nó cho rõ hơn. Tôi sợ sự lúng túng của tôi trong câu chuyện sáng nay có thể làm Liên chưa hiểu rõ...
- Liên : Tôi hiểu rõ ý anh *(ngang lý)* mời anh dùng.
- Đồng : Liên cho phép tôi nói, tôi vẫn nhớ lời Liên.

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRÊ THƠ

- Liên : Anh nên quên đi những lời tôi đã nói buổi sáng, và cũng nên quên đi cả những điều anh đã nói với tôi từ mấy hôm nay nữa. Chúng ta nên trở lại sự bình thường như những lần gặp nhau trước đây, tuy thực tình chuyện anh nói làm tôi rất cảm động. Anh không giận tôi chứ.
- Đồng : Không, không bao giờ. Tôi mong Liên hiểu tôi (*ngập ngừng*) Tôi quý Liên lắm.
- Liên : Chúng ta nên dừng lại ở đó.
- Đồng : Không, không phải chỉ có thế, Liên cho phép tôi nói.
- Liên : Tôi chỉ biết khuyên anh nên nhún nhường vào đời sống của tôi và đừng quên điều đó.
- Đồng : Tôi không quên. Tôi biết. Tôi cũng biết rõ cả tôi nữa. Tôi yêu Liên lắm, yêu thành thật. Tôi lặp lại lời cầu hôn với Liên : tôi thấy chúng ta có thể sống với nhau, (*một giây*) Liên tin lời tôi không ?
- Liên : Tôi tin anh lắm chứ (*cười, nhạc nơi sàn nhảy thay đổi*) Nhưng tôi cũng chỉ biết lặp lại những lời mà buổi sáng đã nói: Anh định chúng ta sẽ sống như thế nào ?
- Đồng : Chúng ta làm lễ cưới (*say mê*) một lễ cưới nhỏ, chỉ có riêng hai người cũng được.
- Liên : Còn gia đình anh, hình như tôi chưa bao giờ hỏi anh về gia đình ?
- Đồng : Tôi đã lớn và đã có quyền tự quyết định lấy đời sống của tôi.
- Liên : Nghĩa là gia đình anh không bao giờ có thể bằng lòng được chuyện này ?
- Đồng : Tôi không cần gia đình (*lúng lúng*) tôi lưỡng Liên không bao giờ phải thắc mắc về chuyện ấy.
- Liên : Phải, tôi không hề thắc mắc. Nhưng chúng ta sẽ sống ở đâu, làm gì, ăn gì, và rồi sẽ ra sao, anh có từng nghĩ đến chuyện ấy chưa ?
- Đồng : Còn chừng một năm nữa tôi ra trường. Tôi nghĩ mình có thể sẽ sống ở một thành phố nhỏ (*Liên: như Đà Lạt chẳng hạn*), ví dụ thế. Tôi sẽ ra làm một chân thăm phán tạm thời để mình có đủ ăn.
- Liên : Còn tôi, tôi sẽ ra làm gì ?
- Đồng : Tôi nghĩ Liên có thể đi dạy học, hay ở nhà cũng không hề gì. Mình sẽ có một gia đình, một gia đình do mình tự dựng lấy (*uống cạn ly, pha tiếp*) Đó là điều duy nhất tôi ao ước.
- Liên : Nhưng còn từ bây giờ cho đến khi anh có thể đi làm. Trong một năm đó chúng ta phải làm sao để sống ?
- Đồng : Tôi cũng đã nghĩ tới điều ấy, hiện giờ tôi còn một ngân khoản riêng khoảng chừng gần trăm ngàn định dành để sang Pháp, tôi có thể dùng riêng món tiền ấy theo ý tôi.
- Liên : Anh lãng mạn lắm, nhưng còn một điều : gia đình anh sẽ nghĩ sao ?
- Đồng : Gia đình ? Tôi xin Liên đừng thắc mắc điều ấy. Chỉ có gia đình

TRẦN DẠ TỪ

của riêng tôi dựng nên mới có thể gọi được là gia đình, còn bây giờ, tôi chán lắm. Tôi xin Liên tin tôi, gần một tuần nay tôi chưa hề về nhà (*ngừng một giây*) mà cũng chẳng có ai về cả!

Liên : Thế còn đời sống hiện nay của tôi sẽ ra sao?

Đồng : Nếu Liên bằng lòng, tôi thấy cũng dễ dàng thu xếp, có thể chúng ta vẫn ở đây nhưng sẽ kiếm một căn nhà khác, hoặc giả mình đi xa (*mơ màng*) Liên có thể sẽ mang chị Sáu theo, tôi sẽ cố gắng để chị Sáu coi tôi như Liên...

Liên : Căn nhà của tôi?

Đồng : Liên có thể giao nó cho người khác.

Liên : Người khác? Tôi chẳng còn ai để có thể giao nó.

Đồng : Liên có thể khóa nó lại.

Liên : Khóa cổng, khóa cửa, khóa tất cả, một căn nhà bị tịch biên, bị niêm phong, anh có biết thế không?

Đồng : Có, có tôi biết.

Liên : Anh biết những gì về nó?

Đồng : Tôi biết, biết từ xưa.

Liên : Hóa ra anh cũng biết (*uống rượu, dúi thuốc*) ai cũng biết. Vậy tại sao anh chưa biết thêm rằng tôi không bao giờ để cho nó bị niêm phong thế cả.

Đồng : Liên có thể bán nó đi.

Liên : Bán nó? Nếu vậy tôi còn gì?

Đồng : Hình như Liên bị mệt, chúng ta còn một tương lai trước mắt, tôi tin rằng tôi sẽ có đủ sức để dựng một gia đình cho chúng ta. Một gia đình như ý tôi muốn.

Liên : Thế còn tôi, ý tôi muốn? Tôi không bị mệt đâu, anh cứ nói.

Đồng : Nếu Liên chịu bằng lòng giúp tôi (*ngập ngừng*) không, không phải thế. Nếu Liên bằng lòng nhận cuộc sống chung của chúng ta...

Liên : Nhưng anh, anh làm thế nào để nhận được cuộc sống riêng của tôi (*ngừng một giây, nâng ly*). Anh còn nhớ, anh đã thấy, đã hiểu tôi sống thế nào rồi kia mà.

Đồng : Tôi hy vọng chúng mình sẽ có thể thay đổi được đời sống như ý mình muốn.

Liên : Nhưng mình chỉ mới gặp nhau hơn một tuần, anh làm sao hiểu được tôi muốn gì. Nếu anh biết tôi đã sống thế này từ nhỏ, ăn, chơi, ngủ, anh sẽ hiểu rằng tôi không thay đổi được.

Đồng : Tôi hiểu Liên. Liên nghĩ như thế vì Liên không tin tôi, vì Liên không tin cái gì cả. Nhưng nếu Liên tin tôi một chút, Liên sẽ nhìn thấy ở Liên những thứ đặc biệt mà từ lâu Liên quên lãng, hắt hủi.

Liên : Anh thử ví dụ coi.

Đồng : Ví dụ... (*túng túng*) tôi không thể kể ra, nhưng tôi tin tôi hiểu Liên hơn tất cả và tôi tin tôi yêu những thứ đó,

Liên : (*bình tĩnh*) anh làm như tôi khó hiểu lắm không bằng. Sự thực,

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

tất cả những gì tôi muốn, tôi làm, và tôi sống, mọi người đều hiểu hết, anh cũng thế. Tại sao anh cứ muốn hiểu tôi theo ý anh ?

Đồng : Tôi yêu Liên, xin Liên tin lời tôi.

Liên : Tôi tin anh lắm chứ (dỗ dành) vì thế, tôi mới phải nói mãi với anh từ buổi sáng là chúng ta nên trở về sự bình thường của tôi và gặp nhau như thế, anh không hiểu tôi vì anh không chịu hiểu sự thực (nhạc lại trở lên, một lát, Đồng lắng nghe) anh Đồng, năm nay anh bao nhiêu rồi nhỉ.

Đồng : Tôi hăm bốn.

Liên : Hăm bốn tuổi anh còn trẻ như em tôi, anh không nghĩ thế sao ?

Đồng : Tôi không nghĩ điều ấy, tôi sẽ cố để làm Liên thấy có thể tin tôi và yêu tôi.

Liên : Tôi rất mến anh, anh đừng cố làm gì, tự nhiên rồi sẽ qua. Để tôi mời anh đi với tôi bữa này. (Vĩnh vẫn y phục buổi sáng, đưa vẫn đội chiếc mũ của ông Phong, hiện ra phía sau lưng Liên và đi đến, vì thế Đồng thấy trước)

Đồng : Thôi, cảm ơn Liên. Tôi xin phép. Kia, Liên có người bạn đến (Vĩnh đã tới, Đồng bịt tay). Tôi nhớ đã gặp anh bữa sáng.

Vĩnh : Vâng, buổi sáng (quay sang Liên) xin cứ tiếp tục, tôi lại đây một chút (Vĩnh đi vào phía trong sân khấu, tới ngồi nơi chiếc ghế cao cạnh sân khấu. Đồng đã ngồi khi vào, quay lưng lại hai người)

Đồng : Thôi, để tôi xin phép Liên. Tôi vẫn mong những điều tôi nói Liên sẽ suy nghĩ lại. Sáng mai tôi tới Liên được chăng ?

Liên : Xin mời anh cứ tới. Hình như trời vẫn còn mưa nhỏ.

Đồng : Chắc cũng ngớt lâu rồi, sáng mai tôi xin tới.

Liên : Vâng, sáng mai.

Đồng đứng lên do dự rồi tiến lại phía Vĩnh, hai người bắt tay nhau, sân khấu tới Đồng. Vĩnh rời ghế lên lại ngồi nơi bàn với Liên.

2

Liên : Tao tưởng mày không tới.

Vĩnh : Chị tưởng thế, chị biết thừa thế nào tôi vẫn còn phải tới.

Liên : Mày biết thế, vậy phải để tao hỏi mày ít điều.

Vĩnh : Chị cứ hỏi.

Liên : Mày cần món tiền đó để dùng vào việc gì ?

Vĩnh : Tôi tưởng đã trả lời chị điều ấy từ buổi sáng.

Liên : Chưa, mày chưa hề trả lời và tao cũng chưa hề hỏi mày.

Vĩnh : Chị quên rồi đấy, vì chính tôi đã nói rõ với chị hai ba lần :

TRẦN DẠ TỬ

tôi cần món tiền ấy vì muốn làm cho chị vui lòng là sẽ không làm phiền chị nữa (*tư pha rượu lợ và uống*) không dính dáng gì đến những công việc của chị nữa.

Liên : Không nhìn thấy tao nữa.

Đồng : Đúng như thế, chị đã nhớ ra rồi.

Liên : Tao còn nhớ ra là khi mày đập bẻ cái cửa kính và hăm hăm bỏ đi lần thứ nhất, cách đây ba năm, mày đã nói như thế.

Đồng : Lần này thì sự thực tôi sẽ làm như thế. Chị may mắn hơn tôi vậy xin chị giúp tôi (*lánh điếm chân thuốc hút*) Đây không phải là chỉ giúp cho riêng mình tôi đâu.

Liên : Mày đừng dở cái giọng ấy ra, tao biết. Hãy bỏ cái mũ xuống.

Đồng : Tôi mang nó theo để nhờ chị trả hộ (*bỏ mũ xuống, mặt bàn*) không may bị mưa nên hơi ẩm (*nhìn vào trong hòm trường*) Kia, ông khách vừa rời cửa chị, bảo làm gì mà còn đứng lầu ngầu ở cửa bộ muốn quay lại.

Liên : Đừng để hắn trở lại, mày đứng dậy ra đi với tao bôn rầy vài bước.

Dàn nhạc dương dạo lại một bản Valse vòng thứ hai. Hai người đứng dậy. Vĩnh bỏ điếu thuốc hút dở vào ly rượu chưa đẹp đi của Đồng, đưa chị về phía piste. Sân khấu bớt hai người, bỏ trống một phút rồi Đồng lại hiện ra, lần nữa lời kéo thêm một chiếc ghế ngồi nơi bàn nhìn ra trời mưa. Bích xuất hiện trên sân khấu, vẻ buồn bã lạc lõng của người lạ vũ quán, liến tới phía quầy, nói với người gái rượu trong đó.

Bích : Thưa cô, xin cô cho tôi hỏi ông Vĩnh, hình như ông ấy vừa tới đây ?

Người gái rượu : Ông ấy vừa ở đây xong (*chỉ ra bàn Đồng ngồi*) chắc ông ấy vừa xuống piste. Cô cứ lại bàn ngồi chờ.

Bích : Xin cô chỉ dùm tôi bàn ấy (*quay lại*)

Người gái rượu : Đó, đó, bàn có ông khách đang ngồi một mình kia. Cô cứ lại đó chờ, hết bài này ông ấy sẽ về.

(*Bích nói cảm ơn rồi liến lại phía Đồng*)

Đồng : Thưa cô, cô cần gì ?

Bích : Xin ông cho tôi hỏi ông Vĩnh, chắc ông ấy sắp trở lại.

Đồng : À, ông Vĩnh, xin cô chờ đây một chút, bài này sắp hết rồi, Mời cô ngồi.

Bích : Xin phép ông. (*Bích ngồi xuống*)

Đồng : Chắc cô là người nhà anh Vĩnh.

Bích : Dạ.

Đồng : Hắn phải có việc cần lắm cô mới phải tới tìm như thế này, hình như bên ngoài vẫn còn mưa to lắm.

Bích : Dạ, mưa to.

Đồng : Cô dùng gì cho ấm ?

Bích : Dạ thôi cảm ơn ông. Chắc ông cũng là bạn anh Vĩnh.

Đồng : Tôi chỉ vừa mới biết anh ấy thôi, chưa quen nhau. (*Đồng nhấc*

CHỊ EM, C-À CON VÀ TRÈ THƠ

- nhắc chiếc trà trên bàn, lơ đãng, không chú ý.)*
- Bích : Chắc ông cũng ngồi chờ anh Vĩnh rồi ?
- Đồng : Không tôi có chút việc phải ngồi chờ người bạn của anh Vĩnh.
- Bích : Thưa ông, bạn anh Vĩnh ?
- Đồng : Vâng, tôi ngồi chờ cô Liên, chắc cô biết cô Liên chứ nhỉ, cô ấy đang ở dưới piste với anh Vĩnh.
- Bích : Cô Liên ? Không, tôi không biết, tôi không biết. *(nhạc tắt và đèn sáng)*
- Đồng : Họ sẽ trở lại đây bây giờ, xin cô cứ ngồi chờ, *(trong sự ồn ào đương thay thế tiếng nhạc vừa tắt, Liên và Vĩnh hiện ra ở góc bên phải sân khấu, hai người đưa nhau về bàn, vừa đi vừa nói nói, Liên không nhìn thấy gì nhưng Bích đã trông thấy hai người, nàng đứng dậy rồi bỗng chạy biến vào phía trái sân khấu. Đồng kêu tiếng bất thường : « Ông Vĩnh, ông Vĩnh, » Vĩnh chợt nhìn thấy, chạy theo : « Bích, Bích, » Sân khấu chỉ còn lại Liên và Đồng, người gái rượu hiện ra trong quầng rượu, Đồng đứng lại đón Liên rồi hai người cùng ngồi).*
- Liên : Có chuyện gì thế anh.
- Đồng : Có gái ấy tới đây kiếm ông Vĩnh, tôi không hiểu tại sao...
- Liên : Tôi hiểu rồi *(thở dài và yên lặng một giây)* Anh cho tôi xin anh điếu thuốc.
- Đồng : Hình như cô ấy là người nhà ông Vĩnh *(chăm thuốc cho Liên)* trông cô ấy có vẻ buồn.
- Liên : Không, nó không có người nhà *(uống rượu).*
- Đồng :
- Liên : Anh ngạc nhiên phải không ? *(một lát)* Nó là em trai tôi.
- Đồng : Hóa ra vậy, tôi không biết điều đó. Chắc cô ấy lắm.
- Liên : Cả anh nữa, có lẽ chính anh cũng đương tưởng lầm tôi.
- Đồng : Liên tha lỗi cho tôi, tôi không biết điều đó nên cứ ngỡ...
- Liên : Anh ngỡ nó đối với tôi cũng như anh, *(đốt điếu thuốc)* mỗi lần tôi thăm khi ra về cũng để một món tiền dưới cái gạt tàn thuốc phải không ? *(cười, nhạc lại nổi lên và ánh sáng sang màn tối hơn, một thứ nhạc loại nặng)* Anh ngỡ thế là phải, tại vì chính nó, nó cũng muốn anh coi nó như thế đối với tôi.
- Đồng : Tôi đã xin Liên tha lỗi, tôi mong Liên yên tâm và tin tôi hiểu Liên.
- Liên : Anh lại đương tiếp tục tưởng lầm anh đó, anh không hiểu tôi đâu.
- Đồng : Liên nên tin tôi hiểu Liên.
- Liên : Anh làm sao hiểu được vì anh chỉ mới biết tôi chưa đầy hai tuần lễ. Anh còn trẻ, trẻ như Vĩnh, tôi chỉ mong anh hiểu được chính anh để anh không bận tâm về tôi, *(nặng lạ)* tôi không xứng đáng để anh bận tâm đâu...
- Đồng : Xin Liên đừng nói nữa, tôi hiểu Liên *(một giây cảm động)* Không phải chỉ có hai tuần lễ, tôi biết Liên từ lâu, lâu lắm, bấy

lăm năm về trước, dạo mà Liên còn học ở Dalat, mang chiếc jupe đỏ choàng áo trắng, những ngày chủ nhật buổi sáng dự lễ chín giờ rưỡi ở nhà thờ, buổi nhiều tôi thăm anh Thành ở căn nhà số... đường Yersin (*Liên và anh Thành*) Tôi biết Liên từ đó. Sau này, khi về đây tôi cũng đã biết nơi Liên sống từ gần một năm nay, rất nhiều lần tôi đi qua, nhưng rồi không dám vào, cho mãi tới vừa rồi. . Tôi mong Liên tin tôi.

Liên : (*sắc động*) Anh cũng biết anh Thành ?

Đồng : Thành là anh họ tôi, tôi sống với anh ấy từ nhỏ. Dạo ấy, mỗi lần Liên tới, ngồi ngoài phòng khách, tôi đều đứng bên trong nhìn ra, tôi nghe thấy và nhớ mãi cả tiếng nói của Liên, mặc dù dạo ấy tôi còn nhỏ.

Liên : Rồi sau này ?

Đồng : Tôi cũng không hiểu tại sao Thành trốn đi, sau khi anh ấy đi tôi còn tìm thấy được tập thư của Liên, tập thư đó bây giờ tôi vẫn giữ, nếu đêm nay về nhà được, sáng mai tôi có thể mang nó lại cho Liên.

Liên : Những lá thư (*chợt thức*) Nhưng thôi, đừng nhắc tới, tôi cũng không muốn trông thấy chúng, anh kể với tôi chuyện ấy làm gì nữa, (*một giây*) bây giờ tôi khác rồi.

Đồng : Đối với tôi bao giờ Liên cũng không đổi khác, tôi nói ra chuyện ấy để Liên hiểu tôi hơn, tôi yêu Liên từ nhỏ, tình yêu ấy đến bây giờ vẫn thế, (*một giây*) không hiểu tại sao hồi đó tôi lại không biết Vĩnh ?

Liên : Tôi không biết sẽ phải nói với anh những gì, nhưng thực tình đối với tình của anh tôi lại càng không đáng. Đó, anh vừa thấy rõ đời sống của tôi. Có lẽ anh chọn lầm.

Đồng : Lúc này có lẽ không nên để Liên nói gì cả.

Liên : Tôi phải nói để anh hiểu tôi hơn.

Đồng : Tôi hiểu Liên (*thả thiết*). Tôi cũng hiểu tất cả những lý do của cuộc sống Liên đương sống. Xin Liên tin tôi và đừng nói.

Liên : Không, tôi phải nói vì anh vẫn không thể hiểu gì cả, anh muốn mang cho tôi một cuộc sống khác, những cảnh anh đã thấy, có phải như thế không ?

Đồng : Tôi mong thế.

Liên : Đó là chỗ tương lầm của anh, nếu anh biết đời sống của tôi, của chúng tôi — cha tôi, mẹ tôi, tôi, rồi em tôi — chúng tôi sinh ra là để sống như anh đã thấy, tôi đã sống như thế từ nhỏ, không thể đời khác được. Nếu Anh biết đêm nay tôi ngồi đây làm gì ? (*một giây, Vĩnh vào từ bên trái, quần áo ướt sũng*) tôi ngồi đây đợi một người đàn ông bằng tuổi cha tôi tôi để xin tiền hắn.

Đồng : Kìa, Vĩnh đã trở lại. Thôi, tôi xin Liên đừng nói. (*Vĩnh đã lời kéo ghế ngồi, rót thêm rượu ngồi uống, Liên lấy trong bóp ra một chiếc khăn tay đưa cho Vĩnh*).

CHI EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

- Liên : Lau mặt và tóc đi.
Đồng : Anh mặc mưa, có thể bị đau lắm (dùng dũa, cởi veston, khoác lên vai cho Vĩnh trong khi Vĩnh đang lau mặt và tóc) Anh khoác tạm áo tôi cho đỡ lạnh.
Vĩnh : Cảm ơn ông (gỡ áo nên trả xuống ghế Đồng) Tôi không lạnh.
Liên : Mày đang run lên mà!
Vĩnh : Tôi không sao hết (thức giận, dùng dũa) cô khỏi lo, tôi không cần gì hết (bỏ đi) Tôi vào trong một lát.
(sân khấu bớt Vĩnh, Đồng cầm áo trên tay, ngồi xuống.)
Liên : (oẽ cổ gồng) Anh tha lỗi cho nhé, chúng tôi đang điên.
Đồng : Xin Liên đừng bận tâm, chắc anh ấy đang có chuyện buồn lắm.
Liên : Tôi mong anh không giận.
Đồng : Chắc Liên cũng biết tôi muốn nói nhiều lắm, tuy vậy, tôi tin dù không nói ra Liên cũng vẫn thừa sức hiểu tôi muốn nói gì. Bao giờ tôi cũng vẫn mong mỗi được Liên cần đến sự vụng về của tôi.
Liên : Cảm ơn anh. Tôi hiểu.
Đồng : Thưa còn nhỏ, những lần trông thấy Liên tôi đã không dám lộ mặt ra, không dám nói. Bây giờ tôi vẫn vậy. Tuy thế, tôi chọn không làm đầu (mặt gồng) Liên khuyên tôi gì không?
Liên : Có lẽ anh nên về qua nhà đêm nay. Biết đâu ở đó anh sẽ chẳng suy nghĩ thêm nhiều hơn.
Đồng : Tôi xin nghe lời Liên, mặc dù từ lâu ở đó tôi hoàn toàn vô tri.
Liên : Sáng mai mời anh tới thăm tôi.
Đồng : Vâng, sáng mai. Nhờ Liên nói dùm tôi gửi lời thăm và xin lỗi anh Vĩnh. Không hiểu vì sao trước đây tôi không biết anh ấy.
Liên : Chính chúng tôi phải lo xin lỗi anh mới phải. Đêm nay tôi sẽ cố gắng suy nghĩ về những chuyện anh nói.
(Một người khách đàn ông—người khách trong phần cảnh khi dạo—cầm ly rượu đi men theo quầy ra sân khấu, lời ngồi trên chiếc ghế cao cạnh đã ngồi, quay lưng lại hai người).
Đồng : Tôi chỉ mong Liên ngủ ngon và đừng thức mặc gì (dùng dũa) đứng từ biệt trong khi nhạc lại trở) Tôi ân hận không được đi với Liên bạn nào.
Liên : Nếu vậy tôi mời anh bài này (đàn tối hơn) Anh Đồng, anh còn vui lòng chứ?
Đồng : Thôi cảm ơn Liên (khóc áo). Tôi phải về.

3

Bây giờ sân khấu đã bớt Đồng và ánh sáng tối hơn, Liên nhắm thuốc hút và đang ngồi lắng nghe tiếng nhạc. Người khách nơi quầy rượu

TRẦN DẠ TỬ

đang xuống với ly rượu trên tay, hẳn đi tới phía Liên. Người khách : « Tôi có thể mời cô bữa này. » Liên vẫn không nhìn lên « Xin lỗi ông, tôi mệt. » Người khách đặt ly rượu xuống bàn. « Có mệt, nữa vậy tôi có thể xin phép ngồi lại đây giúp cô, » Người khách tự kéo ghế ngồi xuống, Vĩnh hiện ra trong một góc sân khấu đang đi tới. Liên : « Cảm ơn ông, tôi muốn được một mình » Người khách : « Tôi sẽ không để Liên phiền lòng đâu (Liên nghiêng lên vì nghe kêu tên mình, người khách cầm cái mũ của ông Phong nhấc nhấc trên tay rồi đặt lên đầu nói liếp trong khi Vĩnh đã đứng sau lưng hẳn). « Đêm nay tôi có thể đưa Liên về. » Vĩnh dơ tay lấy lại chiếc mũ trên đầu người khách ; tiến lên trước mặt hẳn : « Xin phiền ông đứng lên. » Người khách : « À, Vĩnh, mà ông nhận ra tao sao mày ? » Vĩnh : « Tao bảo mày đứng lên » Người khách : « Thế nào, Liên bằng lòng liếp tôi đêm nay chứ ? » Vĩnh « Tao bảo lần cuối cùng, đứng lên đi nơi khác. » Người khách : « Mày không thấy tôi đang nói chuyện với chị mày đây à, thằng nhỏ ? » Vĩnh cầm ly của người khách lên hất rượu vào mặt hẳn : « Đồ khốn nạn, cút khỏi đây lập tức. » Người khách chợt đứng dậy đâm Vĩnh nhưng Liên đã ném chiếc ly vào mặt hẳn, người khách tránh khỏi chiếc ly bay vào quầy rượu vỡ tan, không khí nhốn nháo, một người bồi chạy đến, liền đó Vĩnh cầm chai rượu đập vỡ tiến lại phía người khách, hẳn lùi dần lùi dần và mãi vào hậu trường, nhiều người tới can Vĩnh lại. Sau một lúc nhốn nháo, Vĩnh ném chiếc vỏ chai vỡ xuống đất, trở về bàn. Những người khác lần lượt bỏ đi. Không khí yên lặng dài, vẻ cố gắng, mệt mỏi.

Liên : Vĩnh, mày giận tao phải không ?

Vĩnh : Can gì tôi phải giận (một giây) Tôi không giận ai cả.

Liên : Phải, mày không giận, tao biết. Nhưng mày đang xấu hổ vì tao, vì chúng nó biết tao là một con đĩ và biết mày là em tao, Đã phải như thế chưa ?

Vĩnh : Không phải vì chúng nó.

Liên : Nếu vậy, mày đang xấu hổ vì chính mày, vì mày coi tao chỉ là một con đĩ và mày ngồi với tao. Đã phải như thế chưa ?

Vĩnh : Chị bị mệt, để tôi đưa chị về.

Liên : Không, tao không bao giờ mệt (một giây). Tao còn thờ là tao còn sống, sống trên đầu chúng nó, mày biết như thế không ? Chúng nó sẽ đuổi mù tạt tạt liết và không bao giờ dám ngàng lên nhìn tao. Vì tao không bao giờ biết mệt, không bao giờ chịu thua, mày biết như thế không ?

Vĩnh : Để tôi đưa chị về.

Liên : Cả mày nữa, tao tới đây không phải để cần mày đưa về, tao không cần ai cả. Mày phải nhớ điều ấy. Hãy đưa chính cái thân mày về, muốn về đâu thì về, muốn đi đâu thì đi, hãy lo cho chính mày. Còn tao, tao ở lại (một giây) Mày nghe tao nói không, sao còn chưa đứng lên ?

Vĩnh : Tôi ở lại chờ chị.

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

- Liên : Tao đã bảo mày lo lấy thân mày đi, đừng chờ tao (nhạc chợt tắt, đèn chợt sáng). Mà có phải mày chờ tao đâu nhỉ, mày chờ món tiền tao sẽ đưa cho mày phải không? Hay mày chờ đứa con gái khi nãy?
- Vĩnh : Tôi chờ chị.
- Liên : Thôi để tao nói cho mày khỏi phải chờ, món tiền ấy bây giờ chưa có đâu, nhưng tao sẽ cho mày. Vậy đêm nay đi đâu thì đi rồi ngày mai về nhà, còn tao, tao ở đây. Mày biết tao phải đợi ai mà?
- (Người bồi mang một cây nến lớn tới đặt trên bàn sửa soạn cho bài valse mười giờ, Liên gọi thêm rượu, Vĩnh dành diêm châm n^hên, ông Phong hiện ra, đi tới, Vĩnh trông thấy)
- Vĩnh : Kia, hẳn đã tới. Thôi, chị khỏi nói đề tôi đi. (Vĩnh đứng dậy định đi nhưng ông Phong đã tới trước mặt bắt tay)
- Phong : Ô, Vĩnh! Lâu ngày quá không gặp. Chưa quên chứ?
- Vĩnh : (lạnh lẽo) Vâng, chưa quên.
- Phong : Thế nào, định đi trốn đâu vậy, ngồi lại đây chút đã. Phong rút xi gà ra, ghé cằm vào ngọn nến đưa mời Vĩnh. Làm một điếu thử coi.
- Vĩnh : Cảm ơn. Tôi không quen.
- Phong : (chợt nhìn Liên) Kia, Liên sao thế kia (nhìn xung quanh) Vừa có chuyện gì ở đây vậy. Liên mệt hả. Thôi để móa đưa về.
- Liên : Tôi không sao cả. Vĩnh bận việc, cứ để cho nó đi. Tôi có chuyện cần nói.
- Vĩnh : Nên đưa chị ấy về nhà đã.
- Phong : Phải rồi, thôi để móa đưa về, chuyện gì đề rồi ra xe nói, ờ Vĩnh, giúp móa đưa Liên ra xe đi.
- Liên : Đã bảo tôi không sao cả mà (đứng dậy).
- Phong : Về luôn thể, chứ Vĩnh (chợt nhìn thấy mũ trên bàn). Kia, chiếc mũ của móa, chiếc mũ của móa (Phong cầm mũ lên thì điện cũng vừa tắt, ngọn nến trên bàn lung linh sáng) Về luôn thể đi Vĩnh. Tạnh mưa rồi.
- Vĩnh : Hai người cứ đi đi, tôi không về.
- Nhạc nổi, Phong đội mũ lên đầu, Vĩnh ngồi xuống ghế, sẵn khẩu bút dẫn Phong và Liên. Còn lại một mình Vĩnh thôi tắt ngọn nến làm sẵn khẩu tối hẳn một nửa, và biến mất vào nửa bóng tối đó. Trong quầng, bóng người gái rượu bỗng nổi bật lên vì ánh đèn màu thắm phản chiếu sau lưng nó. Cảnh này chấm dứt màn thứ hai.

trần dạ từ

Kỳ sau màn thứ ba : Sáu người buổi sáng.

trong đường hầm

VIÊN LINH

Tôi dơ chiếc xăng quẹt lên nóc hầm rêu phủ lạnh lẽo, một tay xoa những vết ẩm ướt trên ống chân. Đọc hai bên đường rầy những bao bố phân dơi chổng chát thành từng đống vuông vắn. Mỗi khi chiếc goòng đi tới, những tấm lá vẹt khập khểnh dươn xuống, nghe tiếng đá kêu lạo xạo. Đường hầm tối om, khí lạnh bốc lên bám vào da thịt lột phớt như những đám lông trắng buốt. Tôi quẹt một que diêm châm thuốc. Một vài con dơi núi liệng vút qua trên đầu, trong bóng tối. Từ phía cửa hầm, ánh sáng lơ mơ ló vào rất lạt. Tiếng động của bọn phu khuấy lên vọng lại âm âm thưa thớt cùng tiếng bánh xe nghiêng trên đường sắt. Viên cai thợ xin tôi một điếu thuốc, không nói gì. Y cúi khom người trên goòng, hai tay nắm chiếc cần đẩy lên, xuống nhịp nhàng, ở phía sau tôi.

Mùa đông đã bắt đầu tàn. Ở miền núi, gió xiết từng cơn qua các mỏm đá sắc nghe vi vút như tiếng cửa của giang tre trên thủy tinh. Tôi ngậm miệng, đặt chiếc xăng xuống sàn gỗ, xoa hai bàn tay vào ngực. Một con vật nhỏ nhảy trên đá lách cách. Tôi vịn lấy cần đẩy goòng, cử động cho ấm người. Viên cai thợ ra ngồi gác chân lên cán xăng, hai tay ôm lấy gối. Y bắt đầu huýt sáo miệng bài hành khúc của thanh niên miền trong. Tôi nói:

— Được mấy chục bao rồi ?

Y chỉ một đống bao bố phân dơi ở phía tay trái dơ hai ngón tay hình chữ V, nhìn tôi. Mỗi đống là 15 bao. Mỗi ngày bọn phu phải xúc 45 bao mới đủ số.

Tôi gần cửa hầm, chúng tôi thấy rõ bầy dơi hơn. Chúng đàn những vệt đen trong khoảng sáng đục của buổi chiều, nắng đã tắt, khi núi loang ngoài không. Viên cai thợ sờ hàm râu đen nhánh lồm chồm, vút đi vút lại. Y hếch cằm lên, co môi dưới phủ lấy răng, mắt hình như nheo lại. Y quay nhìn tôi, hỏi:

— Lâu không thấy cậu nhắc tới Liên ?

TRONG ĐƯỜNG HẦM

Tôi gạt đầu, không nói gì. Y cười thân mật với tôi, như vậy đã ba tháng nay. Ngày đầu tiên ra làm ở các hầm phân dơi này, tôi ghét y ngay khi mới trông thấy y. Chân y khệnh khạng, hai vai lệch, bộ râu ketch cồm. Tôi đã định ghi nốt xấu vào thẻ y cho bỏ ghét. Thẻ đó lên lời trên, chắc chân y sẽ gặp khó đỡ. Lão giám đốc lại khó tính, vả là chủ tôi. Về sau tôi không làm việc đó nữa vì thấy y xử sự thẳng thắn, cương quyết. Ở đây, tôi chỉ có y để nói chuyện, nếu không muốn ngồi nghe tiếng gió ở các mỏm đá cũng tiếng xeng xúc lạo xạo, hoặc ngâm bầy dơi núi to lớn bay hỗn loạn trong các đường hầm bỏ hoang, hay ở trong hai toa tàu đổ úp trên đường rầy, ở đầu cửa hầm số 4. Chuyến tàu này của quân đội Pháp tiếp tế khi giới cho cuộc hành quân A1 - 10 - lạng ở vùng trong, đã bị bọn Mèo phục kích, để mấy toa nằm lại đó cho tới giờ.

Những lúc ngồi thế đã chán, tôi hỏi han y vài lời. Sau thành quen. Y hay hỏi tôi về Liên, người vợ hôn thê của tôi. Mới đầu tôi đáp lững lờ cho qua. Về sau, có lúc tôi kể cho y nghe cả những chuyện kín của chúng tôi. Y tỏ vẻ khoái. Y ưa nghe song chẳng kể lại cho tôi một chuyện tình nào của y cả. Y có vẻ mảnh lờ ở chỗ đó. Y hay sờ râu và xoa bụng mỗi khi nghe chuyện hoặc kể. Đôi mắt to sâu dưới đôi lông mày đen, rậm của y rất tốt. Hoặc y hóa trang vậy, mắt y sáng hơn thế. Có một lần y kể một chuyện mà tôi không thể tin. Đó là chuyện y xò một phụ nữ ngã xuống vực, gần đèo A1 Lao. Y kể lại chuyện đó không một vẻ hồi tưởng nào thoáng trên mặt. Tiếng nói trung bình, đều đặn không thấy cảm xúc. Y bảo mẹ thê mà móa ầy có một cái nạng ngã liền.

Y dơ tay phải lên cao, chúc ngón trở xuống, ngón tay cái búng tách một tiếng. Tay trái y xoa khắp bụng, sau làn áo. Y ngồi xếp bằng ở trên goòng, để lưng gù. Y ghét những kẻ vô ích, không làm được gì, dù là làm điều xấu. Y có vẻ hiền từ, không thể hại nổi một con chim bồ câu.

Buổi chiều nhợt nhạt trong các khe núi âm thấp. Những lùm cây dưới thấp bắt đầu tối sẫm. Một người thợ vai vác xeng đang đi về phía goòng. Tiếng nói thưa thớt, nhát gừng. Trong sắc xám của đá, một vài hơi khói trắng loang ra vẩn vơ trong không rồi loảng mải. Một người thợ, còn trẻ, văng tục. Y nói luôn luôn tới cái giồng của bọn kia. Họ đi trên các tà vẹt, dơ hai tay lấy thăng bằng đi trên thanh đường rầy, tiến về phía chúng tôi.

Viên cai thợ hỏi một người thợ trẻ tuổi :

— Tất cả bao nhiêu ?

— Bốn mươi, để mai làm bù.

— À, tại sao vậy. Nhẽ ra phải xúc cho đủ số.

— Vâng. Để mai làm bù. Hôm nay tôi lạnh đấy.

— Lấy goòng chúng tôi về trước đi.

Tôi bước xuống đất, thấy cái goòng của họ ở gần cửa hầm số 4, cách đó một quãng.

Tiếng xeng kéo lê trên đá kêu lách cách. Có tiếng nói :

— Ngủ với thằng khác rồi, con ơi !

VIÊN LINH

Viên cai thợ dứt hai tay vào chiếc quần nhà binh đầy cộm, đưa mắt nhìn tôi.

— Ở đây đâu có gì cả. Ra chợ đi.

Tôi nhìn dọc theo đường sắt, bọn thợ đang đi vào đường hầm số 3, một khoảng trống hõm, tối. Tôi nói :

— Xa quá.

Nhớ lần khi xe đồ khách xuống chợ, tôi đi bộ từ đó vào đây, mất gần ba tiếng, dọc theo đường xe lửa. Viên cai thợ hất tay, đi về phía goòng, nói :

— Không lo, để moa đây cho.

Tôi đi những bước dài trên các tà vẹt, lòng trống rỗng. Trong khoảng nửa năm nay, tôi được gặp Liên có vài lần, đầy những cái rắc rối trong lời nói. Và tôi sợ những câu sang sủa, những cái gì lơ lửng. Tôi yêu nàng, chưa ổn thỏa được gì, kể cả đời sống riêng.

Viên cai thợ xoay chân đầy goòng đi, bốn bánh sát chệm chệm chuyển, tôi nhẩy lên, nằm ngửa nhìn trời. Tôi không rõ tại sao cứ phải như vậy, toàn những mẩu khó chịu vấp vấp, cả ở trong sự im lặng. Nhất là những lúc nàng nhìn tôi.

Tháng tám năm ngoái, khi mùa mưa sắp dứt tôi về ngoại ô Saigon thuê một căn nhà văn cây sống một mình. Nhà có hai gian, lợp lá gồi, cái xén gọn ghẽ. Phía trước cửa là một sân gỗ ọp ẹp, dưới nhà là con kênh cạn. Khi trước con kênh này ăn thông ra một nhánh sông gần cầu, bây giờ nước đã rút, người ta dựng nhà ở trên đó. Mỗi đêm tiếng chân tôi gõ lộc cộc trên sân gỗ như tiếng đe dọa của mình, do một kẻ khác gửi tới. Xung quanh nhà là vườn vô sữa và nghĩa địa thuộc ngôi chùa sơn vàng phía tay phải, trước mặt. Những đêm khuya tôi hay ra ngồi trên ghế đá sau chùa, nhìn lên cây lóng say nghĩ ngợi quanh co. Liên hay đến đó, có khi ngủ lại, để đó sự vắng vẻ và một cái bóng, mỗi khi tôi thấp đèn ngồi trước bàn. Cứ mỗi đêm, khoảng hai giờ, chuyển xe lửa chạy gần đó đều làm tôi thức dậy. Với đôi mắt lớn tôi nằm im tới sáng. Khi sáng, ánh nắng lọt qua các khe gỗ, xếp căn phòng thành từng miếng, tôi ngồi dậy. Ở trên gối thường ướt và lưa thưa vài sợi tóc rụng. Tôi hay gọi tên nàng, đủ để một mình nghe, ở nhà đó.

Tôi chằm thuốc hút. Trên nóc hầm, bày dơi treo từng chùm nân xẩm. Tiếng goòng đi qua, chúng kêu chít chít. Khi lạnh tỏa khắp, tôi khoanh tay trên ngực, nghe ngóng, nủi và cây cối cũng vậy. Đôi mắt tôi nhìn trần trần vào mồm đá nhô ở hông hầm. Mọi sự bằng đi, hút lại phía sau với một cái xoay thật lúi lủi đừ chóng mặt.

Nơi ngã ba, từ trên lưng đồi rẽ xuống, lò nhỏ ba bốn cái quán dựng. Chúng tôi từ ngã đường xe lửa lên. Bọn thợ đã quây quần ở đó, ngồi uống rượu đế, uống nước chanh, hút thuốc hát hổng và chửi tục.

Viên cai thợ đi trước tôi, cao lêu nghêu, vai lệch, hai tay đánh không đều. Chúng tôi qua con đường cái vào chiếc quán đầu chót, nhỏ nhất, gọi bún ăn. Ở phía dưới, phía tay trái ngọn đồi, một con lộ nhỏ ngoằn ngoèo đi vào vùng cây xanh, nơi biên giới. 1 hạt xé, lăn vào nền tím xám

TRONG ĐƯỜNG HẦM

của rừng, một chồi canh quăn quại lá cò trên mái. Dãy núi dài chạy dọc theo hướng tây bắc, im, lẳng lẳng. Trên trời mây bốc lên cao, xám tro. Qua ngọn đồi trước mặt là biển. Tiếng sóng ầm vọng lại, trầm nặng, đều và nản. Đứng trên đồi không trông thấy mặt nước, tôi phải nhìn mây để đoán chừng hải phận.

Viên cai thợ xĩa răng, rút thuốc hút. Y hỏi :

— Liên bây giờ làm gì nhỉ ?

Tôi rút khăn lau miệng, lẳng lẳng. Ở đây, y lấy chuyện đó làm chuyện mình. Nhiều lúc chính tôi cũng có cảm tưởng Liên là một người thân của cả y lẫn tôi, chứ không phải chỉ của tôi. Những kẻ khó hay ngộ nhận, phải để cho kẻ khó ngộ nhận như vậy.

Tôi lấy bao diêm trên tay y, nhìn y lắc đầu. Tôi châm thuốc, ngồi dựa lưng vào cột, nhìn quốc lộ cách đó một khoảng chục thước. Con đường cái lớn, trải đá dăm chạy theo ven đồi. Đường rầy, xếp trên những tà vẹt gỗ rế xuống mé biển, chui qua các đường hầm, nơi chúng tôi lấy phân dơi. Tôi nghe tiếng huýt sáo miệng và tiếng vọng cổ ồm ồm vọng lại từ cái quán bên.

Tôi nói với viên cai thợ.

— Nàng sắp ra đây thăm tôi.

— À.

Y chợt nhìn tôi, lững lờ, y không tin. Tôi rõ Liên, nàng can đảm, hơi liều lĩnh. Cách đây hai hôm, tôi nhận được thư nàng báo trước. Tôi im lẳng giữ một mình niềm sung sướng và chờ đợi đó, cho tới khi nói ra với viên cai thợ. Tôi nhìn cái hàm râu đen nhánh lởm chồm của y muốn cho y một cái tát, nhất là lúc y cười. Y nói khoái nhỉ. Tôi dơ tay bóp má vuốt xuống rồi xoa mặt không trả lời. Viên cai thợ hỏi.

— Hôm nào ra ?

— Chừng vài hôm nữa. Tôi định nói chừng ngày kia.

— Khoái nhỉ.

— Ờ. Đẹp lắm.

— Hà ? Dĩ nhiên rồi. Mưa biết từ lâu. Chắc nàng sẽ mặc áo vàng ;

— Đi núi mà ? Ờ phải rồi, chắc sẽ mặc bộ hôm đi Long-Hải. Y ngắt lời tay xoa bụng. Tôi muốn cho y một cái đấm.

Mây xám từ dưới khe bốc lên dằng một mảnh dài trên trời, nắng chiếu ngược, làm thành một vệt máu loãng, một con chim bay từ trong đó ra, lao như một viên đá. Viên cai thợ xin tôi một điếu thuốc. Tôi nói hết mẹ nó rồi. Hắn lẩn từ từ trong túi quần, lôi ra một điếu đã gầy đôi, châm hút. Tôi muốn cho y một cái đá. Y ư ử hát bản Tô châu dạ khúc, đoạn cuối. Xong y nói một mình mẹ hay tuyệt. Này cô Liên biết hát không ? Hát hay bỏ bố ấy chứ. Thế à. Ờ chứ gì. Tôi duỗi hai chân trên chiếc ghế bên cạnh, ngâm mấy câu lục bát của Nguyễn-Du. Nàng đã biết đến ta chăng ư bề trăm luân lớp á cho bằng ư ừ mới í thôi.

Y nói ngâm dỡ quá. Tôi nhìn y trân trân, mày biết điếu gì mà nói. Thối bỏ mẹ. Y nói ở thế mà ưc.

Tôi muốn khện cho y một trận. Song nghĩ sao chỉ chửi đồng một

câu rồi cười.

Y lấy dụng rồi hát. Đêm hôm qua khi cung đàn lên tơ ơ khi chót yêu người rồi ời mây trắng bay tìm đàn đề người ư thôn thức ư trong ư phòng ư loan ư a a...

Tôi bảo thôi bỏ mẹ. Y cười khềnh, nhõ bợt. Tôi cúi tiết nói coi chừng tao nghe không. Y rút túi lấy tiền trả nhà hàng. Tôi đỡ mất mấy chục, lẳng lẳng lườm y.

Dáng khệnh khạng y bước ra đứng giữa đường cái. Bọn thợ ở quán bên cạnh gọi y, nói lằng xằng. Chúng tươi cười với nhau. Tôi nghĩ tao đâu có cần tụi bay. Tôi muốn cúp lương tụi nó quá, và tôi mỉm cười khinh bỉ nhìn bọn ngu dần.

Chúng tôi đứng cạnh hồ nước, cách chân núi khoảng vài chục thước. Trên mặt hồ, một tầng vàng lóng lánh trải như một tấm gương thủy ngân, in hình mấy ngọn núi, từng lỗ hồng xanh ngắt, quánh đặc. Nước suốt năm không hề được luân lưu, muốn sệt lại thành một thứ dầu. Khi mới tới bọn thợ kháo nhau ở đây có mỏ đồng. Có đưa kèn mỏ vàng. Và không hiểu có thằng ngu nào tính chuyện khai thác không nữa.

Viên cai thợ ném mấy hòn đá kèn lồm bồm, y nhìn xung quanh bảo tôi: — Có con bé nào ở đây thì tuyệt quá.

Trên chóp núi, một con chim mỏ lớn nghênh cổ nhìn xa. Trong hầm, bọn thợ đập xẻng chạn chát vào vách đá, rồi rạc từng tiếng. Phía tay phải tôi, dưới cổ, một bộ xương người rã rời theo một mặt phẳng, tứ chi duỗi ra, sọ nằm xấp. Gần đó, một chiếc quai va li bằng sắt đã hoen rỉ, một lưỡi dao ngắn, mấy đồng kẽm Bảo Đại. Tất cả là một loại lằng mạp, đồ mơ mộng.

Viên cai thợ nói sao mãi Liên không ra. Nhớ quá.

Tôi phũ ổng quần, nhìn xa. Buổi sáng đã mất hẳn, khí nóng bắt đầu. Tôi bỗng nói moa nhớ hôm đi Ban mê thuật quá, nhất là ở An Khê. Y quét chân lên cỏ, đưa đi đưa lại, nói bôm ấy Liên bạn áo vàng. Tôi bảo mặc áo vàng. Y bảo bạn cũng được, bạn khác gì mặc. Tôi bảo cái tiếng đó quê lắm. Nhắc đến cô ấy phải cần thận. Y nói ở quên, xin lỗi.

Tôi bỏ y đi trở lại theo con đường phía rừng vòng qua một đồng sắt rỉ. Y đứng hát. Tôi thấy nhớ Liên, tôi gọi Liên ơi Liên, Liên ơi. Tôi quay nhìn lại coi viên cai thợ. Chắc y chả nghe thấy gì. Tôi nói Liên ơi Liên, anh muốn gần em quá Liên ơi. Bàn tay tôi lờng chổng trên những thối kim khí khô, tôi lấy móng vẽ những đường cong lồi lõm trên đó. Tại sao mình không lấy nhau cho rồi? Tôi nghĩ tới bọn phá đám; bố mẹ nàng. Vả, cũng tại nàng nữa. Tôi nói anh nghèo lắm.

Đôi mắt đứng lại trong một khoen ốc, trơ trơ bất động. Đầu óc tôi lì lợm như một mặt phẳng nhẵn bóng, mọi cái tới đó trượt ngã tuột mất. Trước mặt Liên, tôi thường bị như vậy. Cách đây một thời gian ngắn, tôi thất nghiệp phải bỏ căn nhà vắn cây vụng ngoai ở về ở với vài

TRONG ĐƯỜNG HÀM

người thân thuộc ở một vùng ngoại ô khác. Tôi chỉ gặp Liên ở một khách sạn trên Sài Gòn, trong căn phòng của một người bạn. Những lần gặp nhau ở đây thường chỉ gây những tình trạng căng thẳng muốn dứt tuột mọi thứ. Tôi ôm nàng trong thân thể và tưởng như một người nào khác. Mọi hình ảnh của quá khứ trở nên bất lực đã rút đi hết. Chiếc nệm trắng, tiếng hơi trong ống nước làm tôi bứt rứt, mỗi một. Nàng yêu tôi và rất khổ tâm. Tôi biết vậy, nhưng không có cách nào tránh khỏi. Không khí của cầu thang, của lối đi trải đá gập ghềnh bụi đất bần thiêu khiến tay chân tôi lộn cợn, khó chịu. Tôi không thể nào thích nổi nắng ở đây. Những khuôn mặt của chúng cũng vậy. Và tôi muốn bỏ đi xa. Quần áo tôi mặc bỗng trở nên rộng, dính sát vào thân thể. Tôi tự hỏi nhiều lần có lẽ mình lầm lẫn về hạnh phúc của mình. Chúng tuột hết cả mà vẫn ở đó, trong tầm tay nhưng không thể sờ tới nữa. Qua một thời gian, bây giờ mọi thứ đều quen thuộc, đảo lộn xung quanh theo một nhịp điệu luân lưu cũ rích, chán ngán. Hạnh phúc chẳng cách nào ưa điều đó. Hoặc tôi chẳng cách nào ưa điều đó, nó đã mòn trơ hết cả. Tôi chỉ nắm được những vật nhẵn sờ sờ ra đó, khô khăng trong tay, không còn gì lưu luyến nữa, tựa như những cườm sắt bóng và những mặt ghế nâu xỉn trên xe buýt. Những lúc bàng hoàng trở về trước những cái đó tôi khóc. Nước mắt chảy xong mắt khô ráo trơ trọi, tôi biết là đã mất, chúng ta đã mất, a lô.

Viên cai thợ đi tới, phía sau tôi, lời bực bội khó chịu, lúng túng trong bộ quần áo của mình. Tôi rút một điếu thuốc ngậm trên môi, cay xè, đắng và khô. Dù vậy tôi cũng chăm hút, cổ họng se lại. Tôi bỏ đi, ra quán trọ về phòng viết một lá thư cho Liên.

Trong bóng tối của cái quán, buổi chiều đã xuống, viên cai thợ ngồi chăm chú dò từng quân cờ, tôi rình bắt cho được những nét biến chuyển của y hơn là đôi mã y quý như vàng. Thỉnh thoảng y lại gõ tay lóc cóc xuống mặt ghế, hoặc vuốt tóc. Y dờ dẫm ngu dòn khi suy nghĩ, đôi môi xám chì trề xuống, dính chút dớt bọt mép. Tôi mấp máy mấy ngón chân giữa trong chiếc giày nặng chịch có gợn sỏi âm ưt. Tôi nói lên mã mẹ nó đi. Y bảo thế thì mất bố nó thế liên hoàn mã. Tôi bảo không tao chặt vậy. Y bảo chặt là chặt thế nào. Tôi bảo thế thì lên mã mẹ nó đi chứ còn gì nữa. Y nói thế thì mất bố nó thế liên hoàn mã, không được. Tôi cáu tiết định đập ghế cho y ngã bở xuống chơi. Y bỗng nói thôi hòa. Tôi bảo hòa là hòa thế nào, thua cha nó rồi. Y cãi thua thế mẹ nào được, cờ đang nước. Thế thì đi đi. Thôi hòa. Hòa, đồ lằng mằng.

Tôi gạt những quân cờ xuống đất, đứng dậy. Tôi muốn cho y một cú đấm. Y cười hề hề, nói tại nhớ Liên quá đánh không được nữa. Tôi bảo để tao không nhớ. Y bảo tao nhớ hơn, bây giờ chiều tối chắc Liên mặc áo trắng lụa. Tôi bảo ngu bỏ mẹ, tối mà lại mặc áo trắng. Y bảo tao ngờ thế, à, Liên hay mặc áo xanh rêu vào chiều tối,

quên mất, xin lỗi. Tôi chầm thuốc hút, nằm dài trên chiếc ghế bành phía ngoài chõng nhìn xuống chân núi xa. Mầu trắng lơ mờ đã bốc lên, tỏa trong không, trên các đỉnh cây thấp. Ngày mai Liên sẽ có mặt ở đây. Tôi nhắm mắt mơ mộng. Một lát sau tôi mở mắt, bàng hoàng rung động trong sự yên lặng bất chợt nhận thấy. Viên cai thợ ghếch chân lên mặt chõng cũng đang hút thuốc. Tôi hỏi nghĩ gì thế. Y cười, mắt dịu dàng rất đẹp, nhìn tôi :

— Nghĩ tới hôm Liên ở Vũng Tàu.

— Cũng nhớ à ? Tôi hỏi.

— Nhớ chứ. Hố cậu hôm ấy Liên mặc áo màu gì ?

— Đỏ.

— Đỏ, sơ mi cụt tay. Quần màu gì nào ?

— Quần chèn.

— Hún, cậu cũng nhớ nhỉ — *viên cai thợ nói* — Quần chèn mầu đen bó sát mông và đùi. Đeo kính râm. Móa nhớ quá.

Tôi như y nói, tôi bảo :

— Có chuyện gì hay kể nghe.

Y lắc đầu, nói chậm rãi :

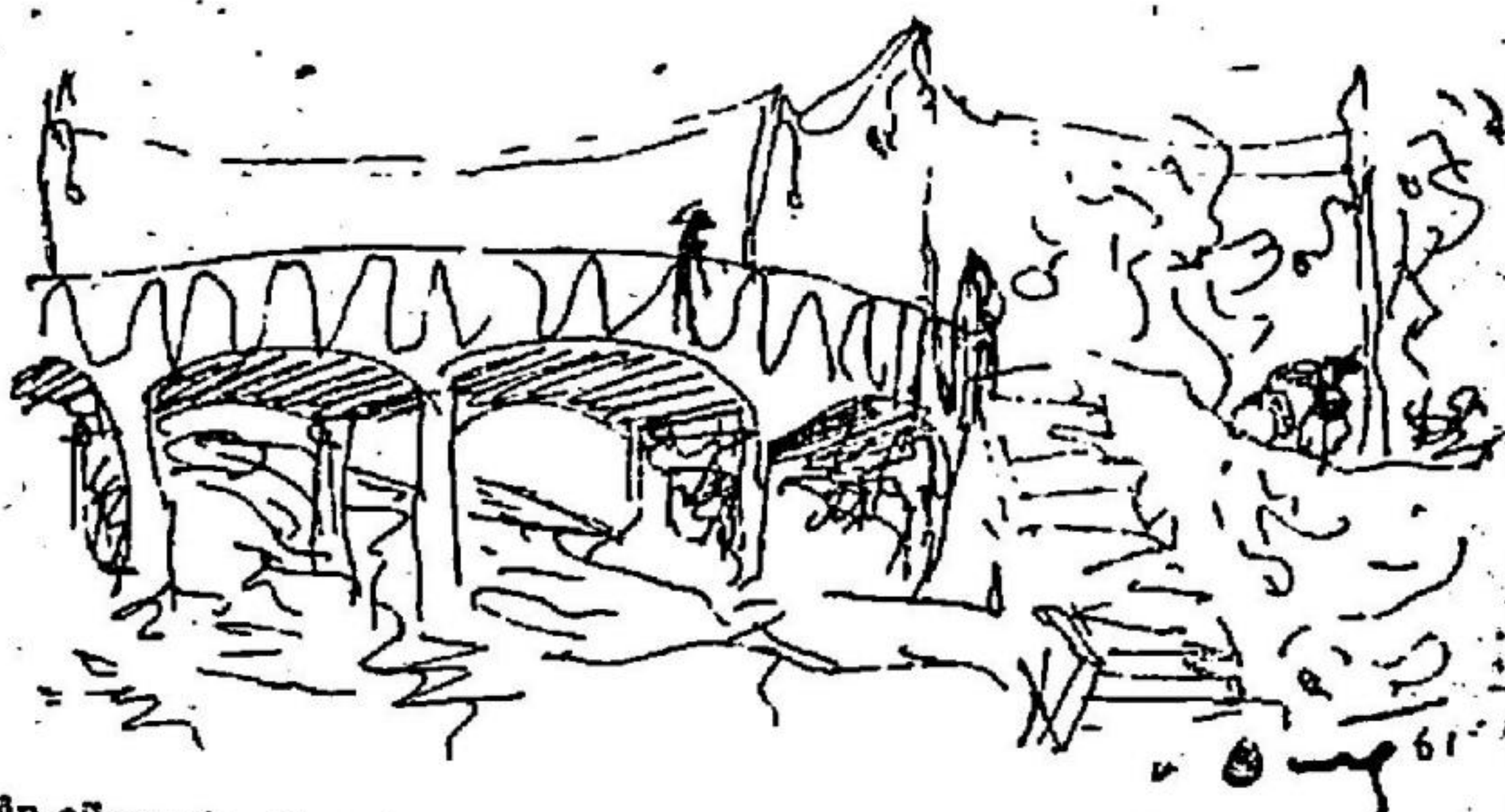
— Móa chỉ nhớ chuyện về Liên, nghe không ?

Tôi dơ cao hai tay lấy đà ngồi nhồm dậy, đi ra khỏi quán. Y thật đứng trí, *nhớ như tôi vậy*. Tôi bỗng nổi giận khi nghĩ tới bộ râu rậm rạp của y. Ngoài trời lạnh, gió lộng từ trong núi ra, nền mây xám dần nặng dần. Thế nào tôi cũng phải khện cho y một trận. Tôi nhớ tới những ngày ở Vũng Tàu với Liên. Chúng tôi thuê một phòng ở khách sạn Việt Nam, hồi ấy còn là sở hữu của anh Lầy. Phòng trông ra bãi buổi chiều đứng đó chúng tôi trải qua cái nhìn dò xét của nhau. Liên hay khịt khịt mũi, lúc dơ tay lên che miệng là nàng nhìn tôi qua kẽ các ngón nhỏ muốt. Chúng tôi sống với hết sức mình, không tiếc và e dè. Liên cũng chẳng khó tính lắm, nàng hiểu tôi nên để cho tôi dễ dãi. Liên cũng chiều chuộng tôi và cố sức làm cho tôi vừa lòng, nàng có dáng điệu của một người bề trên khi sẵn sóc tôi, nụ cười nhẹ nhàng không chịu nổi hết, mắt dịu dàng, mặt trong sáng hơi có dáng mơ mộng mệt mỏi sau một giấc ngủ. Nhìn khuôn mặt nàng tôi thường nhớ tới một vài người khác đã ở xa: khuôn mặt tối xăm cay cú dè xèn và cặp mắt lăm lét sau cái dáng thẳng thắn, lưng tưng của Bích ; khuôn mặt thơ ngây hiền lành chậm chạp của Diệp ; trẻ con và e dè của Lam. Và sau đó là nụ cười của tôi trở về trước mặt Liên thoải mái vui thích hiền và thẳng thắn.

— Ê, uống rượu này.

Tôi quay lại cầm lấy ly rượu ở tay viên cai thợ, y đứng xoạc chân bên cạnh nhìn ra xa, một tay đút túi quần xoắn lên. Tôi nhìn hàm râu đen của y, uống cạn ly rượu, vòng bàn tay ôm chiếc cốc không đưa đầy ngang hông. Tôi tự hỏi tại sao y ít chuyện để nói — ngoài chuyện về Liên, mặc dầu y chưa hề gặp nàng lần nào — tôi muốn y nói nhiều hơn tôi, phần yên lặng phải dành cho tôi, tôi thích vậy. Những sở thích của tôi không thể dễ giống kẻ khác, kể cả

TRONG ĐƯỜNG HẦM



Liên cũng vậy, khi nằm ngủ tôi không bao giờ mặc đồ và bao giờ cũng phải đắp một tấm chăn đơn, mùa nóng cũng thế. Khi Liên nằm cùng với tôi, trước khi ngủ tôi đều bắt nàng mặc quần áo cẩn thận. Tôi ngủ thế mới được, không bị bứt rứt khó chịu hoặc quay đi quay lại trần trọc nhìn sang bên cạnh. Tôi bảo viên cai thợ :

- Có chuyện gì nói nghe thử.
 - Chuyện gì ?
 - Gì cũng được.
 - Đâu có chuyện hay.
 - Tại sao mày đẩy người ta xuống vực ?
 - Đâu phải tao.
 - Chính mày kẻ thế.
 - Thật à ? Chắc tao quên.. Tao đẩy làm chó gì. Không phải tao. Tao nói láo. Này, bao giờ Liên ra, hay mày nói bố láo ?
 - Ở chắc tao nói láo.
 - Mày nói thật ?
 - Chứ gì.
 - Sao mày bảo sắp ra.
 - Hy vọng thế.
 - Đâu mẹ. Đồ khốn nạn.
 - Này coi chừng tao nghe không.
 - Mày làm tao hy vọng. Vớ vẩn.
- Y dúi mũi giấy xuống cổ, mắt nhìn xuống. Tôi châm thuốc hút, thở khói mù trước mặt. Y nói buồn quá nhỉ. Tại sao Liên lại không ra, xin điếu thuốc. Hết. À, y huýt miệng bàn tay phải đập vào túi quần, rồi rút ra một điếu quần queo, dơ tay xin tôi lửa. Tôi đưa điếu thuốc đang hút cho y, cử động lừng khừng.

Trong quán mọi người đã đi ngủ. Đèn tắt. Trong bóng tối của rừng núi, chúng tôi đứng gần nhau cùng nhìn về một phía, và thù ghét những cái lặt vặt khó có thể nói của nhau. Vả, một ngày nào đó sau này nếu gặp nhau ở một nơi khác, chắc hẳn tôi không bao giờ để cho y nhìn thấy mặt. Mọi cái đó chẳng ích lợi gì trong khi đời sống của tôi cần được mua vui cần phải bỏ bớt những trí nhớ thừa thãi vô ích. Mặc dù hiện giờ y cũng nhớ Liên như tôi vậy, và y cũng đang nghĩ tới nàng y giống tôi là làm hại tôi, ít ra là làm tôi ghét. Tôi bảo y thôi đi ngủ đi. Y quay lại, bước vài bước rồi lại quay lại nói mày còn đứng đó à? Ừ. Sao mày bảo tao vào. Tao không thích mày đứng gần tao. Y cất tiếng cười hề hề, nói tao hiểu. Tôi bảo hiểu cái điều gì. Y nói mày sợ tao. Tôi nổi khùng song nghĩ mình không cần nói nhiều với đồ đàn dộn, bèn cười nhạt. Y quay vào. Tôi bỗng gọi ề! Y quay lại tôi nắm một phát nghe cái bực vào bụng y loạng choạng lùi lại. Tôi nắm hai tay vào nhau hạ xuống gáy y một cú chắc nịch. Y lừ đừ bỏ xuống cổ, nằm xấp. Tôi nhổ bọt lên đầu y rồi vào quán nói lớn cho con chết. Có tiếng hỏi gì đó ờng. Tôi bảo nó sắp chết ngoài kia kia. Sao thế. Cái gì đó ờng. Tôi quát ngu bỏ mẹ tao đánh nó sắp chết bỏ nó ngoài kia kia. Có tiếng diêm quẹt và tiếng nói lao xao, tôi bỏ vào giường nằm, hai tay còn run.

Buổi sáng dậy sớm, tôi hơi thấy lạnh phấp mặc thêm chiếc áo dạ cũ kỹ trước khi vào đường hầm. Gia đình người chủ quán nhìn tôi với con mắt e dè của người muốn làm quen. Tôi phớt tỉnh ra chống ngồi ăn bún uống nước và hút thuốc lá. Sương dưới lưng mù mù bốc lên loăng ra trên các sườn đồi xanh. Trước mắt tôi rừng núi im lặng bí mật quyến rũ. Tôi thò tay vào áo trong xoa ngực. Tôi bỗng mỉm cười một mình khi nghĩ tới sợi lông dài đen nhánh và soăn mọc vô bờ ở cánh tay phải. Cừ rưng lại mọc không biết để làm gì? Liên hay vuốt và muốn dứt sợi lông ấy mỗi khi gần tôi. Tôi đã tát nàng ba chiếc vì thế. Hôm nay nàng tôi đây thì thật là tuyệt diệu. Viên cai thợ đã cụt hứng và chắc đã vỡ mộng. Tôi không ngờ đánh có hai cú y đã gục, tôi nắm bàn tay lại ngấm ngấm mỉm cười.

Chiếc goòng dành riêng cho tôi đậu trên đường sắt. Tôi nhảy lên, xoạng chân hút thuốc rồi huyết. sáo một bài ca của phụ nữ, cúi xuống đẩy cần cho goòng đi. Trong đường hầm thứ nhất, bày dơi bắt đầu ngủ, tiếng kèn nhỏ thưa thớt. Khi lạnh bốc lên trắng như sương, nước rỏ xuống vai, chân tay làm tôi ngứa ngáy. Tôi chửi bậy rồi nằm xuống khi đã ra khỏi hầm. Một lát, tôi cảm thấy chấp chờn nhẹ nhàng lần một mỗi quay xung quanh thân thể, giấc ngủ đến nửa chừng không đậu lại bám riết lấy tuột trượt bãi hoải trên tư chi làm tôi cồn cào. Tôi nằm ngửa, bất động nhìn lên trời. Tự đứng trong yên lặng một loạt những âm thanh ù ù kéo tới, tôi mở to mắt lắng nghe. Trên cao, bóng núi xanh mát, trời rộng trắng. Thật nhỏ, thật xa, tiếng biển ầm động lại từ các vách đá xung quanh. Tôi trở lại quay goòng, trở về quán. Tôi không thiết làm gì trong buổi sáng như thế. Có lẽ một người nào đó, Liên, đang nhớ đến tôi. Tôi phải về, dù thế nào.

TRONG ĐƯỜNG HẦM

Khi bước lên vệ cô trước quán cô con gái nhà hàng mỉm cười ra ý hỏi han. Tôi gật đầu bước vào trái nhà phía sau mở va-li lấy giấy ngồi trước bàn. Tôi lấy ảnh Liên dựa vào gáy một cuốn sách trước mặt.

Ảnh nằm bên ngoài qua khe hở trên mái nhà tròn xoe lăn tăn mỗi lúc mỗi chói. Tôi ngồi như vậy thật lâu không nghĩ được gì và cũng không viết được gì. Gian nhà ngoài cô gái nằm trên ghế, một chân thò ra khung cửa lác la lác lư. Tôi nghe hình như có tiếng động cơ ở gần. Cô gái ngồi dậy ngó vào trong. Tôi hỏi :

— Hình như xe ?

— Tôi cũng nghe vậy. Chắc có xe tới ông ạ.

Tôi ghép ảnh Liên vào giữa những trang sách, bỏ vào va-li. Có tiếng âm chén lách cách rồi cô gái đi ngang khung cửa ra ngoài hiên. Tôi đứng dậy bước ra gian ngoài. Một cái gối đen bần nhàu trên ghế. Cô gái đứng trên bậc cửa tay vịn trên sà nhìn xuống con đường phía dưới. Tôi nói :

— Chắc xe Sài Gòn, cô nhỉ.

— Dạ, xe Sài Gòn chứ.

Một chiếc xe sơn đỏ hiện ra, phía dưới. Tôi bỗng hồi hộp lo sợ. Có khi Liên không ra như đã hẹn. Ở đây phải hai ngày mới có một chuyến xe qua. Tôi bước ra ngoài đường nhìn xuống lũng.

Sương đã tan hết, nắng vàng trải không đều trên các lùm cây tươi phía dưới, chiếc xe khuất vào sau ngọn đồi thấp. Tôi quay nhìn cô gái mỉm cười. Cô gái gật đầu chỉ xuống dưới :

— Ông thấy không ? Sắp mưa.

Mây kéo là là phía hải phận. Trời ư mưa lớn, nhất là ở miền này. Tôi nói :

— Tôi thích mưa lắm.

Trở vào ngồi chiếc ghế băng trước chõng tôi lật chiếc bát sành xin nước uống. Tiếng xe rõ dần, một lát nó hiện ra dưới lũng, đang ngóc đầu chậm chạp lên. Cô gái nói :

— Xe bướm vàng.

Tôi gật đầu úp chiếc bát xuống các nan tre.

Chiếc xe đỏ tới trước quán lách dừng lại. Bụi bặm bám phủ bụng nó. Vài hành khách gỡ kính ra lau, có người ngó hẳn đầu ra ngoài nhìn chúng tôi. Bác tài mặc bộ đồ xanh đội mũ kết đen nhảy xuống lật mui máy xe gấp lên. Bác ta mời mọi người xuống nghỉ ngơi. Tôi quay vào, Liên không có đó.

Từ ngoài, tiếng động lách cách cùng tiếng rít của cánh cửa xe khò khàn vọng vào. Bốn khách uể oải bước xuống, muốn khụy gối dưới đất. Một người đàn ông tóc hoa râm, mắt đeo kính đen sậm đi vào quán, sau ông ta là hai người đàn bà, có vẻ là mẹ con, một mặc áo màu mỡ gà một mặc áo xanh da trời, đi theo. Hai ba người khác mặc sơ mi trắng sẵn tay, mang giày bít ta, một người mang giày ống da của quân đội Nhật màu đỏ tươi. Ngoài hai người đàn bà đã vào quán, chỉ còn hai người khác ăn mặc theo lối nhà quê miền Bắc. Liên không tới. Tôi để cả quần áo nằm xuống giường, lấy thư của nàng ra đọc lại. Tôi giấy gấp

VIÊN LINH

vuông vẫn đã sồn cạp, có thể trong vài hôm nữa Liên sẽ tới, dù vậy tôi sẽ về vào ngày mai. Tôi chán ghét ở đây với những người chẳng liên quan gì tới mình cả. Tôi chớp mắt đi vì một mối.

Xung quanh tôi có tiếng nói chuyện rời rạc ồ ồ. Vài tiếng ho, tiếng khạc đờm và tiếng bông đùa. Tôi nằm chập chờn trong âm thanh ướt nhộp của buổi trưa dính quánh trong không khí. Trong giấc ngủ mê tôi bàng hoàng ngồi nhồm dậy trước mặt là cánh cửa sổ ngó ra núi. Tôi nghe tiếng lộc cộc trên sùn gỗ ở cầu nhà ván cây, hồi tôi còn ở Sài Gòn. Tiếng guốc của Liên và tiếng bánh xe rần rần trên sùn. Nàng ngồi tỷ tay trên bàn khóc nước nở luôn miệng nói anh không yêu em đâu anh không yêu em đâu anh còn nhớ mà. Tôi nằm trên tấm đệm trải dưới chân nàng lắng nghe. Tôi muốn nói, song tức tức ở cổ họng không thể cất lời. Tôi ngồi dậy vỗ về nàng. Nàng lấy tay hất ra nói anh đừng yên em yên đi đừng làm khổ em nữa. Tôi ngồi dậy một tay chống xuống đệm một tay đặt trên đùi mình, xoè năm ngón co lại xoè ra. Một lát không khí nóng bức đọng lại trong căn phòng, tôi đứng dậy đến ngồi cạnh Liên, gục đầu vào đùi nàng, một tay vuốt ve hoài.

Tôi bước ra ngoài cửa hàng, chiếc xe đồ đã đi. Cô gái đang lau dọn bàn ghế cốc chén. Cô nói:

— Họ đi rồi ông ạ.

Tôi gật đầu, nói:

— Mai tôi cũng về.

— Ông không ở đây nữa à. Ông đi buồn chết.

Tôi mỉm cười lấy thuốc châm hút. Mấy que diêm đều tắt phụt. Tôi bước vào phía trong che gió châm xong quay trở ra. Tôi khoác áo trở vào đường hầm. Tôi nhìn những con dơi mỉm cười từ giã một cách vui vẻ. Một lát ở ngoài, mưa trắng cả núi, tôi trùm áo, ngủ lại trong hầm đá, nghe tiếng vọng âm âm xung quanh.

viên linh